

Tác Giả và Tác Phẩm

Kiều Duy Vĩnh

Tiểu sử
(xem “Vài hàng về tác giả”)

Tác phẩm



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Công Trờì Cấn Tỷ - 2
Cuộc tuyệt thực – 12
Tết ở trại Công Trờì – 21
Đức thánh tử vì đạo thứ hai mà tôi được gặp - 25

Phụ đính:

Biệt kích miền Nam: “Hình nô” - 37
(bài viết liên quan đến Công trờì Cấn Tỷ
và Đại úy Kiều Duy Vĩnh)

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Ông Mặc Lâm, biên tập viên đài Á Châu Tự Do RFA 2010-12-24 Phong Trào PNVN/HĐCN đã phỏng vấn quý ông Phùng Văn Tại và Kiều Duy Vinh, như sau:

Ông Phùng Văn Tại, một giáo sư dạy môn giáo sử văn chương trong chủng viện, ông kể rằng: “Ngày 24 tháng 12 năm 1959 tức là chiều hôm trước chuẩn bị trang trí nhà thờ chính tòa để đón Noel, thì Ủy ban Liên lạc Công giáo, tức là Ủy Ban Đoàn Kết Công giáo đến gây chuyện, tranh dành việc trang trí nhà thờ. Tranh giành như thế cha chính Vinh cho kéo chuông. Hai cái tháp nhà thờ Chính Tòa của Hà Nội có 6 quả chuông cha chính Vinh cho ca đoàn lên kéo cùng một lúc, cứ như thể một cuộc báo động lớn năm 1959 cho nên kinh khủng lắm, và họ hô nhau đến bắt cha chính Vinh.”

Có thể nói cha chính Vinh là nạn nhân đầu tiên trong chính sách xóa sổ thềm lặng đạo Công giáo mà chính quyền Hà Nội hướng tới. LM Nguyễn Văn Vinh do quá cương quyết và không chịu khuất phục đã âm thầm chịu chết sau đó trong trại giam Cổng Trời. “Bắt cha chính Vinh xong họ bắt một số ca viên, có những người chỉ mới 16, 17 tuổi. Cha chính Vinh bị bắt và cuối cùng ngài bị đày lên Cổng Trời. Cổng Trời là một cái địa ngục nhốt cho đến chết thì thôi, cùng với cha Lương Huy Hân. Cái chết của cha chính Vinh là như thế.” Đại Úy Kiều Duy Vinh, khóa 4 Đà Lạt, kể lại rằng:

“Tôi tên là Kiều Duy Vinh sinh năm 1931 tại Hà Nội. Tôi học trường Chu Văn An, thế rồi giữa năm 1950 và 1951 tôi học ở trường sĩ quan Đà Lạt khóa 4. Tôi ra trường và đến năm 1954 tôi là đại úy tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 74 D Việt Nam ở khu 9 Linh Trang thuộc địa phận Hải Phòng....

(xem tiếp ở hân dưới: “Cổng trời Cẩn tỳ”

Cổng Trời Cẩn Tỳ

Tôi sợ dĩ sống đến hôm nay là vì tôi không phải là người Thiên Chúa Giáo. Nếu tôi mà đeo Thánh giá ở ngực và biết câu Kinh thì tôi phải chết đã lâu rồi, từ những năm 60 của thế kỷ này, khi còn đi tù đày ở Cổng Trời kia.

*Ngày ấy tuy qua mà như còn đây...
(Chí Thiện)*

Vào năm 1954 tôi là con một, tôi không đi di cư và ở lại miền Bắc, tới năm 1959 tôi bị bắt đi tù. Tôi tình nguyện thứ nhất 10 năm từ năm 1959 tới 1969 tại trại Cổng Trời. Ở đó tôi gặp tất cả những người tử tù đặc biệt là 72 người đầu tiên. Tôi lên cùng anh Nguyễn Hữu Đang (ông là người từng lãnh trọng trách tổ chức buổi lễ tuyên bố độc lập cho chính phủ Hồ Chí Minh. Ông cũng là con chim đầu đàn của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, bị bắt khi phong trào này đòi quyền tự do sáng tác.). Chỉ còn mỗi tôi và anh Đang còn sống còn 70 người còn lại chết cả trên trại cổng trời. “Trại cổng trời là cái tên một địa danh mà dân gian đặt ra vì ở đây nó là một cái dốc cổng trời. Còn địa danh do Bộ Công an, Cục Lao cải thì tên chính thức của nó là C65 HE

công trường 75A Hà Nội. Không ai biết địa điểm của nó ở đâu, người ta muốn hỏi trại Cổng trời ở đâu thì đến Hà Nội, hỏi Bộ Công an, và Bộ công an thì...đấy địa chỉ đấy...

Chúng tôi được tập trung ở Hỏa Lò Hà Nội từ khắp mọi miền đất Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở ra: Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa, Mỏ Chén, Bát Bạt, Sơn La, Yên Bái, Lao Kay. Tay xích còng số 8, hai người một.

Hàng đầu: Cha Vinh (địa phận Hà Nội) người bị kết án có 18 tháng tù thôi thế mà hóa ra án tử hình. Cha Quế, địa phận Xã Đoài, Nghệ An. Thứ đến là Nguyễn Hữu Đàng, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm. Tu sĩ Đỗ Bá Lung, tu sĩ xứ Ngọc Đồng Hưng Yên (nay là Hải Hưng), khét tiếng chống Cộng Sản (1). Tiếp sau đó là một lũ tù dây, đầu trần trán khỉ, hôi hám rách rưới, chống bướng, cứng đầu cứng cổ không chịu sự cải tạo của Đảng và Chính phủ, bọn "dám bẻ que chống trời..."

Chúng tôi lên xe đi. Súng ống bao quanh. Đi đâu?

Không ai ai biết cả. Cả những người cầm súng, cũng không biết. Có lẽ chỉ có một người biết. Người đó xách cặp đen đựng danh sách tù nhân, mặt mũi tử tế, ăn mặc dân sự chỉnh tề, đi trên chiếc commăng ca dẫn đường.

Chỉ biết là chúng tôi đi lên hướng Bắc. Ngày đó đường xá đầy ổ gà ổ voi, xe đi chậm. Mãi trưa chúng tôi mới tới Vĩnh Yên. Nghỉ lại ăn cơm trưa.

Tôi ngồi gần Nguyễn Hữu Đàng, thấy người xách cặp đen đi qua để "kiểm tù" nói năng lễ độ tử tế, nhẹ nhàng.

"Anh Đàng, anh có khỏe không?"

"Vâng, tôi khỏe"

Hai người nhìn nhau thông cảm

"Anh có yêu cầu điều gì không?"

"Không. Cám ơn."

Người đó lặng lẽ đi tiếp.

Chúng tôi lại tiếp tục đi lên phía Bắc. Đến Đuan Hùng. Lúc đó chưa có cầu. Chúng tôi phải xuống xe chờ phà. Để tránh sự chú ý: họ lừa chúng tôi vào sâu trong ngõ cạnh đường, ở đó có một trường học. Có lẽ cấp hai. Các em học sinh và các thầy cô giáo tò mò ra xem lũ tù đày. Họ chỉ trở xì xào, hỏi han.

Nguyễn Hữu Đàng hỏi:

"Các cháu có biết nhân vật lịch sử Cao Bá Quát không?"

Qua phà chúng tôi đến Tuyên Quang ngủ lại trại giam Tuyên Quang. Lệnh: Không được cời xích tay. Qua một đêm không thể nào mà ngủ được. Thằng muốn đi ỉa đi đại, phải đánh thức thằng tù đang ngủ dậy.

5 giờ dậy đi tiếp.

Kiểm số tù lần cuối vẫn là ông xách cái cặp đen tử tế. Ông ta tỏ vẻ rất biệt đãi đối với anh Đàng, làm tôi nghĩ đến chuyện "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân trong Vang Bóng Một Thời."

Đến Hà Giang, sau khi ăn cơm trưa, chúng tôi đi tiếp vào một con đường mới mở, hẹp và cheo leo. Mọi người nhìn nhau:

"Đi mô?"

Mấy ông Nghệ Tĩnh hỏi nhau.

"Có lẽ sang Tàu."

Anh Đàng bảo: "Lên Cổng Trời Cẩn Tỷ."

Xe đi chậm vì đường quá xấu. Thế rồi cũng qua được hết, qua đèo Quyết Tiến như là đi máy bay, qua rừng, qua suối, qua mây, và rồi màn đêm buông xuống, chúng tôi đi trong đêm. Tôi

vốn là một sĩ quan rất giỏi về Topo, cố định hướng xem mình đi về đâu, hướng nào và đã đi bao xa, nhưng lúc đó cũng chịu. Độ 2 giờ sáng đến một địa điểm đèn đuốc sáng choang.

Lệnh xuống xe.

Chúng tôi bị lừa vào một khu rừng, và vào một cái nhà có tường dày 0.80 mét bằng đất nện, cửa lim, trong nền nhà mọc đầy cây nghệ, lá xách om mướt mà. Cửa khóa lại. Không có đèn đóm gì. Tay hai người vẫn bị xích lại với nhau. Mỗi nhà nhận độ 20 người. Sờ soạng sắp xếp và ngủ tiếp.

Sáng hôm sau, cửa mở, đem toàn bộ đồ dùng ra sân. Khám xét. Lọc loại. Tất cả cái gì bằng kim loại, thánh giá, tràng hạt, kể cả cái thìa nhôm cũng bị tịch thu lấy đi.

Xong, đọc tên phân loại.

Khu O. Khu H. Khu A. Khu B. Khu C. Khi đi và lúc đọc tên tôi nhắm: có 72 người. Phần lớn là già, đứng tuổi và 99 phần trăm là Thiên Chúa Giáo.

Cha Vinh, cha Quế được gọi đi trước, đi về khu O. Nguyễn Hữu Đang vào khu C. Tôi và tu sĩ Đỗ Bá Lung vào khu A. Khu A có hai nhà. Nhà tôi ở có: - Đinh Hiền Lương, tu sĩ dòng tu ép xác Châu Sơn, Ninh Bình, Đức cha Lê Hữu Từ trước khi làm Giám mục Phát Diệm đã tu ở đó. - Nguyễn Trung Chính, tức Nhắm, tu sĩ xứ Trung Đồng, Thái Bình. Nguyễn Văn Khánh Sơn, giáo dân đeo kính cận người Nghệ Tĩnh. - Cố Hoàng: giáo dân Đức Thọ, Hà Tĩnh, có hai người sinh đôi là Song, Toàn để phân biệt với - Tu sĩ Hoàng cũng Nghệ An. - Lưu Nam phụ trách thanh niên Công Giáo địa phận Xã Đoài. - Tu sĩ Bình, địa phận Thái Bình. - Tu sĩ Đỗ Bá Lung xứ Ngọc Đồng, Hưng Yên. - Trần Văn Liệu, giáo dân làm nghề đồ tể ở Cầu Giát, Quỳnh Lưu. V.v... Nhà rất rộng, có 2 sạp nằm đối đầu nhau. Chúng tôi là tù chính trị nên đều hết sức tử tế nhường nhịn nhau, ai nằm đâu thì nằm không hề tranh dành cãi cọ.

Xếp đồ đạc xong, đã đến giờ làm việc thiêng liêng, ai nấy đều cầu kinh và làm dấu thánh.

Riêng tôi, có mỗi một mình tôi, không biết cầu, không thuộc kinh bỗ gì ráo trọi nên tôi bèn nghĩ tới cái trò Yoga mà tôi đã đọc ở đâu đó. Những năm của thập kỷ 60 người ta ít biết và ít nói về cái trò đó. Tôi ngồi thờ và sau đó Trần Văn Liệu hỏi tôi "Được mấy cân hơi rồi."

Ngày đầu tiên ở Cổng Trời Cẩn Tỷ chấm hết ở đó.

Sang ngày thứ hai, mọi người dậy sớm. Cứ ngồi mà nhìn nhau. Không có nước để đánh răng rửa mặt. Tám giờ, chín giờ rồi mười giờ. Vẫn im ắng như không. Các đảng bậc tu sĩ lại cầu kinh. Tôi lại luyện yoga.

Hai cái thùng đựng phân và nước tiểu bằng gỗ đều đầy cả. Nước đái tràn cả ra ngoài.

Mãi đến 11 giờ, có tiếng gọi: "Lấy cơm."

Có hai tên tù hình sự ở trại ngoài khênh cơm đến để ở cửa rồi chạy biến. Cắm được nhìn, được hỏi, được tiếp xúc trao đổi cái gì. Bọn kiên giam, biệt giam là cực kỳ nguy hiểm, chúng giết người không gớm tay, bọn ăn gan uống máu đồng bào.

Nhưng thật sự, nhìn kỹ thì: - Đinh Hiền Lương dòng tu ép xác Châu Sơn xanh lợt như một cái bóng. Các tu sĩ đều vậy cả. - Cố Hoàng thì chỉ có hát là cao giọng thôi, chứ đi đứng thì lầy bầy. - Khánh Sơn thì mù dờ. Nếu ăn gan uống máu đồng bào được thì may ra có tôi và Trần Văn Liệu. Nhưng sau những năm tháng tù đầy ở dưới đồng bằng, bị đói, bị khát bị quần cho đến tơi người bản thân tôi, nắm tay không chặt thì còn làm gì được nữa. Đã rất nhiều lần tôi thử sức, nắm thật chặt để nắm tay mình trở thành quả đấm, nhưng không bao giờ thành, bàn tay tôi không bao giờ có thể nắm chặt lại để thành nắm đấm cả. Thực trạng là như vậy đấy. Nhưng chắc là có lệnh nghiêm mật, giám thị, quản giáo và lính coi tù họ đối xử với chúng tôi cực kỳ tàn bạo và hà khắc.

Điều cuối cùng họ phải thi hành nghiêm chỉnh là làm cách nào giết hết được chúng tôi. Và họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó: 72 người còn lại độ chừng 11 người. Tôi dám nói con số đó chính xác đến 99%.

Năm đó là năm 1961. Chúng giết anh em ta ở khu O, khu H, và khu A. Những lò thiêu xác (khổng lồ hay nhỏ nhoi?) không có khói và không cần chất đốt.

*Chúng giết anh em ta
Bằng chiều cao của núi
Bằng chiều sâu của đất
Bằng thông cáo của nha khí tượng.*

Cứ âm O độ là gọi đi xà lim. Xà lim là một cái quan tài bằng đất dày một mét, cùm răng cá sấu cắn chân không bao giờ được mở, và bỏ đói cho đến chết. Tiếng gọi của thần chết đột ngột, bất thần, không lý do và khỏi cần giải thích. Lưu Nam, chuẩn bị đi. Khánh Sơn chuẩn bị đi. Đinh Hiền Lương, chuẩn bị đi. Cứ thế lần lượt ra đi và không ai trở lại.

Những năm tháng ấy, tôi nghĩ thấy cái chết gần gũi quá. Lần đầu tiên trong đời, qua những năm chinh chiến, qua những cuộc hành quân chiến dịch, tôi đi trong cảnh máu chảy đầu rơi, chân tay vung vãi, khói lửa mù trời, tiếng đại bác bắn dồn dập, mặt đất rung chuyển, máy bay rít sát trên đầu, tiếng xích sắt của xe tăng nghiền sàn sạt sát sườn, cả khi người vệ sĩ của tôi chạy cạnh tôi trong chiến đấu, bị nguyên một băng tiểu liên quét trúng, ngã trong cánh tay tôi, người đầy máu thêu thào: "Em chết, trung úy ạ..." cả những lúc ấy tôi vẫn chưa cảm thấy mùi Thần Chết.

Nhưng ở đây, Cổng Trời Cẩn Tỷ, những năm 60, tôi nghĩ thấy và cảm thấy nó rất gần. Lặng lẽ, lặng lẽ nó tiến đến. Không thể nào cản nổi. Một cặp lỗ hồng vô cảm của đôi mắt, một tiếng gọi tên, vài cái lưỡi lê chĩa vào... Thế là ra đi, thế là chết.

Một người ra khỏi cửa, những người còn lại nhìn nhau chờ đợi. Không ai nói với ai điều gì. Chúng tôi ăn cơm hai bữa một ngày, chín giờ sáng và ba giờ chiều. Ăn xong ngồi nhìn nhau. Chờ.

Các đảng bậc tu sĩ rất ít nói, nhất là Đinh Hiền Lương, dòng tu ép xác Châu Sơn. Trong Đinh Hiền Lương tôi nhớ đến Đức Giám Mục Lê Hữu Từ địa phận Phát Diệm: khô, gầy, mặt đầy nếp nhăn khắc khổ. Tuy còn trẻ hơn nhưng tu sĩ Lương cũng gần giống vậy, chỉ có nước da trắng xanh hơn vì ở xà lim suốt. Tuy ông mặc áo tù, nhưng trước mắt tôi vẫn cứ hiện lên hình ảnh của Giám mục Lê Hữu Từ, người ngồi đó lặng lẽ ôn tồn nhẹ nhàng để đi đến cái chết.

Ở với ông lâu, nhưng tôi chưa được nghe một câu chuyện nào do ông kể, vì ông chỉ nói mỗi ngày có vài tiếng thật cần thiết để tồn tại. Còn thì im lặng suốt. Cái im ắng của ông, tỏa ra chung quanh, đè xuống mọi người.

Trong cái nhà mồ đó, có tôi và Trần Văn Liệu (Cầu Giát Nghệ An) vốn ăn to nói lớn thế mà lúc ông làm việc thiêng liêng, tôi, nhất là Liệu đến phải khép nép, và im lặng. Đúng là một cái nhà mồ. Những người ở trong cái nhà mồ ấy chết gần hết, chỉ còn lại tôi, và hình như Liệu nữa. Nhà tù của chúng tôi không có tên, hoặc là có thì đây: 65HE Bộ Công An, hay Công trường 75A Hà Nội. Những người Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình đi thăm, hỏi Công an địa phương, họ cho cái địa chỉ đó. Có người ngây thơ nghĩ rằng, người thân của mình được ra làm Công trường ở Hà Nội. Họ ủa đi tìm và không bao giờ thấy cả.

Vậy nó ở đâu?

Ở thị xã Hà Giang đi lên, qua đèo Quyết Tiến đến Cổng Trời là gần biên giới Việt Trung chỗ có thể chưa được phân định rõ ràng, có thể là đất Tàu có thể là đất ta, một thung lũng không có tên, không có dân, chỉ có tù và người coi tù. Mặt đất đầy nghệ. Rừng nghệ. Tù lấy lá nghệ mọc trong gầm giường ăn thay rau chống đói. Không biết mình ở đâu? Không định được tọa độ trên bản đồ. Hàng rào cao kín mít, con chim không bay qua, con chuột to chui không lọt.

Sang đến năm 1963, thì tù phá đá ở ngay trong sân trại xây tường bao quanh. Tường cao như tường Hỏa Lò Hà Nội. Có dây kẽm gai, có điện truyền vào dây kẽm gai. Nghĩa là cực kỳ kiên cố. Không ai có thể trốn thoát được. Không một ai cả. Chế độ kiểm soát tù nhân cực kỳ nghiêm

mặt. Không một mảnh giấy lọt vào. Không một cái gì có thể gạch hoặc viết được ra chữ tồn tại trong tù. Không báo chí, thư từ. Tù nhân cấm không được viết thư và nhận thư. Nói khó ai tin: Cuộc chiến tranh với Mỹ xảy ra năm 1964 ở miền Bắc không một ai trong nhà tù biết cả. Chỉ thấy có một hiện tượng là những bức tường rào bao quanh được nguy trang và các mái nhà được che phủ. Thế thôi. Không ai đoán ra được cái gì. Mãi cho đến năm 1967, tôi được đưa về trại Phú Sơn Thái Nguyên. Trên đường đi từ Hà Giang về tôi gặp quân Tàu nhập Việt trùng trùng điệp điệp kéo đi. Lúc ấy tôi mới biết là có chiến tranh. Cực giỏi. Những người CS cực giỏi trong quản lý nhà tù, cũng như trong cái trò bung tai, bịt mắt quần chúng nhân dân. Một bức màn sắt đúng nghĩa.

Đây là nhà tù, chứ không phải là nhà thờ. Vậy cấm cầu kinh, cấm lằn tràng hạt, cấm làm dấu thánh. Cấm được ngồi trong đêm; vì không ai nằm mà cầu kinh cả. Vậy nên cửa sổ nhà tù lúc nào cũng phải mở, mây bay vào qua cửa sổ mang cái lạnh chết người vào theo.

Cái màn cho tù, là một cái quan tài bằng vải. Quy định màn chỉ được cao 40cm để nếu tù có ngồi ban đêm cầu kinh thì nhô cái đầu lên, lính canh đi tuần có thể kiểm soát được, quần giáo đi tuần có thể nhìn thấy. Vậy cái màn dài 1m8 và cao 40cm, thì đúng là một cái quan tài bằng vải sô liệm người sống rồi còn gì.

Cứ từng bước một, Ban giám thị trại thi hành chính sách diệt tôn giáo, cụ thể là diệt Thiên Chúa giáo. Vì ở Công Trời tôi chưa hề gặp một nhà sư hoặc một Phật tử nào. Chỉ gặp các linh mục và các tu sĩ Thiên Chúa Giáo mà thôi. Có lẽ ở miền Bắc Việt Nam thời ấy không còn đạo Phật đúng nghĩa của nó. Trong cái nhà mồ đó, có một tôi là người là không theo đạo Thiên Chúa, nhưng tôi không phải là Phật tử. Tôi không thờ Phật, không tin vào Niết Bàn và Thích Ca Mâu Ni tuy tôi rất thích câu kệ:

*Nhạn liệng từng không
Bóng in mặt nước
Nhạn không có lòng ghi dấu
Nước không có ý lưu hình*

Với tôi, tất cả sư mô ở Bắc Kỳ đều là sư hổ mang, học trường Đại Học Tôn Giáo, tu theo nghĩa vụ, như nghĩa vụ quân sự, hết ba năm ra khỏi chùa về nhà lấy vợ đẻ con. Thế cả.

Và tôi cũng nghĩ sai về các tu sĩ Thiên Chúa Giáo như thế. Nhưng tôi đã thật sự gặp các vị thánh tử vì đạo. Các vị thánh tử vì đạo bằng xương bằng thịt sống cạnh tôi nhiều năm, mà tôi vẫn coi thường, nhưng cái chết của họ đã làm tôi phải nghĩ khác đi. Tôi vốn xa lạ với các tên Phêrô, Phaolô và Mađôlen. Nhưng cái tên Đỗ Bá Lung thì cho đến hết đời tôi không thể nào quên được. Tu sĩ Đỗ Bá Lung người lù khù nhưng tử tế, hiền lành, củ mủ như một nông dân chân chính của đồng bằng Bắc Bộ. Chả là ông tu ở xứ đạo Ngọc Đồng, Hưng Yên mà. Ông chưa được phong linh mục cũng như ông Diệu ở Thụy Phương Hà Nội, ông Chính (Nhằm) ở Trung Đông Thái Bình. Ông chả kể về ông mấy khi.

Trong cái nhà mồ đó chỉ có thầy Chính là có kể cho tôi nghe đôi điều về quê hương Thái Thụy của người, và về xứ đạo ven biển Trung Đông mà thôi. Thêm nữa có nhà trí thức xứ Nghệ Khánh Sơn với đôi kính cận dày cộm, ra cái điều học nhiều biết rộng, thiên kinh vạn quyển, cổ kim, Âu Á, hay nói với tôi về Phúc Âm, về Thánh Thomas d'Aquin. Tôi nghe ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm. Tôi vốn không có đức tin và vốn coi thường cái học vấn hẹp hòi của các vị đó thường giới hạn đến hết sân Nhà Thờ, nên tôi chỉ nghe chơi cho qua ngày đoạn tháng, cho qua cái thời gian dài dằng dặc khổ nạn ở trong cái nhà mồ mà thôi.

Tôi ít lưu tâm đến vấn đề tôn giáo. Cũng như tu sĩ Đinh Hiền Lương, tu sĩ Lung cứ lững thững đi lại, chậm rãi, lặng lẽ tới lui, ông có nhiều lời hơn bậc tu ép xác dòng Châu Sơn một chút, nghĩa là đôi lúc ông có nói với tôi về Phố Nối và con đường 39 về xứ Ngọc Đồng nơi ông tu. Vùng của ông, tôi có hành quân qua nên cũng có đôi chút kỷ niệm, vả lại trời cũng phú cho tôi một trí nhớ tốt, cho đến tận bây giờ, sau gần 50 năm trôi qua, mà tôi vẫn nhớ rõ tên; tên chữ cũng như tên nôm của các làng vùng đó như: Duyên Trang Duyên tục là Tuộc, Lác; Hải An là Hối; Phù Lưu là Độ (ngã ba Độ); Đống Năm là Đống Các; Thượng Tâm là Tim; Cổ Hội là Gọ (câu Gọ); Cầu Sắt là Nha Xuyên... Cho nên tôi và ông thỉnh thoảng có ôn lại các địa danh Lục Điền, Trương Xá, Kim Động, dốc Lã, rồi đến nhân Hưng Yên, thang cuốn Phố Hiến, đũa hầu Đình Cao, Phù Cừ và cả về việc chỉ huy sở của khu chiến chiếm Trung tâm Hưng Yên. Về ông tôi biết hơi hợt thể thôi. Nhưng có một điều ông như thế mà bị đẩy lên đây vào khu 2A này thì chắc ở trong còn tiềm ẩn một điều gì sâu sắc lắm, cao đạo lắm, quyết liệt lắm mà tôi chưa hiểu nổi đấy thôi.

Như trên tôi đã nói: những người ở trong nhà mồ cứ lần lượt bị gọi đi. Luôn luôn lặng lẽ và đột ngột. Nhưng thời gian xảy ra câu chuyện này hơi có sự thay đổi:

Người giám thị cũ của trại giam tên là Nhân chuyển về làm Cục phó Cục quản lý trại giam vì thành tích xuất sắc của mình, thay vào đó là giám thị Nguyễn Quang Sáng, trẻ hơn, người Nam Hà. Nói qua một chút về giám thị Nhân. Trước khi lên đây, giám thị Nhân coi trại Yên Bái, trại này cũng vào hạn khá đặc biệt, khi chưa có Cổng Trời. Năm 1954, trại này nhốt tướng De Castries người chỉ huy Điện Biên Phủ. Sau đó là những địa chủ cường hào đại gian đại ác có nợ máu, những tên phản động nguy hiểm từ trong Nam ra, từ khu Tư lên, tập trung ở đó, rồi sau đó chọn lọc đem lên Cổng Trời.

Giám thị Nhân người Nghệ An, trông gầy (tôi có được gọi lên gặp hai lần) và khô, mặt tai tái lạnh lùng, đúng típ người coi trại giam, rét cắt ruột vẫn đi đôi dép lốp cao su, mà ngón chân út của bàn chân cấu ghét nứt nẻ bao giờ cũng thò ra ngoài quai kẹp lấy nó để đi cho chắc. Rất đúng tác phong quần chúng xuất thân từ nông dân lao động:

*Những bàn chân từ than bụi lầy bùn.
Đã bước dưới mặt trời cách mạng...
Những bàn chân đã vùng dậy đập đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp
(Tố Hữu)*

Đúng thế, những bàn chân ấy đã dẫm lên xác không biết bao nhiêu người ở các trại giam khác và bây giờ đây lại tiếp tục làm nhiệm vụ của nó: dẫm lên xác những kẻ ở nhà mồ Cổng Trời này.

Có điều giám thị Nhân dẫm lên xác một cách nhẹ nhàng và im ắng. Còn giám thị mới Nguyễn Quang Sáng thì dẫm lên xác âm ỉ hơn, trang trọng hơn, bài bản hơn. Ấu cũng là cách làm khác nhau của họ. Đổi mới mà.

Hôm ấy, rét làm đông nước. Ở mái nhà nước đóng thành băng. Sáng ra, nhìn qua cửa sổ ra sân trại, khói bốc nghi ngút trên mặt đất. Như mọi ngày, chúng tôi tiến hành mọi việc như thường lệ. Với chúng tôi: Stalin chết, Malenkóp chết, John Kennedy bị bắn, Ngô Đình Diệm chết, Kroutchov bị hạ bệ, chả có gì quan trọng cả.

Giám thị Nhân đã từng tuyên bố vào mặt chúng tôi:

"Cái sống chết của các anh ở trong tay chúng tôi. Đừng có mơ tưởng hảo huyền gì. Cho dù có động trời, động đất xảy ra, thì trước khi chuyện đó đến với các anh, nó phải tới cái trại đặc biệt này. Nghe cho rõ mà nhớ lấy. Trước khi mọi điều vin vông, vin tưởng mà các anh mong đợi xảy ra, thì các anh đã không còn ở cõi đời này nữa, các anh đã là những cái xác chết rồi."

Chúng tôi nghe và cũng hiểu đúng như vậy. Cho nên, động đất, chiến tranh ai chết. Mặc.

Chúng tôi cứ lặng lẽ, lặng lẽ tồn tại. Chỉ tồn tại thôi chứ không phải là sống. Làm một sinh vật

trên trái đất này ai chẳng tham sống sợ chết. Tôi phải nói lại ngay, ấy là nói với riêng tôi thôi, chứ còn các vị thánh tử vì đạo thì điều ấy hình như không đúng đâu.

Cố Hoàng đôi lúc cao giọng:

*Ở nơi lưu đày
Dù gươm chém hay đầu rơi
Lòng vàng đá không hề phai
Dù gươm chém hay đầu rơi...
(Cha Vinh)*

Các đảng bậc ấy chẳng sợ, chẳng phàn nàn điều gì. Chẳng bù với tôi, luôn miệng kêu: "Chao ôi đói quá! Chao ôi rét quá! Chao ôi khổ quá! Chao ôi..." Được cái tôi chỉ kêu lên thế thôi, cho nó thoát ra ngoài một chút thế rồi thôi, chẳng mong gì uất khí làm cho đầu trắng xóa như thái tử Đan ở nước Tàu xưa kia, vì tôi cũng đã biết:

*Gémir, crier, pleurer
est également lâche*

Và tôi nghiêng răng lại để không bao giờ làm kẻ hèn nhát. Dù không được mười phần như các đảng bậc quanh tôi, tôi cũng cố đạt mức trung bình.

Buổi sáng hôm ấy, chín giờ, mọi người chúng tôi ăn cơm xong, ngồi chơi, nhìn nhau, thì cửa mở. Một tiểu đội lính lười lê tuốt trần súng ống chỉnh tề. Đủ mặt bá quan của Khu A2. Quản giáo Trực, giáo dục, Phó giám thị phụ trách khu. Tất cả đều đội mũ bình thiên, l phục chỉnh chu. Cuối cùng, giám thị mới xuất hiện. Còn trẻ, nhanh nhẹn mặt mũi sáng sủa, ăn nói lưu loát, sang sảng, dứt khoát, có âm sắc Nam Hà (có điều cho mãi đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu nổi, là tại sao trong chuỗi ngôn từ chính quy, nhân danh pháp luật mà giám thị mới lại xen vào đó một số từ mà người ta chỉ dùng để nói láo với nhau mà thôi).

Bài nói như sau:

"Hôm nay, tôi Nguyễn Quang Sáng. Chánh giám thị mới của trại, thông báo để các anh rõ. Trại Cống Trời, Công Trường 25A Hà Nội này là một trại đặc biệt. Trại đã sàng lọc cẩn thận lũ các anh, bọn đầu trâu trán khỉ, bọn phản động chống phá cách mạng một cách điên cuồng, ở các trại dưới các anh không chịu cải tạo, lại còn ra sức truyền đạo và kích động người khác. Chúng tôi đây, chúng tôi cũng được chọn lọc, những phần tử ưu tú nhất, dày dặn nhất, kinh nghiệm nhất để lên đây trừng trị, trấn áp lũ các anh. Tôi thay mặt cho Ban giám thị báo cho các anh biết:

Ban giám thị trại Cống Trời trực tiếp được Bộ Chính Trị và Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội trao cho quyền hành đặc biệt: Trừng trị thẳng tay những kẻ nào còn dám chống lại Đảng và Nhà nước. Cụ thể, tôi nhấn mạnh, là tôi sẽ cho đi ngủ với dun (nguyên văn) những kẻ nào không chịu cải tạo và cố tình chống đối lại.

Hôm nay tôi xuống đây để hỏi: Anh Đỗ Bá Lung."

Im lặng.

"Tôi hỏi: anh Đỗ Bá Lung có nghe thấy không?"

Có tiếng đáp nhỏ nhẹ: "Có tôi."

"Đứng dậy. Tôi bảo anh đứng dậy."

Vì buồng giam chật, không có chỗ cho chúng tôi đứng, nên chúng tôi đều ngồi xổm hoặc xếp chân vòng tròn trên giường chỗ gần cửa ra vào. Chỉ có giám thị, quản giáo là có chỗ đứng ngay cửa mà thôi. Tu sĩ Đỗ Bá Lung từ từ đứng dậy.

Trời rét âm bốn độ, nên trong lúc ngồi nghe chúng tôi ai nấy đều quàng chăn cho khỏi rét.

"Bỏ chăn ra."

Tu sĩ Lung tuột chặn khỏi vai cho rơi xuống chân mình.

"Anh Đỗ Bá Lung, hôm nay, sau khi đọc hồ sơ của anh, cùng các nhận xét của các ban giám thị các trại dưới, và được các ông quản giáo báo cáo lại, thấy rằng: Anh là một tên phản cách mạng cực kỳ nguy hiểm, đã đội lốt thầy tu mê hoặc các giáo dân ở các xứ đạo, kích động họ để họ chống lại Đảng và Chính phủ.

"Đến khi bị bắt vào tù, ở các trại dưới cũng như ở đây, anh vô cùng ngoan cố khăng khăng không chịu cái tạo, từ chối mọi sự giáo dục của Ban giám thị và các ông quản giáo. Tôi nói lại một lần nữa cho anh Đỗ Bá Lung và các anh nghe cho rõ. Kẻ nào còn dám chống lại tôi sẽ cho đi ngủ với đun.

"Anh Lung, trước đây lúc nào anh cũng vỗ ngực tuyên bố trước giáo dân và các ban giám thị ở các trại dưới là anh thề không đội trời chung với Cộng sản. [Chính xác thì Tu sĩ Lung nói: Tôi không bao giờ có thể sống chung với Cộng Sản vô thần được]. Bây giờ trước mặt tôi anh có còn dám trắng trợn thách thức như thế nữa không?"

Im lặng trên toàn bộ nhà mò. Tôi ngồi im một xó, khép kín cái chặn, sụp cái mũ bịt tai lại, tránh mọi cặp mắt.

Giám thị Sáng cao giọng hát hàm:

"Tôi hỏi anh Lung, anh trả lời cho tôi biết. Thế nào?"

Những phút giây này Thần Chết đã có mặt. Người ta thường viết như thế này về những người Cộng sản trước khi chết: Vào những phút giây này người Cộng Sản kiên cường bao giờ cũng đứng dậy hô to: "Đảng Cộng Sản muôn năm. Hồ chủ tịch muôn năm." Phút giây thiêng anh đứng dậy ba lần và hô ba lần hô đồng dục như thế.

Tôi chờ. Tôi chờ. Và thấy tu sĩ Đỗ Bá Lung ngẩng đầu:

"Tôi có nói như thế và bây giờ tôi vẫn nói như thế."

Tiếng quát bật ra giận dữ:

"Lỗi nó đi."

Không để ai phải lỗi kéo cả.

Tu sĩ Lung từ từ bước ra khỏi giường. Đi ra cửa.

Hàng lưới lê dẫn ra. Quản giáo, giám thị dẫn ra để cho tu sĩ đi. Đến gần cửa tu sĩ quay lại, móc túi lấy gói thuốc lào, mấy đồng bạc "âm phủ" trao lại cho người ngồi gần. Vì tôi nằm cạnh tu sĩ, nên tu sĩ quay lại phía tôi: "Anh Vĩnh, tôi còn mấy viên thuốc cảm, và cái gối để ở đầu giường, lấy mà dùng."

Và hướng vào tất cả mọi người trong nhà mò, tu sĩ nói nhỏ nhẹ:

"Thôi chào các bác, các anh ở lại. Tôi đi."

Và tu sĩ đi. Cửa sập lại.

Chúng tôi im lặng ngồi nhìn nhau không ai nói với ai một lời. Thần Chết đến và đã đi. Lần này âm ĩ hơn, có nghi ĩ hơn, có bài bản hơn những lần trước.

Gần ba tháng sau, Nguyễn Hữu Đang, "tên cầm đầu bọn Nhân Văn Giai Phẩm" đến gần cửa sổ khu tôi ở. Anh là người độc nhất ở đây được đưa cơm vào xà lim, được đi lại tự do trong bốn bức tường, anh là người được ăn no, đủ muối mắm, thậm chí được mua cả thịt trâu và được hái hoa rừng cài vào cửa sổ. Có lần anh cầm một bó hoa nghệ và bảo tôi: Này Vĩnh, cậu ngồi mà xem có đúng mùi nước hoa Bain de Champagne không.

Tôi vốn không ưa cái mùi ung ủng của thứ nước hoa thượng hảo hạng đó. Nhưng anh Nguyễn Hữu Đang thì anh rất thích cái mùi nước hoa Bain de Champagne đó. Lại có lần qua cửa sổ vào buổi sáng sớm, anh dúm cho tôi một cái bánh sắn to có nhân thịt trâu.

Chao ôi là chao ôi.

Thỉnh thoảng lúc vắng quản giáo và lính canh anh đứng cạnh cửa sổ nói với tôi dăm ba câu chuyện tào lao. Anh được thả lỏng, được ưu đãi có lẽ do cái người cấp cái cặp đen hôm đưa đoàn tù lên. Anh bảo với tôi rằng ông ta tên là Vệ, hình như làm Cục Phó Cục Quản Lý trại

giam. Hồi xưa trước năm 1945, khi anh làm Tổng thư ký Hội Truyền bá Quốc ngữ với cụ Nguyễn Văn Tố, anh có làm ơn cho ông ta một điều gì đó. Đến giờ ông ta tử tế đáp lại. Chắc là thế.

Anh luôn bảo, anh không có tội gì cả. Nếu có -- theo anh -- thì đó chỉ là một sự hiểu lầm về thời gian và không gian trong triết học mà thôi. Anh nói ầm ờ lửng lơ và khó hiểu như vậy.

Ba tháng sau, lúc đưa cơm xà lim xong anh đáo qua cửa sổ tôi và bảo:

"Này, cái lão Lung ấy mà. Vẫn chưa chết. Sống dai thế. Không có chăn, không có quần áo ấm để chống rét cơ thể mọc đầy lông cựa ạ. Chỉ còn đôi mắt là vẫn sáng vẫn sống thôi."

Nhưng mà sống mãi làm sao cho được nổi với chế độ hà khắc giết người đó. Tu sĩ Lung phải chết. Người ta đóng các cửa sổ lại để không ai nhìn thấy chiếc chiếu gói xác khênh đi qua. Mỗi lần chôn, có hai tù hình sự ở trại ngoài vào, đem theo một chiếc chiếu, đòn khiêng và dây thừng. Thường hay chôn vào buổi chiều tà. Chôn xong họ được bồi dưỡng một cân đường, hai cân gạo nếp. Cha Quế và Cha Vinh chết, thì đầu như phần chôn còn được thêm một cân lòng trâu.

Thế là với chúng tôi, tu sĩ Đỗ Bá Lung xứ Ngọc Đông Hưng Yên không bao giờ về nữa. Người đã chết, và coi như mọi chuyện đã hết. Nhưng câu chuyện lại chưa chấm dứt ở đây ở lúc đem tu sĩ Lung đi chôn.

Ở đoạn trên, chúng ta đã biết là Tu sĩ Đỗ Bá Lung đã vào Hàm Chết ba tháng mà vẫn chưa chết. Chánh giám thị Nguyễn Quang Sáng rất sốt ruột, luôn luôn hỏi anh Nguyễn Hữu Đàng, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm, người đọc nhất được đưa cơm vào xà lim:

"Thế nào, nó chết chưa? Cái thằng Lung ấy."

"Thưa ông, anh ấy chưa chết."

Nguyễn Hữu Đàng có cái đáng quý là anh không gọi ai ở trong tù bằng thằng cả. Trong khi bọn trật tự viên hình sự luôn luôn nói theo giọng quan thầy, ông chủ chúng đều gọi tù nhân bằng thằng này thằng nọ.

Tôi có một anh bạn rất thân tên là Sâm. Khi hỏi cung tôi, cán bộ công an hỏi:

"Anh thấy thằng Sâm nó thế nào?"

"Thưa ông, tôi không quen thằng Sâm nào cả?"

"Anh láo, anh chối hả? Thằng Sâm mà anh không quen thì anh còn quen ai nữa?"

"Thưa ông, nếu ông nói về anh Đỗ Văn Sâm học cùng với tôi ở trường Chu Văn An thì tôi quen rất thân. Nhưng xin ông nhớ cho là anh ấy chưa bị bắt, ông không nên gọi thằng này thằng nọ như thế."

Tôi chỉ dám trả lời lại có thể thôi, nhưng còn anh bạn Phan Hữu Văn, thì anh ấy trả lời hay hơn tôi nhiều:

"Thưa ông, tôi tưởng ông nói tới thằng Vĩnh lưu manh, ma cà bông ở cùng trại 13 với tôi thì thật tình tôi không bao giờ biết tới quân ăn cắp ấy cả. Nhưng tôi có quen ông Kiều Duy Vĩnh, học sinh trường Chu Văn An cũ, nguyên Đại úy Tiểu khu trưởng Ninh Giang. Chúng tôi không dùng những từ thằng này thằng nọ mà tao mi tớ bao giờ. Chỉ có bọn vô học, vô văn hóa, vô giáo dục thì mới dùng những từ đó mà thôi."

Tên công an tím mặt lại, đuổi về trại đi cùm.

Lại nói về tu sĩ Đỗ Bá Lung, hết tháng thứ ba ông chưa chết, nhưng sang đến tháng thứ tư vào dịp gần đến lễ Thiên Chúa Giáng Sinh ở Cổng Trời đôi lúc không độ, nước đóng băng thì tu sĩ Lung chết.

Nguyễn Hữu Đàng vội vã báo cáo với Trục trại là tu sĩ Lung đã chết.

Ngay buổi chiều hôm đó, mọi cửa sổ nhà giam đều bị đóng kín lại, có hai người tù hình sự ở trại ngoài đem đòn, dây thừng và một chiếc chiếu vào khênh đi chôn. Họ chôn xong, về lĩnh mỗi người một cân đường và một cân gạo nếp. Đầu như những lần chôn cất cha Vinh cha Quế họ được thêm mỗi người một ký lòng trâu.

Đối với chúng tôi thì là Tu sĩ Đỗ Bá Lung đã chết, đã đem chôn. Người chết hết chuyện. Thế nhưng trường hợp của Tu sĩ Lung lại không hết chuyện. Thế mới phiền. Cũng chừng độ ba tháng sau, một ngày nắng vàng rực rỡ, trời ấm áp dễ chịu, người ta thấy, là một tu sĩ Đỗ Bá Lung chống gậy xuất hiện ở trại Cổng Trời. Thế là náo loạn cả lên. Từ Ban Giám thị trại, đến lính coi tù, đến tù nhân đều tới lui, bàn ra tán vào, rì rầm nhón nhác. Cửa sổ các trại lại đóng như khi ông chết mang đi chôn. Họ đưa ông vào ở tạm một cái buồng con chỗ cán bộ giáo dục "lục vấn" người tù. Chứ chả lẽ lại đưa ông vào Hầm Chết lần nữa! Hóa ra là hồi ba tháng trước ông chưa chết hẳn, hoặc là ông đã chết mà một phép lạ đã làm ông sống lại. Câu chuyện xảy ra như sau:

Sắp đến chỗ chôn thì trời đổ mưa to, hai người tù hình sự tránh mưa, để ông nằm đó chạy vào trú mưa ở nhà một người Mèo, họ vào đây uống rượu chờ tạnh mưa. Mưa hồi lâu, và rượu hơi ngon nên trời chập choạng tối họ mới lần xuống, thì không thấy bó chiếu đâu nữa. Họ nghĩ có lẽ thú dữ, hoặc chó sói đã tha cái xác ấy đi rồi. Có sao đâu, khỏi phải chôn. Họ về và cũng chả có ai hỏi là họ chôn xong chưa? Mọi lần vẫn thế. Mặc nhiên coi như đã chôn xong. Hóa ra là khi họ đang uống rượu thì mưa to hơn lại có sấm chớp nữa làm tu sĩ Đỗ Bá Lung tỉnh lại, dây buộc thì lỏng lẻo, ông chui ra khỏi cái chiếu, lấy cái chiếu che mưa lần vào cái chuồng trâu gần đó. Hơi ẩm của trâu, của phân trâu làm ông hồi tỉnh lại và sáng hôm sau, chủ nhà người Mèo nấu cháo ngô cho ông ăn và nuôi ông. Thế là ông sống lại. Ông sống lại một cách khỏe mạnh. Người Mèo cho ông ăn no so với sáu ký gạo cộng với sắn trong một tháng thì cháo ngô đã làm ông hồi phục nhanh chóng.

Nhưng làm sao mà sống mãi ở nhà họ được? Mà trốn trại thì trốn về đâu? Và làm sao mà trốn thoát được. Giấy tờ không, tiền không, với 100km đường rừng, 300km đường bộ, ông đi làm sao được. Chỉ có một con đường độc nhất xuống núi thì bị kiểm soát thật ngặt nghèo, ông làm sao đi thoát. Vậy chi bằng quay trở lại trại Cổng Trời là hơn cả. Thế là ông quay về trại sáng hôm đó. Nhưng phiền là Ban giám thị trại đã báo cáo về Bộ cái thành tích tiêu diệt tên phản động đội lốt thầy tu Đỗ Bá Lung rồi, và trên Bộ đã gạch xóa tên Lung trong danh sách tù ở Cổng Trời rồi. Làm sao bây giờ? Phải có phương án nào chứ. Hai hôm sau, có một xe com-măng-ca của Bộ lên trại Cổng Trời. Ông Đỗ Bá Lung lên chiếc xe đó. Ông đi đâu? Và sẽ ra sao?

Cho đến giờ chúng tôi cũng không biết gì hơn về tu sĩ Đỗ Bá Lung, người đã chết và đã sống lại đó.

Cuộc tuyệt thực

Tôi xin nhắc lại: Tôi không theo đạo Thiên Chúa, và điều ấy có thể đã làm cho tôi sống được đến hôm nay, năm 1994. Vì những người Cộng Sản căm những người theo đạo Thiên Chúa nhất nên tất cả mũi nhọn của nền chuyên chính đều chĩa vào họ. Thứ nhất là các đảng bặc

trong Giáo Hội, rồi đến các tu sĩ cả nam lẫn nữ. (Tôi đã gặp hai bà sơ bị bắt vào xà lim), rồi đến các chánh trương, trùm trưởng, cả đến hội trưởng hội kèn cũng bị bắt đi tù hàng loạt.

Tôi trông họ hiền lành, ngờ ngờ nói năng chẳng rõ họ mắc tội gì mà bị hành hạ đến như vậy: Họ có mỗi một tội là tin vào Chúa Giê Su. Thế thôi.

Còn tôi, chả hiểu làm sao, tôi thiếu đức tin đó, và điều đó đã cứu tôi sống. Nói thế không có nghĩa là tất cả mọi người công giáo đi tù đều chết hết đâu. Còn chứ. còn anh Thi, anh Thọ, chị Diệp những người trong vụ nổi loạn ở Ba Làng Thanh Hóa năm 1954, còn Nguyễn Công "Cửa" tức Môn, ngư dân vượt biển, còn Nguyễn Hữu Bồn người thôn Vạn Lộc Nam Lộc Nam Đà...

Tôi có nghe nói lại là khi đọc lệnh tha anh Thi, anh không chịu ra khỏi tù, họ phải lôi anh ra, anh mới chịu ra.

Ngay cả giáo dân họ cũng kiên cường như vậy, thảo nào mà những người Cộng Sản đặt họ lại hàng đầu để tàn sát họ, tiêu diệt họ.

Cho đến hôm nay năm 1994, tôi vẫn mong mỗi gặp lại vài người còn sót lại trong số 72 người đầu tiên lên Cổng Trời mà vẫn chưa gặp lại ai, ngoài 1 người Cộng Sản là anh Nguyễn Hữu Đang.

Khi ở khu A còn thừa thớt người thì tù ở các trại dưới được dồn lên để lấp vào các chỗ trống, nên có sự sắp xếp lại.

Tôi được chuyển sang khu B dưới quyền quản giáo mới tên là Duật người Nam Hà.

Khu B nhẹ hơn khu A, chế độ ăn uống có hơn đôi chút, được đi lao động nhẹ ở sân trại. Ba tháng được viết thư một lần và được phép nhận thư .

Tôi vừa chuyển sang khu B, chưa được viết thư về nhà thì đã nhận được thư của mẹ tôi gửi lên với địa chỉ:

Công trường 75A Hà Nội C65 HE.

Mọi người đều ngạc nhiên, cả tôi nữa.

Lúc đó nhà tôi ở số nhà 7 phố Thi Sách gần ngay đằng sau Chợ Hôm-Hà Nội.

Tính từ khi lên Cổng Trời, đã được hơn 3 năm có lẽ tôi chưa được viết thư về nhà lần nào, thế mà tại sao mẹ tôi lại biết được địa chỉ này mà viết thư cho tôi và mẹ tôi có biết là tôi đang ở Cổng Trời Hà Giang không?

Mãi đến khi được thả tù lần thứ nhất (1970) tôi về gặp lại mẹ tôi, tôi mới rõ. Thì ra sau khi tôi được chuyển lên Cổng Trời -1960- thế là mất hết tin tức về tôi. Tất nhiên là mẹ tôi không chịu để mất. Mẹ tôi lên trại cũ ở Bát Bạt Sơn Tây để hỏi. Chánh giám thị trại là thiếu tá Thanh trả lời là ông ta không rõ!

Quay về Hà Nội mẹ tôi đến bộ Công An ở Phố Trần Bình Trọng hỏi. Họ không cho vào gặp. Nhưng từ nhà tôi ở chợ hôm ra đến hồ Thiên Quang chưa đến 1Km nên hầu như liên tục khi nào mẹ tôi dặt cháu đi chơi là mẹ tôi lại tạt vào quấy rầy họ. Đến nỗi người thường trực cứ trông thấy mẹ tôi là tránh mặt không tiếp.

Mẹ tôi cứ đi. Kiên trì dắt cháu đi hỏi. Hỏi mãi. Riết rồi họ đành phải trả lời. Nhưng cũng mất 1 quãng thời gian là hơn 3 năm họ mới cho mẹ tôi cái địa chỉ đó: Công Trường 75A Hà Nội.

Mẹ tôi lại hỏi tiếp: Thế cái Công trường này nó ở chỗ nào ở cái đất Hà Nội này. Họ bảo họ cũng không biết

Mẹ tôi đời nào chịu.

Và cuối cùng họ đành phải trả lời là tôi đang ở Cổng Trời Hà Giang.

Thế là mẹ tôi đi Hà Giang.

Đi với 2 bàn tay trắng: Không có mảnh giấy đi tiếp tế cho tù.

Quy định đi thăm tù phải có giấy giới thiệu của địa phương cấp, mà địa phương được lệnh không cấp giấy cho mẹ tôi vì thành phần gia đình tôi là địa chủ cường hào đại gian đại ác. Bố thì bị bắn chết trong cải cách ruộng đất, còn tôi thì đi tù nên gia đình tôi là đối tượng của cách mạng cần phải chuyên chính. Mặc, không có giấy giới thiệu mẹ tôi vẫn cứ đi.

Nhưng lên được đến Hà Giang, chưa qua được đèo Quyết Tiến thì bị Công An theo dõi và bắt quay về Hà Nội.

Mẹ tôi đành viết thư chọ tôi theo địa chỉ trên. Thế là tôi nhận được thư.

Thế ra mẹ tôi vẫn còn sống và tôi, tôi vẫn còn sống.

Cũng có 1 phần do mẹ tôi không chịu mất dấu vết của tôi, làm phiền họ, quấy rầy họ, mà trên bộ Công An chưa bật đèn xanh cho Ban giám thị trại xóa tên tôi trong danh sách tù nhân ở Cổng Trời này.

Đã có lần họ cho người giả làm tù ở cùng trại với tôi về báo tin là tôi đã chết. Nhưng mẹ tôi khẳng khái không tin. Mẹ tôi cứ làm tới, sản tới, và điều đó phần nào đã cứu sống tôi.

Và lại ở trên Cổng Trời này, đối với các bậc như Cha Vinh, cha Quế, tu sĩ Đỗ Bá Lang, tu sĩ Nguyễn Trung Chính tức Nhẫn, tôi là hạng bét so với các đáng bậc ấy nên mũi nhọn của cuộc tàn sát không chĩa vào tôi. Ban giám thị trại đem so tôi với các bậc thánh đó thấy rằng tôi là một phần tử tiến bộ trong số này.

Này nhé: Tôi không cầu kinh, không làm dấu thánh, không ăn chay trước lễ phục sinh. Không cầu nghi lễ Giáng Sinh, thế là tôi chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của Ban Giám thị rồi còn gì nữa.

Còn với các đáng bậc kia.

Cấm cầu kinh, cứ cầu

Cấm làm dấu thánh trước khi ăn. Cứ làm. Ngày lễ Giáng Sinh cứ nghĩ không chịu đi làm.

Và nhất là chuyện tôi cứ ăn không chịu tuyệt thực cùng các vị đó khi có lệnh cấm làm dấu thánh trước khi ăn.

Câu chuyện tuyệt thực xảy ra như sau: "...Đây là nhà tù, chứ không phải là nhà thờ của các anh, nên cấm mọi hành vi tôn giáo và tịch thu mọi thứ: thánh giá, kinh bản, tràng hạt". Tịch thu thì được. Còn cấm thì hơi khó hơn, nếu không nói là không cấm được.

Cấm cầu kinh các vị ấy cứ cầu, vì làm thế nào mà biết các vị đang cầu kinh?

Ăn xong, rồi ngồi chơi nhìn nhau. Im lặng không nói chuyện, không đi lại, thế là cầu kinh đấy.

Chỉ có đêm đến, lệnh cấm ngồi là có hiệu lực, chứ ban ngày chả nhẽ lại cấm ngồi bất nằm mãi sao.

Ban Giám Thị uất lắm!

Sau chuyện tu sĩ Đỗ Bá Lang, Chánh giám thị Nguyễn Quang Sáng tỏ ra quyết liệt hơn, cứng rắn hơn, dẫn tới một bước nữa.

Cấm triệt để làm dấu thánh trước khi ăn cơm. Nhưng lần này thì Nguyễn Quang Sáng phải chịu thua.

"Ai cho các anh ăn?" chúng tôi. Chúng tôi cho các anh ăn chứ không có Chúa nào cho các anh ăn cả."

"Cấm cầu kinh, các anh vẫn lén lút cầu kinh vậy bây giờ trước khi ăn, tôi cấm các anh làm dấu. Các anh phải cảm ơn người cho các anh ăn. Đúng lắm, nhưng đó là chúng tôi đây chứ không có chúa nào hết.

Không có con mẹ Maria, thằng Giê su nào cả. Biết chưa?"

(Nguyên văn như vậy, tôi xin lỗi các vị phải viết đúng, không dám xuyên tạc, bịa đặt, báng bổ gì).

Và đến bữa ăn. Quản giáo đứng đó. Mọi lần thì cửa mở, chúng tôi bê cơm vào trong phòng. Đóng cửa lại. Chúng tôi chia nhỏ từng suất một và ăn. Không có sự hiện diện của ai cả.

Nhưng hôm ấy, bê cơm vào, cửa vẫn mở, Quản Giáo đứng đó kiểm soát và nhắc lại lệnh cấm của Ban Giám Thị.

Tất cả, cả tôi, không ai phải bảo ai, không chia cơm ra ăn. Đứng mãi chán, Quản Giáo đóng cửa lại đi về.

Đến chiều, tù nhà bếp đến lấy thùng. Cơm canh vẫn nguyên. Cơm canh đều chia vào hai cái thùng gỗ to, chứ không chia thành một phần như ở xà lim.

Buổi chiều, đích thân Chánh Giám Thị xuống, mọi việc lại diễn ra đúng như buổi sáng. Mặt tái vì giận dữ. Nhưng làm thế nào mà bắt họ ăn cho được?

Không có khí thế hùng hục đấu tranh như những người Cộng Sản ở Sơn La, Côn Đảo tuyệt thực, không có hô khẩu hiệu, tất cả đều lặng lẽ ngồi im.

Không thể dùng lưới lê và sức mạnh để nhét cơm vào mồm họ được.

Họ không ăn, thê thôi. Không hò reo, không gõ bát, gõ đĩa, không ai diễn thuyết, kích động, yêu sách điều gì.

Im lặng, ai ngồi chỗ ấy. Giám thị Sáng đứng đó, không một ai thèm nhìn vào mặt ông ta cả. Tất cả đều quay mặt đi chỗ khác.

Giám thị Sáng đành phải ra về.

Đêm đến: Tôi đói không thể nào ngủ được. Đã một ngày trôi qua, và hai bữa không ăn. Suốt mười năm tù đầu tiên, tôi không bỏ một bữa cơm nào, ngoài hai bữa hôm ấy.

Chỉ có khi nào đến ngày giỗ người sinh ra tôi bị bắn chết, là tôi lặng lẽ khai ốm và báo cháo, vì tôi nghĩ: Đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết.

Dạ dày tôi là dạ dày thép, nó giòn và nghiền nát tất cả mọi thứ mà đối với người khác bình thường, cùng tù với tôi cũng không kham nổi.

Sắn sống, khoai sống, ngô sống, om on sống, cả cây ngô non tôi cũng ăn được, khoai hà chỉ có ngỗng mới ăn, tôi cũng ăn được khoai sọ tôi ăn cả vỏ, rong diềng ăn cả vỏ, có lần đi làm tôi lẩn vào ruộng trồng đỗ Mèo ních một bụng quả đỗ sống, chiều về say gần chết.

Ra suối tắm, quả vả mọc hoang tôi bứt ăn, cũng say gần chết.

Chỉ gần chết thôi chứ chưa chết hẳn. Ngát ngư lão đảo thôi.

Sắn ăn say, ngày nào mà tôi chả say sắn, mà theo cái đầu óc ngu dốt của tôi chính có lẽ do say sắn triền miên mà tôi vẫn còn sống đến hôm nay.

Chả là rét quá, tôi bị sưng phổi. Cứ thấy ho, sốt, rồi tôi không dám nói láo cứ cúi xuống ngẩng lên là nghe trong phổi có tiếng óc ách...

Ở Cổng Trời không phải khai ốm, vì có còn khai với ai được. Ốm mặc, không có thuốc men gì hết.

Quản Giáo trực thấy tôi nằm ốm, hỏi làm sao. Hỏi để mà hỏi. Rồi thôi. Để đấy. Tôi cứ ăn sắn, say sắn. Và rồi khỏi. Mọi người: đều coi chuyện đó là chuyện thường tình.

Mãi đến khi về, năm 1970 tôi đi khám ở Bệnh viện A để kiểm tra phổi. Sau khi chụp X quang, kết luận: dày dính màng phổi. Bác sĩ Kim hỏi tôi là tôi bị sưng phổi bao giờ và ở đâu hút cho.

Tôi trả lời là quên mất thời gian và chưa ai hút ra bao giờ. Bác sĩ Kim rất ngạc nhiên.

Qua chuyện trên, tôi đi đến kết luận là Acide Cyavidrique nghĩ thế, theo đầu óc ngu dốt của tôi thôi.

Ở Cổng Trời, khu nọ cách biệt với khu kia bằng một hàng rào bao quanh khu. Cấm liên lạc nhưng khi trả thùng cơm canh, thì đem đến một cái sân chung để nhà bếp tiện lên lấy. Có lần khu C: họ được mua sắn cải thiện để ăn thêm. Chả hiểu sao cả khu say, và chết đâu mất năm người.

Sáng ra, quần giáo trực vào thấy chết vì say sắn bèn ra lệnh tịch thu số sắn còn lại, cấm không cho ăn, và đem ra tập trung ở chỗ trả thùng cơm.

Hôm ấy đến lượt tôi bưng thùng ra trả. Tôi thủ ngay gói một thùng sắn luộc rồi dấu vào bụng đem về buồng ăn.

Cái vị tu sĩ bảo tôi: Họ ăn chết hàng loạt kia kìa, lấy về làm gì?

Tôi bảo: Họ có nhiều họ ăn mới chết! Chứ mình cứ củ một ăn, chết thế nào được. Và tôi ăn. Ăn củ một, thấy đắng quá thì thôi. Hơi say một chút chẳng sao cả. Và những chất say ở sắn đã làm tôi khỏi bệnh phổi, làm tôi no, và có thêm một hiện tượng là hai bên quai hàm tôi to bạnh ra. Say sắn có khổ nhưng không khổ bằng đói: tôi chọn cái ít khổ hơn.

Điều này là sự thật 100%, cứ ăn sắn nhiều là hai bên quai hàm to bạnh ra. Xin các nhà khoa học giải thích hộ cho. Kể lại với quý vị như thế, để quý vị biết tôi đói đến thế nào. Tôi đói lắm ấy!

12kg cả gạo cả sắn một tháng, với sức tôi cao 1m76 nặng 78kg và ba mươi tuổi thì các vị chắc cũng hiểu cho được.

Lại quay trở về với câu chuyện tuyệt thực. Thế là qua một ngày và hai bữa không ăn.

Tôi xin phép được nhắc lại, mười năm tù đầu tôi không nhịn bữa nào ngoài hai bữa cơm tuyệt thực đó, và tất nhiên là tôi đói lắm.

Ở trong Mein Kamp (Cuộc Chiến Đấu Của Tôi) Hitler viết: "Cái đói nó theo tôi như một cái bóng..." tôi xin thêm: Nó hành hạ tôi khổ sở nữa.

Tối hôm đó, đã hơn chín giờ mà tôi không thể nào ngủ được, cứ dờ mình trần trọc.

Tu sĩ Chính tức Nhẫn ở xứ Trung đồng Thái Bình, nằm cạnh tôi khổ khế:

"Đói không ngủ được à."

"Vâng, đói lắm không ngủ được."

"Vậy, có lẽ mai Vĩnh cứ ăn đi. Tôi sẽ đứng ra chia cơm để Vĩnh ăn nhé."

"Tôi, xin thưa rằng, phần xác tôi nặng, nặng lắm nhưng cơ thể tôi lúc đó thì rất nhẹ. Tôi cân nặng 49kg."

Tôi gầy đến "lõ đít" ra. Tôi xin phép được dùng từ này, vì đúng là tôi gầy đến như vậy. Những lúc ngồi chơi, hoặc luyện yoga tôi nhìn xuống đùi, đầu gối ống chân đều trơn xương ra khẳng khiu khô khốc.

Trước đó ít hôm ra khênh cơm vào, có một anh bạn ở nhà bếp nhìn thấy tôi ra hiệu bằng cách lấy hai bàn tay vuốt vào hai má, chúc cái miệng lại ra cái điều là gầy quá má hóp, vêu miệng.

Tôi cũng biết vậy, tôi yếu lắm rồi, tay nắm không chặt, hai bàn tay xoa vào nhau như sự cọ sát của hai thanh củi khô, không có cái mềm mại của da thịt. Ở Cổng Trời này không có gương để soi, xem mặt mũi hình hài của mình nó ra sao. Mỗi lần cắt tóc, quần giáo đưa cho một cái tông đơ, cắt cả tóc lẫn râu thế thôi không có gương lược, dao kéo gì. Có lần muốn nhìn cái bản mặt

mình, tôi đã bắt chước Nguyễn Tuân đá một bãi xuống đất rồi soi mặt mình vào đó. Nào có thấy rõ chó gì đâu mà cái nhà ông Nguyễn chỉ nói ngoa ngôn, phóng đại xui đại anh em thôi.

Vì gầy thế, nên hai cái mông teo lại, cái xương cùng nó thò dài ra, khi đi ngoài, chùi nó chạm đâm vào tay mình.

Chính lúc ấy tôi mới cảm nhận thấy hết cái từ gầy lõ đít.

Mười năm tù, lúc nào tôi cũng ước ao có một bữa no, thèm muốn làm sao mà được ngồi trước nồi cơm nóng bốc hơi nghi ngút, muốn ăn bao nhiêu thì đơm bấy nhiêu, và có đầy một bát muối để ăn cho mặn. Cả muối tôi cũng thèm nhạt. Chỉ có một ước muốn đơn sơ ấy, thế mà suốt trong 10 năm tù lần thứ nhất ngay cả ở các trại dưới tôi cũng không đạt được nói chi nữa là ở trại Cổng Trời này.

Tất cả các nhà tù của Cộng Sản miền Bắc mà tôi đã đi qua và sống ở đó đều đói và có thể chết đói được.

Khi còn ở trại Bất Bạt Sơn Tây, tôi ở toán kiên giam, biệt lập: phải xay lúa giã gạo ở khu biệt lập kiên giam này, tôi nhớ tới phim "Samson và Đalila" anh chàng Samson mù quay cối xay. Chúng tôi cũng vậy. Rào kín và hẹp chẳng nhìn thấy gì ở ngoài cả. Chế độ ở kiên giam Bất Bạt cũng học đòi cách quản lý và đối xử với tù của Cổng Trời, nhưng mà là học trò hạng bét.

"Cũng tù hình sự đem cơm đến để đấy rồi chạy."

"Cũng không được ra khỏi khu cấm!"

Nhưng vẫn còn được viết thư về nhà và còn được gặp và nhận đồ tiếp tế của người nhà đi thăm nuôi. Chứ ở trại Cổng Trời Cịn Tỷ không một ai được thăm nuôi. Không một ai trong suốt thời gian bảy năm tôi ở đó.

Khi đói, tôi kêu. Tôi kêu đến nỗi Quản Giáo phụ trách Giáo dục tên là Kịch người liên khu năm Bình Định đi tua nghe thấy, gọi tôi ra ngoài lục vấn, lên lớp và đe dọa tôi:

"Anh Vĩnh, anh định kích động mọi người, phải không. Cần thận. Không có lại đi suốt đấy."

"Thưa ông, tôi đói thật, ông ạ. Phàm cái gì uất ức, đau khổ quá cũng phát ra thành tiếng. Có thể thôi.

"Thứ tôi mà đi kích động hờ ông. Và lại tôi là một sĩ quan chiến đấu, võ biên. Ông xét xem, tôi sẽ kích động được ai trong số những tu sĩ ở cùng với tôi trong buồng. Tôi nói rất thật, để chứng minh điều đó ông làm ơn súc cho tôi một bát cám lợn kia tôi sẽ ăn hết ngay trước mặt ông cho ông xem (Chả là chỗ nói chuyện gần chỗ nuôi lợn của nhà bếp mà)." Chừng quản giáo Kịch cũng hiểu ra, nên không trấn áp tôi thêm nữa cho tôi trở về buồng.

Trên đường về đi qua dàn su su, quả mới bé bằng ngón tay cái, tôi vốn cao, nên với tay vạt ngay lấy dăm bảy quả đút túi về ăn sống.

Trần Liệu bảo tôi: "Được ra khỏi buồng, bất cứ cái gì động đậy đều vồ lấy ăn hết, chỉ trừ khi vồ nó mà nó kêu "Ồi giời ôi" thì chịu không ăn mà thôi".

Hắn ăn dun, ăn đế, ăn gián, ăn cả trứng con bọ hung nữa...

Chúng tôi cười với nhau.

Trần Liệu cũng đói lắm? Hắn to con gần bằng tôi và vốn là đồ tể Quỳnh Lưu Cầu Giát, rất thích ăn tiết canh "me" (bê non)

Nhưng tôi cũng phải phục hắn; thế mà hắn cũng chịu được hai ngày liền theo các đảng bậc tu sĩ đấy. Hắn là con chiên cực kỳ ngoan đạo. Ông Chính bảo tôi: "Mai tôi sẽ chia cơm để Vĩnh ăn. Vĩnh cứ ăn đi. Không sao cả. Có gì tôi sẽ nói với anh em trong phòng để họ cảm thông trường hợp của Vĩnh."

Tu sĩ Chính là người có uy tín nhất ở trong số tu sĩ còn lại đó.

Tôi im lặng. Đối với ông, tôi có một món nợ lớn lắm! Lớn lắm mà không bao giờ có thể trả được. Tôi vốn có duyên nợ nhiều với đất Thái Bình và ông, ông là người sinh ra ở đó và tu ở đó. Tôi và ông có rất nhiều điểm tương đồng. Ông hay nói chuyện với tôi lắm.

Tôi ở với ông từ ngày đầu đi tù, từ trại Bát Bạt Sơn Tây lên ở khu A Cổng Trời, ở cho đến lúc ông bị gọi đi chết.

Những năm 50, ở Thái Bình tôi có may mắn gặp Đức Giám mục người Tây Ban Nha coi sóc địa phận, cha Chính, cha Trụ ở thị xã, rồi các cha ở Sa Cát, Phương Xá, Bái Bò Trung, Phù Lưu (ngã ba Đọ) Cao Mái. Tôi hành quân giải vây cho các nhà thờ bị vây hãm.

Tóm lại tôi có nhiều kỷ niệm đẹp về các xứ đạo ở đó lắm.

Tôi nói chuyện với tu sĩ Chính về các kỷ niệm xưa đó, hai người rất tâm đầu ý hợp.

Thấy tôi kêu la nhiều. Có một hôm, tu sĩ Chính ôm, ôm ở đây ít ai bỏ ăn. Ở Cổng Trời, ôm phải không? Tốt. Tốt lắm! Nếu ôm chết thì hay quá: Khỏi phải giết! Đỡ mệt hơn.

Hôm ấy tu sĩ Chính bỏ ăn. Ông rất ít khi ôm, từ Bát Bạt tôi thấy ông không ôm bao giờ tuy rằng ông rất gầy và xanh. Nhưng sự chịu đựng gian khổ, đầy đọa của ông thì tôi phải ngã mũ kính cẩn vái chào.

Lúc nào cũng ôn tồn, nhỏ nhẹ, điềm tĩnh cười nói như không cho dù có điều gì xảy ra.

Tôi còn mấy viên thuốc cảm, đưa ông dùng ông bảo không sao đâu. Chỉ có miệng ông đắng và bụng ông nó không ổn, thế thôi. Buổi chiều qua đi ông cũng bỏ cơm. Chúng tôi thường ăn vào độ ba, bốn giờ chiều. Cắm mọi hình thức nấu nước đun lại. Với chúng tôi chín giờ đêm là khuya rồi. Tu sĩ Chính lay tôi dậy và bảo:

"Vĩnh ăn hộ tôi đi, chứ để mai thiu, bỏ đi. Phí của lắm."

Tại sao tôi lại có thể ăn xuất cơm của tu sĩ Chính như thế được chứ. Tôi từ chối: Tu sĩ cố ăn đi chứ?

"Thật tình tôi đắng miệng lịm, và bụng tôi nó nóng như lửa, quặn đau lắm, không thể ăn được. Vĩnh ăn hộ tôi đi."

Không để đến mai thì phải đổ đi mất! Họ có cho đun đâu mà bảo nấu lại được.

"Ăn đi. Ăn hộ tôi, khỏi phí. Vĩnh ạ."

"Nếu Vĩnh không ăn, sáng mai nhà bếp nó lên nó lấy đồ cho lợn thì uống lịm Vĩnh ạ. "

Tôi nghĩ thấy đúng như ông nói. Ở các trại dưới, cơm có thể phơi khô để dành. Chứ còn ở đây, thì chỉ còn có đồ xuống nhà bếp cho lợn ăn mà thôi.

Thế thì tại sao lại cho lợn ăn nhỉ? Trong khi ấy tôi đói, tôi đói lắm, tôi thèm lắm. Tôi thấy thế và nghĩ đúng như thế.

Lúc đó đã là 10 giờ đêm rồi:

Thế là tôi ăn hai xuất cơm đó, các vị đọc tới đây, tất có vị sẽ chửi rửa tôi. Xin các vị cố hiểu mà đánh chữ đại xá cho.

Tôi ăn, ăn cả hai xuất cơm canh trong nháy mắt và nằm ngủ.

Ngủ yên và say cho đến sáng. Lâu lắm tôi mới được "sín đề" và được một bữa tương đối.

Cám ơn tu sĩ Chính tức Nhẫn. Cám ơn nhiều.

Sáng hôm sau, như thường lệ, mọi người và cả tu sĩ Chính dậy sớm cầu kinh và ông bảo tôi ông thấy đỡ nhiều. Chỉ đến chiều hôm ấy, tôi đã hiểu ra là tu sĩ đã nhịn cho tôi ăn.

Cám ơn ông. Cho đến tận hôm nay ba mươi năm trôi qua tôi vẫn còn món nợ đối với ông mà không thể nào trả được.

Chỉ còn biết cầu Chúa, để Chúa biết đến sự hy sinh cao cả của ông, đến sự vất vả nhọc nhằn của ông khi ông vác cây thánh giá của Chúa theo Chúa đến chết.

Cầu sao cho linh hồn ông được tới thiên đàng.

Sáng hôm thứ hai của sự tuyệt thực, tù lại khênh cơm lên.

Quản giáo lại đứng đấy để giám sát. Không ai nhúc nhích gì. Không ai ăn cả, kể cả tôi. Lúc ấy tu sĩ Chính đứng dậy cầm bát chia cơm canh của tôi ra cái thùng gỗ của nhóm năm người, tôi vẫn ăn cùng với tu sĩ. Tu sĩ Chính xúc vào bát của tôi, cơm canh đầy đặn và lạng lẽ bê đến trước mặt tôi.

"Đây phần của anh, anh ăn đi và về ngồi lại ở chỗ mình."

Một lần nữa tôi lại xin các vị cố hiểu cho tôi và bỏ qua cho tôi.

Tôi không theo đạo Thiên Chúa và không làm dấu thánh bao giờ.

Tôi ăn. Hà tất gì tôi lại nhịn không ăn. Không có điều gì thúc đẩy buộc tôi bắt tôi không ăn cả.

Tôi nghĩ đúng như vậy.

Nhân cơ hội ấy. Quản Giáo bèn lên tiếng:

"Đấy các anh thấy không? Anh Vĩnh, anh ấy ăn cơm không cần làm dấu thánh. Có sao đâu nào. Anh ấy vẫn ăn được một cách ngon lành, thế thì tại sao các anh lại không ăn?"

Các anh là đồ ngu dốt, cuồng trí, đại dốt dám chống lại Đảng và Chính phủ.

Rồi các anh sẽ biết.

Không một tu sĩ nào trả lời đáp lại.

Có tôi lên tiếng:

"Xin lỗi ông, chắc ông đọc lý lịch của tôi thì ông đã rõ, tôi không theo đạo nào cả? Phật không, chúa cũng không, mà lệnh của các ông thì chỉ có cấm làm dấu thánh trước khi ăn mà thôi. Tôi, tôi từ thuở cha sinh mẹ đẻ chưa làm dấu thánh bao giờ. Vì vậy tôi ăn có thể thôi."

Đứng cho đến lúc tôi ăn xong. Quản giáo thấy trơ trên quá, quay gót khóa cửa ra về.

Đến buổi chiều không thấy mặt ai cả. Cả Giám thị, cả Quản giáo cả lính coi tù.

Tu sĩ Chính đứng dậy chia cơm cho một mình tôi. Tôi ăn.

Các đảng bặc và kẻ cả T.H Liệu cũng không ăn.

Hai ngày trôi qua.

Sáng hôm thứ ba tù khênh các thùng cơm canh nguội lạnh còn nguyên xuống nhà bếp và rồi lại khênh lên với cơm canh mới hầy còn nóng.

Không có ai đi kèm.

Ban Giám thị không.

Quản giáo không.

Khênh cơm canh vào buồng. Khóa cửa lại.

Chia đều.

Và các đảng bặc tu sĩ lại làm dấu thánh trước khi ăn.

Chẳng ai cười cợt, nói năng, hát hò, reo vui gì trước cuộc đấu tranh đã dành được thắng lợi lấy lương và vang dội đó (như các bài báo của Cộng Sản mà tôi đã đọc riết về các cuộc tuyệt thực của họ cả) Và cuộc sống của chúng tôi lại lặng lẽ trôi như thế cho đến khi tôi được về và các vị còn lại chết hết.

Tết ở trại Cống Trờì

Ở Cống Trờì tất cả có năm khu:

Khu O, khu H; rồi đến khu A, B, C. Tôi chịu không đoán ra tại sao lại là khu O, khu H, cũng như cái địa chỉ C65 HE và 75A Hà Nội.

Khu O và khu H, tôi không biết nó thế nào. Chịu. Không hình dung ra nổi, vì tôi không nhìn thấy ai ở đấy và không hề gặp ai ở trong đó ra kể chuyện lại để biết. Chỉ nhìn thấy Cha Vinh, Cha Quế vào đó và không thấy hai cha đó ra về nữa mà thôi.

Có lẽ ở hai khu đó chết hết không còn ai cả. Không còn một ai để kể lại, để viết lại những gì đã xảy ra tại đó.

Chỉ duy nhất có một lần một người tù hình sự bảo với tôi khi tôi được tự do, là ở đó có hầm đá, quan tài đá và chôn một người chết ở đó được thêm một cân lòng trâu. Thế thôi. Không còn biết gì hơn nữa.

Nhưng Khu A, Khu B, Khu C thì tôi biết rõ vì tôi lần lượt ở cả ba.

Khu A thì (tính đến 1967) chết gần hết chỉ còn tôi và Trần Huy Liệu người Cầu Giát, Quỳnh Lưu. Khu B thì chết ít hơn, Khu C thì phần lớn còn sống trở về.

Đây là nói những năm về sau: thập kỷ 70, còn 72 người đầu tiên lên trại Cổng Trời năm 1960 thì hiện nay (1997) tôi chỉ còn gặp lại mỗi một anh Nguyễn Hữu Đang người đứng đầu Nhân Văn Giai Phẩm mà thôi. Nghĩa là 70 người kia chẳng còn ai cả.

Coi sóc cả ba khu là một Phó Giám Thị, tôi không còn nhớ tên, chỉ còn nhớ y là người Đức Thọ, Hà Tĩnh cùng quê với cố Hoàng (có hai con trai sinh đôi là Song, Toàn).

Trông Phó Giám Thị như Quỷ Sứ hiện hình. Đen đũi mắt nọ chửi mắt kia, mồm méo sệch. Lúc nào cũng lừ đừ lừ đừ, lủi thủi như ma hiện hình. Đột ngột đến, đột ngột đi, lúc nào cũng rình mò chộp, giựt một cái gì đó. Nhìn ai thì trợn trừng, trợn trạc như muốn giết người ta. Cố Hoàng bảo: "Tôi biết hấn lắm mà. Hấn giết nhiều người lắm đó." Tuy đồng hương, nhưng hấn không nói với cố Hoàng bao giờ cả.

Đột ngột đến, xông vào buồng, sộc vào tận góc gác nhìn soi mói, sờ nắn nếu có gì nghi ngờ, có thể chui ngay xuống gầm bàn nằm, để móc ra một cái gì đó.

Có một lần khi mới lên, Trần Huy Liệu thấy hấn vào buồng bèn thắc mắc:

"... Thưa ông."

"Gì?"

"Ăn uống ở đây kém quá, ông cho biết tiêu chuẩn của chúng tôi được như thế nào?"

"Cái gì. Tiêu chuẩn à. Các anh không có tiêu chuẩn gì hết. Cho thế nào ăn thế."

Hết. Phó Giám Thị đi tiếp. Và rồi Chánh Giám Thị Vũ Đình Nhân nói về số phận của chúng tôi. Thế là đã rõ ràng. Chúng tôi đành cam chịu.

Mỗi Khu có chế độ đối xử riêng:

Khu A: Hưởng đồng loạt: 12 Kg sắn cộng gạo một tháng, được ngồi chơi trong buồng giam không phải làm gì cả. Cứ ở trong kiên giam suốt ngày đêm. Không được viết thư, không được nhận thư, không sách, không báo, không một mẫu giấy, không một cái bút.

Khu B: Ăn 13 Kg 5 đến 15 Kg sắn cộng gạo một tháng. Được ra ngoài hè nhà đan lát, chẻ tằm làm việc vặt. Sáu tháng được viết thư một lần và được nhận thư.

Khu C: Ăn 15 Kg đến 18 Kg sắn cộng gạo một tháng. Được lao động ở sân trại: đánh đá xây trại, xây nhà, thợ mộc thợ nề biết gì làm nấy. Ba tháng viết thư một lần. Được mua thêm sắn, khoai, rong diềng, thịt trâu ăn thêm. Được coi là những tù nhân có phần nào đã chịu cải tạo. Được đối xử khá hơn Khu A và Khu B, tuy vẫn ở trong bốn tường rào và vẫn chịu sự kiểm soát ngặt nghèo.

Nhưng tất cả đều không được gặp người nhà và không được nhận tiếp tế, thăm nuôi.

Tôi đã nói ở trên: Khu C có một lần được mua sắn về luộc ăn. Say sắn chết mất năm người.

Đầu năm 1965 thì tôi được sang Khu C và đến năm 1965 thì tôi được về xuôi tại Phú Sơn 4, Thái Nguyên.

Cái Tết đầu tiên ở Cổng Trời năm Nhâm Dần 1961, tôi được hưởng một cái Tết đặc biệt nhất trong đời tôi.

*

Ở Cổng Trời một năm chia làm hai mùa: Mùa nóng bắt đầu từ tháng Năm; mùa rét từ đầu tháng Chín. Nóng ít hơn rét. Tuy là nóng nhưng đêm vẫn phải đắp chăn vì khí lạnh từ núi đá và tường đất tỏa ra.

Nguyễn Hữu Đang sáu tháng tám một lần. Anh bảo: "Có ai chết vì không tắm đâu. Cậu xem

đấy những anh nghiện thuốc phiện cả đời có tám bao giờ đâu chả sao hết."

Anh Đang đúng quá đi chứ. Những lúc đói rét, cơ hàn thiết thân tôi mới thắm câu: Đói cho sạch, rách cho thơm. Đói thì làm sao mà sạch cho được. Đói rét, nhúng tay vào nước còn ngại nữa là tắm. Còn đã rách mà còn đòi thơm nữa. Các cụ nhà mình thật quá khe khát với con cháu.

Tôi nửa tháng không dám rửa chân. Vì nếu rửa chân thì cái lạnh cứ bám lấy đôi bàn chân mấy ngày không ấm lại được. Suốt ngày đêm ngồi co ro trên sàn gỗ có bản đầu mà phải rửa. Còn rửa mặt, thì Trần Liệu hàng tháng không đánh răng rửa mặt. Mất anh đây đủ, và mồm anh ta vêu ra đây bựa.

Cứ khi đói là anh nói chuyện với tôi về Cầu Giát Quỳnh Lưu Nghệ An quê anh: về thịt trâu, thịt bò, thịt me (bê), thịt lợn, thịt nghé rồi cá chim, cá thu, cá ngừ, cá dưa, cá cơm, cá cháo. Vui đáo để và buồn cũng đến não lòng.

Đầu óc anh thật đơn giản nhưng vô cùng tốt lành. Có lần đứng ở cửa sổ nhìn ra sân trại, anh quay lại bảo với tôi: "Chiều nay ăn 'chốc trú'."

Tôi ngớ người ra không hiểu. Anh nhắc lại: "Chốc" là đầu, "tru" là trâu: đầu trâu. Anh rất méo mó nghề nghiệp. Anh giảng cho tôi biết: "Đừng tưởng 'chốc trú' là toàn xương đầu. Khối thịt ra đấy. Bỏ sừng đi. Còn lại hai phần ba là thịt đấy."

Tôi bảo: "Hai phần ba là xương thì có."

Anh cãi: "Cậu biết đêch gì, này lưởi này tai, này mồm này má, này óc; xương không bao nhiêu đâu."

Và anh nói đúng thật. Anh nói xong nuốt nước bọt làm tôi thèm lây.

Những tháng rét, chúng tôi ăn sắn độn cơm và ăn lá bắp cải già nấu muối. Nói là 12 kg sắn gạo, nhưng có lẽ chỉ còn độ 9, 10 kg thôi. Lĩnh gạo ở mậu dịch về làm gì có cân đủ, về để ở kho chuột bọ lại hao hụt đi, phát đến nhà bếp còn độ 10 kg, nhà bếp lại giữ lại chấy để nuôi lợn nữa.

Lá bắp cải già đen, nấu trong chảo, cho muối vào nước đen sì có vị nồng, người ngoài nhìn không dám ăn nhưng chúng tôi ăn ngon lắm. Giá nhà bếp họ cho đủ mặn thì tốt quá. Nhưng muối cũng bị hạn chế, có li-mít. Chúng tôi thường đổ một bô nước vào canh để cho nó được nhiều hơn. Và húp hết canh rồi mới ăn đến cơm và những lúc đó tôi cứ nghĩ lẫn thẩn, tại sao ở ngoài đời lại phải ăn cơm với thức ăn nhĩ. Cơm không cũng đã ngon lắm rồi hà tất gì còn phải thức ăn nữa.

Cơm ăn rất ít khi còn nóng. Vì từ nhà bếp lên đến buồng giam phải mất thời gian chừng hai tiếng đồng hồ. Này nhé: cơm ở chảo, xúc ra thúng. Ra thúng rồi, lại phải cân. Cân xong gánh để ở sân trại. Hôm nào mưa thì để ở hè. Trời rét cơm canh nguội rất nhanh. Quản Giáo trực mở cửa từng khu một cho ra lấy cơm. Khu C trước, rồi Khu B, rồi mới đến Khu A. Đến Khu A thì cơm đã nguội lắm rồi. Dem vào buồng lại phải dầm nát ra để chia cho đều, cho công bằng. Chia bằng cân tiểu ly tự tạo từng xuất một. Thế là nguội lạnh hết cả. Ăn cơm xong coi như không ăn. Vì ăn vào lại thấy rét thêm. Hình như cơ thể phải tỏa ra năng lượng để hâm nóng cơm canh cho bằng với nhiệt độ ở trong người.

Quàng chăn vào mà ăn, ăn xong vẫn thấy rét. Cái đói và cái rét đi song hành với nhau. Cơ hàn thiết thân mà. Và những lúc đói rét đó, chúng tôi mong Tết đến lắm. Dù thế nào đi nữa, Tết ở các trại dưới bao giờ cũng có bánh chưng. còn được phát cả kẹo bánh nữa. Dù ít nhưng cũng gọi là có. Và vì vậy mà tôi mong Tết đến lắm. Tôi thèm một cái kẹo bột dỗ trẻ con quá đi mất thôi.

Tết đến may ra được một bữa no. Lại có thêm tí đường. Những ngày lễ 1-5, 2-9, tù có được ăn thịt trâu, bò, hoặc lợn. Tù hình sự gọi thịt là "mêu." Được dăm ba miếng thịt thêm mấy miếng lòng, thế là đời tươi rồi.

Những ngày ấy bụng tôi nó hơi lửng lửng. Chỉ riêng có Tết, cơm + canh + thịt + bánh chưng là tôi được gần no. Tôi luôn nghĩ đến câu: "Đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết." Nên cái bánh chưng phát chiều 30 Tết cùng tất cả kẹo bánh tôi dồn cả vào sáng mùng một. Ăn hết cơm canh thịt thả xong tôi bóc cái bánh chưng ra ăn tiếp. Hết cái bánh chưng tôi tráng miệng nốt chỗ kẹo

bánh. Ăn liền một lúc. Vươn vai đứng dậy. Thế là hết Tết.

Ngay ở các trại dưới, Tết chỉ hai ngày, chỉ có hai chứ không có ba. Vì sáng mồng ba Tết đã phải đi làm rồi. Với tù, Tết bắt đầu từ chiều 30. Bữa chiều 30 Tết bao giờ cũng có lòng trâu lòng lợn, thêm tí thịt thủ, tý mỡ vào canh lá bắp cải già. Chả là sáng 30 Tết, trại làm thịt lợn, thịt trâu để cho Ban Giám Thị, Ban Chỉ Huy bộ đội gói bánh chưng.

Bữa sáng mồng một tù được ăn thịt hẳn hoi. Chiều lại ăn cơm rau như thường. Sáng ngày mồng hai lại được ăn một bữa thịt nữa. Chiều mồng hai lại ăn rau có thêm nước luộc thịt. Thế thôi. Thường thì tù vẫn còn đói.

Đây là ở các trại dưới. Trại Ngọc, Yên Bái; trại Da Thịnh, Tuyên Quang; Phong Quang, Lao Kay; Tân Lập, Phú Thọ; Tân Sơn, Lạng Sơn; và Vĩnh Quang, Vĩnh Phúc...

Còn ở Cổng Trời năm đó, năm Nhâm Dần 1961...

Chiều 30 Tết. Rét cắt ruột, cắt thịt, cắt da. Bầu trời xám xịt ảm đạm đầy mây. Trại tù im ắng quá. Tôi đứng ở cửa sổ, nhìn qua song cửa gỗ lim, thấy anh Nguyễn Hữu Đang đứng ở sân trại nói với Phó Giám thị trại Quỷ Sứ người Đức Thọ, Hà Tĩnh. Tôi lắng nghe lồm bồm.

"Thưa ông, theo tục lệ cổ truyền của Việt Nam thì đến chiều 30 Tết, gia đình nào cũng làm mâm cơm cúng gia tiên và ở các trại dưới tù cũng đều được cải thiện ăn thêm... Mong rằng ông cũng cho anh em chúng tôi..."

Có tiếng quát cao giọng ngắt đứt lời của anh Nguyễn Hữu Đang.

"Không có gì cho các anh hết cả. Biết chưa. Cấm không được đòi hỏi, yêu sách lời thối gì... Cho thế nào ăn thế..."

Rồi Quỷ Sứ quay ngoắt người bước ra cổng trại và rồi chiều 30 Tết năm ấy vẫn lá bắp cải già nấu muối đen sì. Không có gì hơn.

Hai ngày Tết trôi qua. Đến sáng ngày mồng ba, Cố Hoàng làm một bài thơ vịnh cái Tết đó đọc cho tôi nghe. Thơ rằng:

Tết đến Nhâm Dần khốn nạn thay
Chiều 30 Tết vẫn ăn chay
Bánh chưng mong đợi thời không có
Thịt lợn vừa tròn ba đốt tay
Buổi sáng mỗi người hai cái kẹo
Bữa trưa dăm miếng thịt trâu gầy
Anh em ngao ngán nhìn cơm sắn
Khốn nạn thân tôi đến thế này...

Tôi vốn ghét những người làm thơ không hay. Khốn nỗi, những người làm thơ không hay lại rất hay làm thơ. Và đã làm thơ thì thế nào cũng níu kéo một người nào đó để đọc cho nghe. Tôi khổ sở vì phải nghe những bài thơ đó. Hồi nhỏ, tôi thấy thầy tôi ngồi cùng các vị túc nho hay chữ, lúc trà dư tửu hậu đùa cợt có nói câu:

"Ai mà nói dối, thì ăn câu đối cụ Nghè Bản" và các cụ cười ầm lên.

Tôi không rõ cụ Nghè Bản là ai và ở đâu. Nhưng suy luận ra chắc là câu đối của cụ thối lắm nên mới có câu nói cửa miệng đó.

Nó cũng như câu nói của Thánh Quát: "Câu thơ thi xã, con thuyền Nghê An." Ấy đến bây giờ đây, ở đâu cũng thấy làm thơ, thơ hay đến không người được cũng đăng báo, xuất bản thành tập làm khổ người xem, người đọc.

Hình như ở đất nước này, ai ai cũng thích làm thơ. Ngay thẳng tôi đây, một người Việt Nam chân chính, tôi cũng mắc cái tật cũng làm thơ như ai. Nhưng vì tôi là con nhà binh, nên làm thơ chỉ đạt đến trình độ của mấy ông quan võ ngày xưa mà thôi. Nghĩa là:

Con cóc nhảy ra
Con cóc ngồi đấy

Hoặc:

Chẳng phải voi cũng chẳng phải trâu

Ấy là con chó cắn gâu gâu

Rồi tôi đọc cho cố Hoàng nghe. Toàn bộ thơ của tôi cố Hoàng sỗ toẹt hết. Nói chẳng ra làm sao cả. Cố Hoàng bảo chỉ có mỗi một câu nghe được thôi. Đó là câu:

Ngũ Tử Tư, Ngũ Tử Tư,
Tắm thân chìm nổi đến bao giờ

Cố Hoàng rất hay làm thơ và cũng ngâm lại cho tôi nghe. Giọng cố ngâm rất hay, cố lấy làm thích thú lắm. Ra cái điều tâm đắc. Nhưng cố Hoàng hát còn hay hơn nữa. Cố hay hát bài ca tụng các Thánh tử vì đạo của Cha Vinh (địa phận Hà Nội).

Nếu không có mẹ, ở nơi lưu đày...

Xin Mẹ hãy nghe lời con kêu van, khẩn cầu đau đớn

Và...

Dù gươm chém hay đầu rơi
Lòng vàng đá không hề phai...

Làm cho tôi thuộc đến tận bây giờ.

Và cũng như bài thơ Tết Nhâm Dần ở trên, cố cứ ngâm nga mãi, tuy rằng bài thơ không hay nhưng nó lột tả được toàn bộ sự thật đau xót khốn khổ của cái Tết tù năm đó. Vì không có bài thứ hai, nên tôi xin được phép chép lại, các vị cũng lượng thứ cho. Vì cái Tết của chúng tôi đúng như vậy đó. Chỉ được ăn một bữa, bữa trưa ngày mùng một Tết thôi. Mà đói vàng mắt ra, vì mãi đến tận một giờ chiều mới được ăn.

Mọi ngày chúng tôi ăn khoảng từ 8 đến 9 giờ sáng. Riêng ngày mùng một Tết, các quan còn bận ăn Tết nên không xuống mở cửa sớm. Mãi đến tận 10 giờ sáng mới xông đất mở cửa nhà bếp. Thế có nghĩa là ba tiếng đồng hồ sau, một giờ chiều chúng tôi mới được ăn cơm sáng.

Mười giờ sáng, mở cửa, phát cho mỗi người hai cái kẹo. Lại đóng ngay cửa lại. Sau khi tù khênh cửt đá ra ngoài đổ chúng tôi lại vào buồng ngồi chờ cơm. Trong khi chờ đợi thì thường thức hai cái kẹo ăn dỗ trẻ con và chịu khó nhịn đói đến một giờ chiều. Đúng như lời trong thơ tả: Bữa trưa dăm miếng thịt trâu gầy

Và ba miếng thịt lớn bằng ba đốt ngón tay, và, của đáng tội, còn được thêm mấy miếng lòng nữa mà cố Hoàng không chép nhét vào trong bài Thơ Đường đó được.

Bài thơ không được hoàn chỉnh lắm và có thể thất niêm thất luật. Nhưng nó đúng, đúng với sự thật đau xót Tết vẫn ăn cơm độn sắn, đắng ngắt. Nhưng cái kết không có hậu. Khốn nạn thân tôi đến thế này thì thật là mệt quá.

Tôi, tôi vẫn muốn có một happy end, vẫn muốn có Tiên Điền Nguyễn Du với nàng Kiều ở sông Tiền Đường lên cho tái hồi Kim Trọng, tôi vẫn muốn sống và trở về tự do, về nhà cùng mẹ và vợ con tôi, nên tôi xin phép cố Hoàng cho tôi sửa lại câu cuối. Cố bảo thì sửa đi. Tôi sửa thành: "Ước đến sang năm khác thế này."

Cố gạt đầu bảo: "Thôi cũng được."

Thế là bài thơ đó như sau:

Tết đến Nhâm Dần khốn nạn thay

Chiều 30 Tết vẫn ăn chay

Bánh chưng mong đợi thời không có

Thịt lợn vừa tròn ba đốt tay

Buổi sáng mỗi người hai cái kẹo

Bữa trưa dăm miếng thịt trâu gầy

Anh em ngao ngán nhìn cơm sắn

Ước đến sang năm khác thế này.

Có thể là vì câu thơ cuối, mà cố Hoàng thì nằm lại chôn thân nơi đó, còn tôi may mắn trở về để viết lại câu chuyện này hôm nay chẳng.

Đức thánh tử vì đạo thứ hai mà tôi được gặp

Đức thánh thứ nhất là tu sĩ Đỗ Bá Lung từ Ngọc Đông, Hưng Yên đã chết ở Cổng Trời còn đức thánh thứ hai này thì bị bức hại tàn ác dã man ở trại Phong Quang, Lao Kay.

Ngài tên là Lâm Đình Túy người Nam Hà, giáo dân địa phận Bùi Chu. Đức thánh này quyết liệt hơn, dứt khoát hơn, những điều mà Ngài Lâm Đình Túy làm thì chỉ có một không có hai, trước không có và sau này cũng không thể có.

Trước Ngài, chúng ta ai cũng ngả mũ cúi đầu kính cẩn nghiêng mình.

Tháng Năm 1972.

Mỹ bỏ bom tại miền Bắc Việt Nam. Ngày 10 tháng Năm, cầu Long Biên lại bị đánh sập. Đến chiều ngày 11 tháng Năm 1972, tôi lại bị bắt lần thứ hai với tội phản cách mạng. Điều này không có gì là bất ngờ đối với tôi cả. Tôi đã chờ đợi nó từ năm 1971. Khi Tổng thống Mỹ Nixon cho trực thăng đổ bộ xuống trại tù binh Mỹ ở Sơn Tây để hồng cướp lại các phi công bị bắt tôi đã thấy tôi bị theo dõi từng bước. Luôn có một cái đuôi theo tôi.

Và đến năm 1976, khi cầm lệnh tha, tôi đọc thấy quyết định bắt tôi kể từ tháng Sáu năm 1971 thế mà mãi đến một năm sau tôi mới bị bắt kể cũng hơi muộn. Thiếu tá Công an Cường, thường gọi là Cường cao trực tiếp tới bắt tôi ở quê ngoại tôi: thôn Đông xã Hội Xá, Gia Lâm nơi gia đình tôi chạy bom sơ tán về đó.

Lúc công an xộc vào nhà, tôi đang sửa soạn đi tắm. Tôi cười, bảo với Cường cao là để tôi tắm xong rồi hãy bắt đi.

Cường cao rất tử tế bảo:

"Thôi, anh Vĩnh vào Hỏa Lò rồi hãy tắm."

Tôi bảo:

"Vào đó phải đến ngày đầu tháng mới được tắm chứ."

Cường cao bảo:

"Tôi hứa là sẽ để anh tắm trước khi vào xà lim."

Mẹ tôi và vợ tôi gào lên:

"Tội tình gì mà lại bắt người ta. Sao mà tàn ác thế. Đã giết người cướp hết của cải rồi mà vẫn

không buông tha."

Cường cao ôn tồn bảo với vợ tôi:

"Chị bình tĩnh lại, yên tâm. Khi nào Mỹ chấm dứt bỏ bom chúng tôi sẽ cho anh ấy về."

(Thế mà mãi đến năm 1976 sau khi chiếm được Sài Gòn một năm, họ mới tha cho tôi về).

Tôi mặc quần áo đi theo Cường cao, ra đầu làng lên xe vào Hòa Lò, vào ngục Cửu U vì phải đi qua chín lần cửa mới tới xà lim giam tôi. Với tôi Hòa Lò quen thuộc quá. Tôi đã trải qua tất cả các xà lim ở đó lần bị bắt trước. Giữ đúng lời hứa, trước khi tống tôi vào xà lim, Cường cao bảo Quản giáo cho tôi đi tắm cẩn thận không giục giã gì. Tôi vốn con nhà binh, nên rất bình tĩnh trước mọi hiểm nguy, lần trước cũng như lần này. Tắm xong tôi ung dung tự tại ngồi thờ Yoga chờ cơm.

Vì đã được nghe kể và đã rút kinh nghiệm từ lần trước, ngay ngày hôm sau, vợ tôi thăm nuôi tiếp tế cho tôi, muối vừng rất mặn, kẹo bột và chè lam. Mấy ngày đầu tôi không đến nỗi đói, và đã có chiều dài 10 năm tù trước, đã từng ở Cổng Trời, sức chịu đựng của tôi đã được tôi luyện nên tôi cứ ngồi thờ Yoga. Ba bốn ngày trôi qua, chả có ma nào hỏi cung mình cả. Cường cao nghe nói hắc xì dầu lắm, mà sao lại lịch sự tử tế với mình thế.

Trước lúc vào xà lim, Cường cao bảo tôi:

"Anh chắc phải hiểu chứ, Mỹ lại bỏ bom. Vậy nên bắt lại anh là điều tất nhiên thôi. Chúng tôi buộc phải tháo cái ngòi nổ. Thôi, cứ đi trại ít lâu đừng ném bom là về."

Anh ta lại còn nói tiếng Pháp với tôi nữa:

"Chắc anh lại mỉa chúng tôi: La raison du plus fort est toujours le meilleur chứ gì."

Tôi im lặng vào xà lim không trả lời.

Một tuần trôi qua, rồi hai tuần. Cũng không ai hỏi han gì. Mà thực tình ra, còn gì nữa mà hỏi. Lần tù 10 năm trước khai báo ở ty Niết hết rồi. Lần này mới về được ít lâu thì lại bị bắt lại. Có gì để khai mà hỏi. Cũng mong đi trại cho nó yên một bề thế mà bỗng một hôm, được gọi lên hỏi cung. Mừng quá. Có dịp đi lại ra ngoài thờ không khí.

Một cán bộ còn trẻ, ăn mặc chỉnh tề lịch sự. Hỏi toàn những chuyện đầu đầu: Bên Tây, bên Mỹ, bên Thái Lan và miền Nam. Tôi trả lời ầm ờ lửng lơ con cá vàng. và rồi đột ngột, tôi bảo là quên hết tất cả rồi. Anh ta vẫn rất tử tế, bảo tôi cố nhớ lại, giúp cho anh ta có thể đánh giá chính xác đúng những con người ở xa xôi đó.

Tôi bảo:

"Tôi đang đói đây, đang ho lao đây, đang mệt rũ ra đây. Bây giờ là gần 11 giờ trưa rồi, tôi chưa được một hớp nước, chưa được một miếng gì cho vào bụng nên tôi đói lắm, mà dạ dày đói thì không có tai để nghe. Xin để cho đến chiều hoặc mai. Đưa tôi về xà lim nghỉ thôi."

Tôi tưởng anh ta sẽ nổi cáu. Nhưng không:

"Thôi được, anh về, mai tôi sẽ gặp lại."

Sáng mai, tôi được gọi lên. Sau khi ngồi vào ghế, anh ta rút trong cặp ra hai cái bánh mì Badega kẹp thịt, một gói thuốc ho Rimifon, một bánh xà phòng thơm đưa cho tôi:

"Anh ăn đi. Còn các thứ này để dùng khi đi trại."

Giọng nói, ánh mắt đầy sự tử tế. Tôi ung dung ngồi ăn hết hai cái bánh mì và chờ đợi những câu hỏi hắc búa. Nhưng không, thấy tôi ăn xong, anh hỏi:

"Tôi đã đọc kỹ hồ sơ lý lịch của anh rồi. Đọc kỹ, nhưng chưa đầy đủ bằng gặp chính con người của anh. Hôm qua gặp, thấy anh nói bị đói và bị ho nên hôm nay tôi đem đến cho anh ít thuốc. Thế thôi nhé. Anh có thể về được rồi."

Và anh ta gọi Quản giáo dẫn tôi về xà lim. Tôi hơi ngạc nhiên trước sự việc đó. Lúc ấy là tháng Năm 1972. Năm 1976 tôi được tha, đến năm 1979 tôi đang đạp xe đạp ở phố Lò Đúc thì thấy có người gọi:

"Anh Vĩnh, anh Vĩnh."

Tôi quay lại không nhận ra ai. Anh ta cười bỏ mắt kính ra, tôi liền nhận ra anh: người cán bộ hỏi cung đã cho mình bánh mì và thuốc.

Tôi mời anh đi uống bia, anh từ chối và bảo:

"Tôi rất mừng là thấy anh trở về mạnh khỏe thôi, tôi xin lỗi vì có việc bận không đi uống bia với anh được. Chúc anh khỏe và gặp nhiều điều tốt lành."

Tôi cố nài mời anh, anh nhất quyết chối từ, bắt tay xin lỗi và đi. Tôi có hỏi tên anh, anh vờ như không nghe thấy và không trả lời. Cảm ơn anh.

Sau câu chuyện hỏi cung trên, tôi đi trại Vinh Quang (thuộc tỉnh Vĩnh Phú). Gặp lại một số người quen cũ, tay bắt mặt mừng, cứ như là đi phép trở lại đồn vậy. Kể cũng nực cười. Và chính ở trại này, tôi gặp một vị thánh tử vì đạo nữa: Lâm Đình Tuy, người Nam Hà, giáo dân địa phận Bùi Chu.

Khi tôi lên trại Vinh Quang được ít lâu thì có một tu sĩ tên là Hiếu ở địa phận Thái Bình được thả về tự do. Nhưng chỉ độ ba tháng sau, lại thấy tu sĩ Hiếu bị bắt đem lên trại. Mọi người đều mừng mừng tủi tủi, và cũng coi như tu sĩ được đi phép về. Riêng giáo dân thì hồ hởi lắm. Hỏi ra thì mới biết là khi được tự do, Giáo Hội đã phong tu sĩ Hiếu làm Linh Mục và khi bị bắt lại Linh Mục Hiếu đã đem theo được "mình thánh" vào trại tù. Các tín đồ Thiên Chúa giáo một mực rất kính trọng Linh Mục Hiếu, săn sóc, chăm nom cực kỳ chu đáo, có quà gì cũng đem biếu: một ấm chè ngon, một củ sắn luộc, vài cái bánh ngọt mới được tiếp tế.

Linh mục Hiếu có dáng vẻ một trí thức nho nhã, trắng trẻo, đẹp trai, thông minh, trạc 35 tuổi. Một con người không có gì để chê trách, phàn nàn về mọi phương diện. Ăn ở, ứng xử với mọi người lúc nào cũng khiêm tốn, nhã nhặn tươi cười, hòa đồng với mọi lớp người trong tù không phân biệt chính trị hay hình sự.

Linh mục Hiếu lên trại Vinh Quang lần thứ hai thì được Phó Giám Thị Cụ công bố với toàn trại tù là ông cha đạo Hiếu này chính là một tên lưu manh chuyên nghiệp. Mọi người cứ há mồm, ngờ ra không hiểu.

Cụ giải thích như sau:

"Hiếu là một tên vốn lười biếng, thích ăn ngon mà không thích lao động, một tên ăn bám xã hội, trông mẽ người anh ta thì thấy ngay là loại ăn trắng mặc trơn, ăn ngon mặc đẹp nên đi tu, làm nghề tôn giáo, lừa bịp các giáo dân để kiếm ăn. Thử hỏi, dưới chế độ XHCN của chúng ta, những người yêu lao động có thể nào chấp nhận phần tử ăn bám đó. Trí thức như Hiếu, thì giá trị không bằng cục cứt (trích Mao Trạch Đông), mà trí thức gì cái anh ta: Học được mấy chữ "la tanh tưởi" đến nhà thờ rao giảng, lễ thường ra khấn khứa thì cứ theo lối Việt Nam ta: gần bay là xa bay bỗng mời các cụ về hưởng lộc cho con cháu. Nhưng y lại không khấn khứa như thế, y nói: 'Ca tê riom, ca thể dran,' ra cái điều cao siêu bí hiểm, nó có cái quái gì là bí hiểm đâu, nó là: cá trê rán, cá trê om nói trạch đi, thể thôi. Đây y lừa bịp các giáo dân như vậy đấy. Chỉ để kiếm miếng ăn như mấy lão thầy cúng chập chững ấy mà.

Lần thứ nhất đã bị bắt tống vào tù đã cải tạo được, nên tha cho về làm người lương thiện. Nhưng vẫn chứng nào tật ấy, ngựa theo đường cũ, lại tiếp tục hành nghề nên phải bắt lại lần thứ hai. Như thế là y đã tái phạm nhiều lần. Vậy thì y đích là tên lưu manh chuyên nghiệp rồi còn phải thắc mắc gì nữa."

Phó Giám Thị Cụ nói trơn tru láo liên như vậy với bộ mặt xám và lạnh, tù nghe không một ai dám cười cả. Còn tôi, tôi cứ ngó cả người ra. Đến ngay cả ở trại Cổng Trời cũng chưa thấy giám thị, quản giáo nào dám giải thích như vậy cả.

Hắn nói gì thì mặc hắn, chúng tôi để ngoài tai. Nhưng với ông Lâm Đình Túy, thì những điều mà Phó Giám Thị Cụ nói làm cho ông khó chịu. Và ông lại tỏ vẻ khó chịu hơn khi thấy các giáo dân cứ vây quanh Linh mục Hiếu để ăn uống, chề chén, quá chu đáo.

Thế rồi một ngày Chủ Nhật nghỉ, nhân lúc các tín đồ và Linh mục Hiếu đang ngồi ăn uống chuyện trò vui vẻ thì bác Lâm Đình Túy xuất hiện. Bác đứng trước mặt Linh mục Hiếu, chỉ tay nói với giọng giận dữ, Bác đọc một loạt những câu tiếng La Tinh ở trong Évangile cốt để cho Linh mục Hiếu nghe. Tôi không hiểu những lời đó có ý nghĩa mạnh mẽ ra sao, nhưng tôi thấy Linh mục Hiếu tái mặt đứng dậy bảo các con chiên giải tán, và từ đấy không thấy tập hợp nhau nấu nướng ăn uống gì nữa.

Sau chuyện này, cuộc sống ở trại Vinh Quang cứ lặng lẽ trôi. Có điều đối với riêng tôi, một đối tượng cần phải chuyên chính đàn áp thì mũi dùi của Phó Giám thị Cụ luôn chĩa vào tôi. Vợ tôi lên thăm nuôi tiếp tế bị đuổi về không cho gặp và nhận.

Thỉnh thoảng tôi lại bị gọi lên lục vấn, chấn chỉnh đe dọa, và những buổi nói chuyện ở Hội trường đều bóng gió nói đến tôi: liệu hồn mà chịu phép cải tạo. Tôi được phân công vào toán già đan lát cùng với bác Lâm Đình Túy.

Bác Túy gầy yếu xanh xao. Rất ít nói. Nhìn bác, tôi lại nhớ đến tu sĩ Đình Hiền Lương, dòng tu ép xác Châu Sơn, tù ở Cổng Trời với tôi và đã chết. Đầu cũng cắt ngắn gần như trọc, cả ngày chả nói một câu chuyện, cứ ngồi yên lặng lẽ nhìn, nhìn đấy mà chả nhìn thấy gì cả. Nhưng có một điều rất khác. Rất khác là khi làm việc thiêng liêng, bất cứ vào thời điểm nào, ngay cả trong lúc đang làm việc ở ngoài đồng, ngoài trại, bao giờ bác cũng quỳ xuống, kính cẩn cúi đầu như ở trong nhà thờ làm lễ. Bác để hết tâm trí vào việc cầu nguyện, lúc đó coi như không còn ai ở chung quanh, kể cả Giám thị trại, Quản giáo, lính coi tù, bác vẫn quỳ xuống mà nguyện cầu, ngang nhiên làm như thường. Mà có cái lạ nữa là những Giám thị và Quản giáo không làm gì để ngăn cấm bác cả.

Khi tôi lên trại tù Vinh Quang thì mọi việc đã diễn ra như vậy rồi, và vẫn tiếp tục diễn ra như vậy, mọi người đều cho đó là một chuyện bình thường làm tôi rất ngạc nhiên khi tôi đem so sánh với những chuyện đã xảy ra ở trại Cổng Trời lần tù trước (1960-1970). Tôi có tò mò hỏi một giá dân cùng quê cùng xứ đạo với bác Túy thì giá dân đã cho tôi biết là từ khi bị bắt lên đến trại giam Nam Định bác đã làm như thế rồi. Giam mãi ở xà lim, cùm mãi rồi lại phải thả ra, bác vẫn cứ thế. Cuối cùng, các ban Giám thị ở trại dưới đành chịu thua bác, đành để Bác như vậy, cho đi cùm ở xà lim thì chính ban Giám thị lại mắc mưu của ông ta, ông ấy chỉ thích nằm xà lim thôi. Không bị ai quấy rầy, lại cơm bưng nước rót, cùm thì chân ông ấy chỉ bằng cái que tằm ấy, có cùm thì cũng như không. Thế là ban Giám thị lại lòi ra bắt đi làm. Ông đi ra, nhưng không làm gì cả. Đến chỗ làm là ông ngồi vào một góc rồi quỳ xuống cầu kinh. Xong thì lại ngồi im lặng nhìn. Rồi đi về trại. Thế thôi. Chắc là họ đã họp lên, họp xuống nhiều lần lắm rồi, để tìm một đối sách trị ông. Kết quả: là cứ đành để mặc ông ta như vậy. Nếu không chỉ còn một cách là giết ông ta đi mà thôi. Thời điểm giết ông thì chưa đến. nên mặc nhiên ông là người độc nhất trong trại được hưởng quyền ưu tiên như vậy.

Năm 1972 tôi lên trại Vinh Quang gặp ông, đã thấy ông như vậy. Cũng như tu sĩ Đinh Hiền Lương, ông rất ít nói, ông hay ngồi tĩnh lặng để nghe và nhìn, và chắc ông nhìn và nghe được nhiều điều lắm, nên ánh mắt ông nhìn tôi có rất nhiều thiện cảm. Chắc hẳn ông biết tôi đã đi tù nhiều năm, đã từng ở Cổng Trời, nên đôi lúc có trao đổi với tôi một vài điều, chứ không phải là một vài câu chuyện, tỷ như:

"Trước ông Vĩnh có ở Bùi Chu à?"

"Vâng, năm 1951-1952 tôi có đóng quân ở Hành Thiện ở cùng với Tiểu đoàn Công Giáo số 16. Tôi đã có hân hạnh được gặp Đức Giám Mục coi sóc địa phận Bùi Chu, Đức Cha Phạm Ngọc Chi."

Lần sau ông hỏi tôi:

"Ông có ở tù cùng với cha Hân không?"

"Có, tôi có được gặp cha Hân và được chứng kiến cái chết của cha Hân ở trong tù."

Lần sau nữa:

"Ông cũng có biết tu sĩ Đinh Hiền Lương dòng ép xác Châu Sơn à?"

"Vâng, tôi có ở trong tù cùng với tu sĩ Đinh Hiền Lương và tu sĩ Lương đã chết ở Cổng Trời rồi."

Ông hỏi ngắn gọn có thể, và chỉ cần tôi trả lời có thể, và thế là đủ.

Đã là tù thì phần lớn đều phải thấy rằng:

Thứ nhất được tha, Thứ nhì tiếp tế, Thứ ba "ăn mềm" (thịt). Được gọi ra tiếp tế, mừng ra mặt. Bồn chồn mong cho chóng đến lượt mình để được gặp người thân và được ăn no. thế mà có lần tù ở phòng tiếp tế thăm nuôi vào gọi đích danh Lâm Đình Túy ra gặp người nhà. Ông ngược mắt nhìn lên không đáp lại. Người gọi là một tù hình sự nên anh ta vắng ngay ra:

"Đ.m, còn chần chờ gì nữa. Nhiều lắm, thấy một gánh nặng cật lực. Nhanh lên đi."

Ông lại ngược mắt nhìn, không nói năng gì. Và rồi ông không ra gặp người thân để nhận đồ tiếp tế. Ở đôi mắt hiền từ của ông, tôi thấy ánh lên một điều quyết định gì đấy, nó giống như ánh mắt tu sĩ Đỗ Bá Lung ở Cổng Trời nhìn anh em trước khi đi xà lim và chết!

Thế rồi tháng Mười Hai năm 1972, Mỹ bỏ bom B52. Tôi và một số phần tử nguy hiểm, trong đó có ông được lọc ra dẫn vào trại C sâu ở trong núi. Chúng tôi bị lừa tuốt vào một hầm ngầm đào sâu dưới lòng núi. Nếu bom Mỹ mà bỏ gần đây, hầm sập là chết hết khỏi phải chôn. (Cái hầm này gần chỗ xà lim, giam phi công Mỹ, anh Phan Hữu Văn biết rõ vị trí này).

Được vài ngày, thấy tình hình quá căng thẳng, họ vội vã chuyển chúng tôi lên Lao Kay ở trại Phong Quang. Hết Vinh Quang rồi lại Phong Quang. Sao mà họ khéo đặt tên hay đến thế cho các nhà tù ở miền Bắc này. Nào là "Thanh Cầm Thanh Hóa: Đàn xanh, nào Ba Sao Nam Hà: Ba vì sao sáng, nào Hồng Ca Yên Bái: Bài ca màu hồng. Trại Ngọc: Ngọc ngà châu báu. Yên Hòa Phú Thọ: Yên vui hòa thuận. An Thịnh Tuyên Quang: An ổn và thịnh vượng.

Đi tù mà Vinh Quang, và ở chỗ Phong Quang thoáng mát, thì nhất rồi còn phải kêu ca phàn nàn gì nữa.

Nhưng thật ra cái nhà tù Phong Quang này ở tít trong cùng tận của rừng xanh, núi đỏ, sát biên giới Việt - Trung nơi tận cùng của đất nước mà lại là Phong Quang thì cái tài dùng chữ "mỹ từ pháp," tài lừa bịp đã đạt tới mức siêu đẳng rồi.

Chúng tôi được chuyển từ trại Vinh Quang, lên Phong Quang, Lao Kay. Lên đến trại vào quãng nửa đêm. Trại ở sâu trong rừng và cũng phân ra A, B, C. Vì trại Cổng Trời được phong "Anh Hùng" nên các trại dưới đều phải học tập rút kinh nghiệm để noi theo.

Và nếu ta cho điểm Cổng Trời là 10 thì Phong Quang cũng được 7 hoặc là 8. Ở đây cũng ghê lắm. Có một Quản giáo ác ôn tên là Tăng, người Thái Bình, mặt da tai tái, mắt ti hí mắt lơ lửng hơi toét, to béo, khỏe mạnh, vũ phu, tướng của một tên côn đồ đứng bến xe, cười cười nói nói, chuyên gọi tù bằng thẳng. Khi cần, môi mím lại, mặt tái đại hãn đi, lúc ấy là có chuyện giết người đấy.

Chúng tôi đến trại được Quản giáo Tăng tiếp đón chu đáo: đèn pin dọi vào mặt từng người, tay thọc ngay vào hạ bộ chụp lấy sờ nắn, khám xét.

"Thôi được, vào ngủ đi. Sáng mai sẽ hay."

Hắn bảo thế.

Và sáng hôm sau, tôi được chứng kiến một điều mà hai lần tù gần 15 năm tôi chưa thấy bao giờ, trước không có và sau này cũng khó có. Một chuyện động trời.

*

Quản giáo ác ôn Tăng, cầm bản danh sách tù đi đầu, theo sau lưng là một tiểu đội súng ống và một lũ tù hình sự tay sai làm trật tự viên trong đó có một tên hung ác nhất tên là Nhạn, người Hải Phòng.

Theo thường lệ, tù được gọi đến tên, ôm đồ đạc ra trước mặt Quản giáo, rồi để những tù hình sự trật tự viên lục lợi khám xét. Lần lượt như vậy. Cho đến lúc gọi tên Lâm Đình Túy. Không

thấy trả lời. Ác ôn Tăng cao giọng đến lần thứ ba rồi quát:

"Nó đâu? Thăng Túy đâu. Câm hả."

Trong lúc khám xét ai cũng lo lắng thân mình trông lấy đồ đạc của mình. Cũng chẳng biết ông Túy ở đâu để mà giúp đỡ cả. Lúc đó ông Túy đang quỳ ở một góc để làm việc thiêng liêng. Cũng như ở các trại dưới, như ở trong nhà thờ, ông quỳ xuống cúi đầu nghiêm chỉnh, dâng hoàng, đỉnh đặc cầu nguyện thành kính. Với ông lúc ấy không có ai ở chung quanh, không có chuyện gì xảy ra cả. Vì mới đến hồi đêm, nên chưa kịp bàn giao những gì chi tiết, và cũng chưa có thì giờ để đọc hồ sơ lý lịch từng người, nên hẳn, Quản giáo ác ôn Tăng, cực kỳ giận dữ trước sự việc dám coi thường hẳn đến như thế.

Hắn đã gọi, gọi đến ba lần mà thằng tù không thèm đáp lại. Lâu nay có thể này bao giờ đâu: hẳn nói mọi người phải răm rắp tuân theo, bây giờ lại có một thằng tù chính trị dám coi thường hẳn. Ác ôn Tăng lừ lừ đi đến. Sau này tôi mới được biết là tù ở đây sợ hẳn như cọp, hẳn đánh tù không tiếc tay, tự tay hẳn đánh, mệ, hẳn sai tù tay sai đánh tiếp cho hẳn xem cho hả lòng ác độc và đánh cho đến chết. Có một tù hình sự còn trẻ, không biết lúc hẳn đi qua, đùa với bạn, giơ tay giả làm súng bắn, miệng kêu: tăng, tăng, tăng. Thế là phạm húy, bỏ mẹ rồi. Hẳn gọi ra cho ăn đòn và ít lâu sau ngấm đòn chết. Thành ra ai cũng sợ. Nhìn thấy hẳn là sợ rồi. Con người hẳn toát ra tử khí. Thế mà Lâm Đình Túy lại không biết điều đó.

Hắn lừ lừ đi đến. Hẳn nắm gáy ông lôi đứng dậy, ông vốn nhẹ cân và gầy yếu.

"Mày là thằng Túy. Sao tao gọi mày không trả lời hả?"

Ông nhìn hẳn, từ từ quay người đứng thẳng dậy trước mặt hẳn. Và thật bất ngờ đối với tất cả, ông giơ tay tát thật mạnh vào tên ác ôn Tăng, rồi ông lại từ từ quay người quỳ xuống tiếp tục làm công việc thiêng liêng của mình.

Chắc chắn là đối với tất cả những người đi tù ở miền Bắc này, từ xưa cho tới lúc ấy chưa có ai, chưa có bao giờ một người tù dám tát vào mặt Quản giáo hay một người lính coi tù cả. Điều này xảy ra ngoài sức tưởng tượng của ác ôn Tăng nên hẳn phản ứng rất là chậm chạp. Hẳn đứng yên, hai tay thông xuống mặt nghệt ra. Chúng tôi ngỡ ngác bàng hoàng và chờ đợi. Đây là chuyện động trời ở trong trại tù. Tù đánh Quản giáo. Không phải là chuyện khi bị đánh thì chống lại, đánh lại mà lại ngang nhiên đánh tát vào mặt. 15 năm tù tôi chưa bao giờ thấy có chuyện ấy xảy ra: Tù tát vào mặt Quản giáo ác ôn và Quản giáo đứng yên chịu trận. Đối với tù: Quản giáo là chủ nô. Đôi lúc tôi đã lần lữa nghĩ rằng: Những kẻ nào bất tài, vô tướng, học thì dốt, đầu óc bả đậu, lại lười biếng thích ăn không thích làm nhưng lại muốn làm cha người ta, làm ông chủ người ta thì nên xin gia nhập làm ngành Công an làm Quản giáo coi tù. Làm Quản giáo sướng lắm chứ, có dưới quyền khoảng trên dưới 40 tên nô lệ. Gọi dạ, bảo vâng, sai gì làm nấy. Nếu láo xược, không nghe sẽ có ngay đòn trừng trị của chính Quản giáo, hay nếu không muốn ra tay thì đã có tay sai là mấy tên tù hình sự làm Trật tự viên. Ngoài ra còn có súng của mấy lính coi tù hỗ trợ nữa. Ngày ngày, cấp quyền sách, ngòi ghi ghi, chép chép, đi theo đến chỗ tù làm, chán thì đi tới đi lui báo ban, sai phái. Hết giờ về, ăn cơm, ngủ. Mai lại thế. Vậy, hỡi ơi, hãy cho con cháu mình, người nhà mình, thằng nào mà ngu dốt đi làm Quản giáo.

Trở lại với ác ôn Tăng. Hẳn đứng yên, mắt đến gần một phút sau không có phản ứng gì. Lúc ông Túy tát xong, tôi sợ hãi chờ đợi một cuộc đánh đập trả thù tàn bạo. Nhưng không. Quản giáo ác ôn Tăng quay người đi ra cổng trại, theo sau là mấy tên tay sai trật tự viên.

Chúng tôi im lặng ngồi chờ. Độ nửa tiếng sau, Tăng quay vào, mắt tái đi vì giận dữ, cặp mắt ti

hí mắt lươn hơi toét không nhìn vào ai. Đến trước mặt mấy cán bộ dưới quyền, hấn ra lệnh:

"Cho tất cả tù vào trại. Khóa cửa lại. Còn thằng Túy để lại cho tôi."

Chúng tôi lại léch thếch ôm đồ của mình vào trong nhà. Còn lại một mình bác Túy, bác vẫn bình thần quỳ ở một góc cúi đầu cầu nguyện. Tăng chỉ tay, mấy tên trật tự xông vào khênh bác ra cổng trại.

Mãi đến chiều tối, những thằng ấy lại khênh bác về vứt một xó trong trại giam. Người bác rách nát. Nhưng mặt mũi không thâm tím, không chảy máu. Chỉ thấy bác nằm im, thoi thóp thở. Khi chúng quay ra, có mấy giáo dân người đồng hương đến chăm sóc cho bác. Bác nằm im không nói, không ăn. Họ chạy chữa cho bác, và chúng tôi được biết bác bị đánh què chân và gãy hai cái xương sườn.

Sáng hôm sau chúng tôi lại được lệnh ra sân tập họp sớm hơn mọi ngày. Đến đây tôi xin ngắt quãng để kể một chút về một nhân vật thật đặc sắc mà tôi gặp ở trại Phong Quang này: Anh Hoàng Tiên Như người Nghệ An. Trong đoạn này tôi chỉ kể một chút ít về anh thôi, còn chúng ta phải đi nốt với Đức thánh tử đạo Lâm Đình Túy, người đã vác cây thánh giá của Chúa cực kỳ nặng nhọc và gian khổ này.

Tập họp ngồi đầy đủ ở sân trại. ban Giám thị và Quản giáo, lính coi lục tục kéo xuống. Mọi lần bình thường thì không có ban Giám thị, chỉ có Quản giáo và lính coi tù xuống nhận tù đi làm thôi. Vừa mới xuống đến nơi, chúng tôi đã thấy tiếng quát tháo ầm ầm ở phía hàng trên chỗ gần cổng trại. Rồi mấy tay tù trật tự tay sai xông vào đánh đấm lôi một người ra khỏi hàng. Khi người ấy đứng dậy, thì tôi thấy anh cời truồng... thối thện. Cả trại cười ầm lên như vỡ chợ. Hỗn loạn. Đầu thì trọc, mặc một cái áo ngắn cộc rách tơi tả, cời truồng, vừa đánh trả, vừa chạy vừa chửi. Anh cứ chạy quanh sân trại làm bọn tay sai mãi mới bắt được anh, lôi anh đi vào xà lim. Anh dấy dụa, lặn ra đất, chửi bới om xòm với giọng Nghệ An:

"Đù cha chúng bây, choa có sớ cái củ c. choa đây này."

Anh tên là Hoàng Tiên Như người Nghệ Tĩnh, vốn là Đại úy Quân Đội Nhân Dân Việt Nam Anh Hùng. Anh ở binh chủng Pháo Binh, đã từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Hoạt động cách mạng từ năm 1945 đã từng chỉ huy cướp chính quyền ở tỉnh Nghệ An. Thế thì tại sao anh lại đi tù ? Anh bảo: "Tại vì tớ lấy vợ. Vợ tớ là con nhà địa chủ, lại là người theo đạo Thiên Chúa nữa cho nên chi bộ Đảng, cấp trên chính quyền không cho lấy. Nhưng tớ yêu vợ tớ quá đi mất thôi. Không lấy thì không thể chịu được. Thà chết, thế là tớ cứ lấy. Bị kỷ luật ra khỏi quân đội, tớ theo vợ về xứ đạo, tớ theo vợ tớ thôi chứ tớ không theo Chúa, không theo đạo. Ấy thế mà bị bắt vào đây đây." Anh kể với tôi về anh như vậy và vỗ vai tôi bảo: "Cậu cũng Đại úy, tớ cũng Đại úy, hai thằng 'huề' nhé."

Vào tù anh gặp một người bạn chiến đấu cũ làm Phó Giám thị trại giam. Nghĩ lại tình cảm xưa cũ, Phó Giám thị cho anh làm vệ sinh quét dọn trên nhà ban Giám thị trại, và được hưởng quyền ưu tiên của tù tự giác, được đi lại tự do, được đun nấu, ăn uống đầy đủ. Nhưng có một hôm, một cán bộ Quản giáo sai anh làm một công việc gì đó, anh thấy bị xúc phạm, anh cầm chổi ném vào mặt Quản giáo và quát:

"Choa đấm c. vào cái mặt mày. Choa về trại tù đây."

Anh bỏ về trại, không lên ban quét dọn nữa. Về trại, anh không làm gì cả. Cứ ngồi nhà, đun nước pha chè uống, đến bữa, xuống nhà bếp lấy cơm lên ăn no rồi chửi đổng. Không ai làm gì

anh cả. Kể cả ác ôn Tăng cũng tránh mặt làm ngơ.

Đôi lúc anh nổi cơn lên như hôm nay, anh ra xếp hàng thật sớm, chờ trường ngồi ngay hàng đầu, cầm cái nón rách che hạ bộ, chờ đến lúc ban Giám thị xuống thì anh bỏ cái nón ra để cho các vị ấy xem. Và câu chuyện đã xảy ra ảm ỉ như trên. Xong rồi cũng yên, nhưng không khí trang nghiêm thì không còn nữa. Ác ôn Tăng xuất hiện. Hấn giận lắm, giận lắm đấy. Không rào trước đón sau gì. Hấn đọc:

"Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc. Lệnh kỷ luật: Lâm Đình Túy.

"Cùm một chân. Ăn chín cần."

Lý do: Dựa vào ho ra máu vài lần.

Dù trói trần giáo dục nhiều lần.

Lao động vẫn ù lì không chịu

(Thơ Nguyễn Chí Thiện)

Chắc hẳn còn định làm một cái gì đấy để hồng trần áp mọi người, nhưng bị Hoàng Tiên Như phá đám hẳn không làm được, nên hẳn đọc nhanh lệnh kỷ luật cho xong việc.

Thế là Lâm Đình Túy đi xà lim. Nhưng cho ông đi xà lim là lại mắc mưu ông như ở các trại dưới: ông chỉ mong có thể. Ác ôn Tăng nhận ra ngay. Chỉ mấy ngày sau, hẳn lôi ngay ông ra khỏi xà lim, tay chân hết hạn cùm xiềng. Hấn bắt ông đi làm. Tất nhiên là ông không đi. Ông cứ nằm. Các giáo dân chăm sóc thuốc thang cho ông, ông dần dần tỉnh lại, có thể ngồi dậy làm việc thiêng liêng.

Thấy ông ngồi dậy được, ác ôn Tăng ra lệnh cho Quản giáo Cát phụ trách toán già đan lát, người khu 5 Bình Định tập kết ra Bắc, phải bằng mọi cách bắt Lâm Đình Túy lao động. Nhưng gọi ông, ông không ra tập hợp. Sau khi nhận tù xong, Quản giáo Cát vào nhà giam, túm cổ lôi ông dậy. Kéo đi làm. Được một quãng, hẳn mỏi, nghỉ tay, ông liền ngồi xuống không đi. Chúng tôi toán già lại ngồi xuống chờ. Hết mệt, Quản giáo Cát lại đến lôi ông dậy đi ông không đi. Cứ thế lằng nhằng mãi đến hai tiếng đồng hồ sau mới đến chỗ làm.

Quản giáo Cát mệt nhoài vào buồng nghỉ. Ông ngồi yên ở sân. Quản giáo Cát hết mệt; cầm một con dao, một thanh tre đến trước mặt bảo ông cầm dao chẻ nan. Ông không nhìn và cũng không trả lời. Hấn đặt dao xuống và đi vào nhà.

Sang đến sáng ngày hôm sau, rút kinh nghiệm hôm trước, hẳn đưa toán ra chỗ làm rồi mới quay về trại lôi ông Túy đi. Cũng phải mất độ hai tiếng sau, hẳn mới lôi được ông tới. Trời nắng nóng sớm, hẳn mệt mồ hôi lã chã. Nhưng lệnh trên bắt hẳn phải làm bằng được là: bắt Lâm Đình Túy lao động. Hấn lại cầm ra cho ông một con dao và một thanh tre. Ông vẫn cứ ngồi im. Hấn đặt trước mặt ông và đi vào nhà. Chắc hẳn chán cái trò này lắm rồi. Vừa tức vừa mệt.

Đến hôm thứ ba. Dẫn toán ra chỗ làm xong, hẳn quay về cùng với Toán trưởng, và cũng phải đến hai tiếng đồng hồ sau hẳn mới lôi được ông đến chỗ làm. Giúp hẳn làm được việc đó, ngoài Toán trưởng, lại có thêm một trật tự viên. Nhưng mà mệt quá. Hấn vào bàn giầy ngồi thở. Hấn cứ để ông ngồi ngoài sân cho mặt trời thiêu đốt, không đem dao và tre ra nữa. Chờ cho đến lúc gần trưa nắng thật gắt. Hấn đi ra chỗ ông, tay cầm một bó nan to, hẳn để nắm nan xuống đất trước mặt ông. Hấn bảo:

"Thế này nhé. Anh Túy. Tôi được lệnh là bắt anh phải lao động. Lệnh như thế. Bây giờ đây tôi

đưa anh nắm nan này, anh dùng tay đái mỏng nó ra phơi nắng. Có thể thôi, xong việc anh vào trong nhà có bóng mát mà nghỉ. Ai lại cứ ngồi phơi nắng mãi thế."

Rồi hẳn đứng chờ xem phản ứng của ông ra sao. Túy vẫn không nhìn hẳn và không trả lời. Nắm nan vẫn y nguyên nằm trước mặt ông.

Đứng một lúc, hẳn chán, chán lắm, và cái nắng thì nắng quá. Hẳn chịu thua đi vào bàn giấy ngồi. Chiều đến, chả là ở chỗ lán làm việc có trồng chuối, có một buồng chuối chín hẳn sai cắt ra phát cho tù mỗi người một quả, chính tay hẳn, cầm một quả to, chín ngon nhất đến để trước mặt ông bảo:

"Thôi ăn đi vậy, rồi mà về."

Ông cũng không nhìn hẳn và cũng không đáp lại. Đến lúc ra về quả chuối vẫn nguyên để đấy.

Sang đến hôm thứ tư. Sáng sớm đã thấy hẳn xuống, vào tận nhà giam về mặt hồ hởi bảo:

"Thôi từ hôm nay cho anh Túy nằm nhà."

Có lẽ hẳn đã báo cáo lên Ban Giám thị về tình cảnh như vậy, không tài nào khuất phục nổi ông Lâm Đình Túy, ngoài chuyện giết ông. Và thế là Quản giáo Cát chịu thua. Nhưng chỉ riêng Quản giáo Cát chịu thua thôi, chứ tên ác ôn Tăng, cán bộ CA sai lại có thể chịu thua Lâm Đình Túy được. Cứ chờ đấy. Cứ đợi đấy. Rồi sẽ biết.

Ít lâu sau, tôi thấy ngày nào ác ôn Tăng cũng đảo qua, nhìn vào chỗ bác Túy nằm. Bác thì bác không nhìn thấy hẳn. Chắc là hẳn muốn Bác nhìn hẳn lắm. Hẳn tái mặt, đi tiếp:

Tôi cảm thấy có một điều gì đấy sẽ xảy ra. Tôi chờ. Tôi lại thấy không khí im lặng, vắng lạnh của Cổng Trời những năm của thập kỷ 60 lờn vờn xuất hiện ở đâu gần đây. Cái mùi báo hiệu Thần Chết sắp đi qua.

Thế rồi Noel năm 1973.

Thường thì mọi năm lễ Noel là tù được nghỉ nhưng năm ấy, chính quyền đã ký sắc lệnh không cho nghỉ hay sao ấy. Tù làm sao mà biết được chuyện đó. Thế là sáng ngày 25 tháng Mười Hai năm 1973, kêng gọi tập hợp đi làm khuya rộn rã. Mọi người nhìn nhau. Các giáo dân thì từ chiều hôm trước đã họp mặt tổ chức lễ Giáng Sinh và đêm Réveillon rồi, mà đến sáng hôm 25 cuộc vui mừng sẽ còn tiếp diễn nữa. Nhưng tiếng kêng lại giục dã gay gắt hơn. Mọi người rất ngạc nhiên. Nhưng không ai ra tập hợp cả. Ban Giám thị lại xuất hiện, trật tự viên tay sai lố ngổ kéo vào. Họ vào từng nhà giam lừa ra tập hợp. Nhưng không ai chịu ra cả. Lệnh:

"Đánh và lôi chúng nó ra"

Thế là cuộc đàn áp bắt đầu. Lũ đầu trâu mặt ngựa xông vào đánh tù. Tôi nhìn thấy ác ôn Tăng, theo sau là tên tay sai đắc lực nhất: Nhạn Hải Phòng xông vào chỗ bác Túy. Chúng hùng hổ lắm. Nhưng một điều bất ngờ xảy ra. Cảnh đường chúng là tu sĩ Bạch Duy Vĩnh người Nghệ An, ông vốn bị què một chân, vì bị cùm ở xà lim nhiều ngày quá. Đi đứng ông đều phải chống gậy; thấy hai tên Tăng, Nhạn xông vào đánh bác Túy, ông cầm cây tre con để chống nạng ấy đứng chắn đường. Tên Nhạn xông lên trước, ông cầm cây tre quất vào mặt nó, tay kia đẩy tên Tăng lùi lại. Tôi cực kỳ ngạc nhiên và thán phục cử chỉ anh dũng cao cả tuyệt vời của tu sĩ Bạch Duy Vĩnh. Ông cân nặng độ 38 cân, cao độ 1 mét 50, xanh và gầy. Lúc nào ông cũng nhã nhặn tươi

cười, giúp đỡ mọi người. Sống rất tư cách, đức độ và tử tế. Ông có cái tính là không cời trần bao giờ, lúc còn áo may ô thì ông mặc may ô. Rách thì ông vá vào mặc, rách đến không vá được nữa thì ông cắt vải sô màu ra may áo may ô mặc. Thấy vậy, có lần tôi được nhà tiếp tế cho một đôi áo may ô, tôi đem biếu ông, nói thế nào tôi cũng không làm cho tu sĩ Bạch Duy Vĩnh nhận. Tôi vốn không hay mặc may ô chỉ cời trần nên cuối cùng đem đổi sắn cho bọn tự giác hình sự. Tôi nhìn ông lúc đó, tôi liền tưởng tới một nhân vật của Đông Chu Liệt Quốc: Yêu Ly. Một mình ông ngang nhiên đứng cầm đứng chặn hai tên ác ôn to lớn. Nhưng ông không chống cự được lâu. Chỉ một cái đạp chân, một quả đấm là ông ngã quay lơ ra, và chúng xông đến ông Túy. Chúng đánh ông Túy không tiếc tay và lôi ông ra ngoài trại. Trại tù náo loạn. Cuộc săn đuổi trói đánh diễn ra ác liệt.

Mũi nhọn đầu tiên chĩa vào là bác Lâm Đình Túy, rồi đến các đảng bực tu sĩ, chánh trương, trùm trường, đến giáo dân rồi nữa là đến chúng tôi những kẻ ngoại đạo nhưng chống bướng, cứng đầu cứng cổ, cũng bị đánh lôi ra sân trại.

Tôi vào loại khỏe, to con, nên tôi vẫn nhớ cho đến tận bây giờ, được phân công đánh tôi là tên Nhạn. Giá mà ở ngoài mà được ăn no thì không dễ gì nó đánh được tôi, nhưng ở tù ăn đói lâu ngày, sức khỏe giảm chúng lại đông nên tôi không chống cự được lâu chỉ được ít phút chúng đánh tôi ngã và lôi ra trói ở sân trại. Trong số bị đánh dã man, tôi thấy còn có nhà thơ Nguyễn Chí Thiện (tác giả Hoa Địa Ngục, tập thơ đã được giải thưởng của Pen Club quốc tế). Anh vốn gầy yếu và tù lâu quá lại có bệnh nên nó chỉ đánh anh vài đòn là anh đã gục xuống không dậy nổi. Chúng nó kéo lê anh sềnh sệch lôi ra sân.

Trời thì mưa và rét. Rét đến cắt ruột. Hôm ấy rét đến 0 độ và ở Sapa cách đây độ 20km, có tuyết rơi.

Chúng nó lôi tất cả chúng tôi ra sân trại. Những ai bị liệt vào loại cầm đầu, chống bướng thì chúng trói cánh tiên treo tay lên hàng rào dây thép gai.

Trong số bị trói cánh tiên đầu hàng là bác Lâm Đình Túy, đến tu sĩ Bạch Duy Vĩnh (địa phận Xã Đoài), rồi đến tu sĩ Khải (nhà thờ Hàm Long, Hà Nội), cạnh đó là bác Hải, cha đẻ của tu sĩ Khải, nhà ở phố Ngô Thời Nhiệm. Cả hai cha con đều bị bắt đi tù, và ở cùng một trại, nay lại bị đàn áp trói cùng một dây. Đây là một gia đình Công giáo đáng kính trọng, đáng khâm phục. bao giờ gặp bác Hải và tu sĩ Khải tôi đều kính cẩn cúi chào. Bác Hải giờ đã chết, còn tu sĩ Khải nay đã trở thành Linh mục nhà thờ Lớn. Thật là xứng đáng. Trong số bị trói ấy còn có thêm tôi và nhà thơ Nguyễn Chí Thiện.

Trói cánh tiên có nghĩa là trói quặt hai cánh tay ra sau lưng. Đầu tiên lấy một đoạn dây gai nhỏ trói hai ngón tay cái lại với nhau, rồi đến lấy dây thừng to trói hai cổ tay ngoặt lại với nhau, ngực nhô ra, đầu bị ấn xuống, hai tên ác ôn lôi hai tay treo ngược lên hàng rào dây thép gai.

Tôi nhìn thấy bác Lâm Đình Túy nhắm mắt rũ xuống.

Trói chừng độ một tiếng đồng hồ thôi thì đã khó thở, hai tay tê dại đi, ngực đau buốt, không còn điều khiển nổi cơ quan bài tiết nữa. Đau đớn lăm. Quần quai dưới trời mưa khát, đói, mệt. Lúc đó cuộc đàn áp đã lắng xuống. Chúng không bắt được mọi người đi làm, chúng bèn đổi giọng cho dọn vệ sinh trong trại tù chứ không được nghỉ. Mấy người tù hình sự đi qua chỗ chúng tôi bị trói, thấy đau đớn quá bèn xui:

"Sao các bác các anh không xin các ông ấy, để các ông ấy nhẹ tay cho có đỡ hơn không?"

Chúng tôi bị đánh bị trói đau đớn lắm nhưng không một ai van xin cả. Chúng tôi chỉ kêu lên thôi. Kêu trời vì đau đớn quá.

"Trời ơi, đau quá."

Thế thôi.

Độ hai tiếng đồng hồ sau, chúng tôi được cởi trói cho vào cùm ở xà lim. Tôi nghĩ là chỉ kéo dài thêm độ một tiếng nữa thì sẽ có người chết tại đó. Phần tôi, tôi đã ngoắc ngoải rồi. Mắt hoa, đầu váng, rồi vào trạng thái hôn mê không còn biết gì nữa. Lúc nó cởi trói lôi tôi vào xà lim tôi loạng quạng quay cuồng không biết nó lôi mình đi đâu.

Vào đến xà lim độ một tiếng sau thì tỉnh dần lại, và phải đến sáu tháng sau hai tay mới hết tê dại. Vào xà lim hai tay được tự do, thì các chân lại đút vào cùm. Cái cùm cố ý làm bé để co quắp vào cổ chân nghiền nát thịt ra. Cơ thể phản ứng lại và lên cơn sốt. Người nóng hừng hực. Gian xà lim bên cạnh, tôi thấy tiếng tu sĩ Bạch Duy Vĩnh gọi thất thanh, hốt hoảng:

"Ông Túy, ông Túy tỉnh lại đi. Tỉnh lại đi."

Không có tiếng trả lời, và một lúc sau, tu sĩ báo cho mọi người biết là bác Lâm Đình Túy đã chết.

"Các anh, các bác ơi, ông Túy chết rồi." Tu sĩ Bạch Duy Vĩnh kêu to lên như thế.

Chúng tôi im lặng kính cẩn cúi đầu trước cái chết của Đức thánh tử vì đạo Lâm Đình Túy. Chúng tôi nhìn nhau đau đớn. Không ai có thể làm gì hơn trong lúc này. Chân bị cùm, cùm nó cắn chân. Thể xác bị hành hạ đánh đập đến tả tơi, mặt mũi xưng vù. Mọi người thoi thóp sống, và tôi, tôi thấy cái chết đã đến gần.

Tôi quay sang anh Nguyễn Chí Thiện, anh cũng đã là đi rồi. Chỉ còn mỗi một tu sĩ Bạch Duy Vĩnh là còn tỉnh táo thôi. Cái chân què của ông bị teo lại bé lắm cái cùm không cắn, không làm gì nổi cái chân ấy. Sức chịu đựng của ông lại lớn nên chỉ còn có riêng ông là còn sức mà thôi. Ông nhắc nhở, khuyến khích nâng tinh thần mọi người lên bằng cách gọi tên từng người, đánh thức họ dậy làm cho họ tỉnh lại. Ông hỏi han ân cần bằng giọng nói chân tình ấm áp:

"Bác Hải ơi, anh Khải ơi, tỉnh lại đi, ngồi dậy đi đừng nằm liệt nữa."

"Anh Thiện ơi, dậy rồi thì lấy tay mà xoa bóp cho máu nó lưu thông đi."

Tôi rũ xuống sau cái chết của bác Lâm Đình Túy, nay được tu sĩ Bạch Duy Vĩnh gọi đánh thức dậy. Tôi ngồi lên, và cố sức thở yoga mong mình sống lại được. Chân tôi sưng tấy, đỏ bầm. Tôi nghĩ có lẽ mình không chịu nổi đêm nay.

Trời tối đen, xà lim lại còn tối đen hơn.

Đột nhiên có tiếng mở cửa xà lim, đèn thấp sáng ở xà lim bên. Có tiếng mở cùm. Hai người tù hình sự cùng Quản giáo trưởng vào, bó chiếu bác Lâm Đình Túy đem đi chôn ngay đêm đó. Một lúc sau cửa lại mở. Tôi được mở cùm, Nguyễn Chí Thiện được mở cùm, bác Hải bố tu sĩ Khải được mở cùm, bác Thiệu già người Hà Tĩnh cũng được mở cùm.

Sau này chúng tôi được biết là sau khi họp Ban Giám thị lệnh không cùm những người không

theo đạo Thiên Chúa, và những người già yếu. Tôi và anh Thiện là người ngoại đạo, bác Hải bác Thiệu thì già. Còn lại hai tu sĩ Bạch Duy Vĩnh, tu sĩ Khải thì tiếp tục bị cùm.

Tôi về đến trại. Người lạnh cóng, chân sưng to. Hai bàn tay vẫn còn tê dại, hai ngón tay cái không còn cảm giác nữa.

Anh Hoàng Tiên Như đón tôi và Nguyễn Chí Thiện ngay tại cửa. Anh dìu hai chúng tôi vào chỗ anh nằm. Anh bao giờ cũng được quyền ưu tiên: Có một lò than củi để sưởi, để nấu nướng. Anh cho thêm than, thổi lửa to chúng tôi hơ tay hơ chân, anh nấu cháo cho tôi và anh Thiện ăn, anh xoa bóp cho chúng tôi. Người tôi dần dần ấm lại và tỉnh táo lên. Cám ơn anh lắm, anh Hoàng Tiên Như. Giờ anh ở đâu? Làm sao mà tôi gặp được anh để trả ơn anh, để đền đáp lại tấm lòng hào hiệp của anh, đã cứu chúng tôi trong giây phút khốn cùng nguy hiểm đó.

Tôi xin phép được viết thêm một đoạn nữa về lễ Noel trong trại tù. Từ năm đó, 1973, tù không được nghỉ lễ Giáng Sinh. Năm 1973 ở trại Phong Quang, Lao Kay đã xảy ra câu chuyện trên. Và Đức thánh tử đạo Lâm Đình Túy đã chết vào dịp đó.

Sang đến năm 1974, đến lễ Noel vẫn ở trại Phong Quang, sáng ngày 25 tháng Mười Hai kèng vẫn đánh, vẫn xua người tù ra tập hợp đi làm. Tôi là người ngoại cuộc đi làm hay không đi làm không có gì quan trọng đối với tôi cả. Nhưng tôi thấy đầu tiên là tu sĩ Bạch Duy Vĩnh, tu sĩ Khải, bác Hải, cố Thiệu cùng một số người nữa như Đậu Xuân Dung người Hà Tĩnh... ôm chân chiếu của mình, đi đến ngồi ở cửa xà lim kỷ luật. Còn các giáo dân khác và chúng tôi những người ngoại đạo thì ngồi im chờ.

Kèng lại khua một lần nữa. Ban Giám thị, Quản giáo, lính coi tù, lại xuống. Có điều lính coi tù xuống nhưng không đeo súng theo. Họ vào trại và tuyên bố: Khám trại. Mọi người đem chăn chiếu quần áo ra sân để lục soát. Những người đã đem ra rồi, đang ngồi chờ ở cửa xà lim thì được khám trước xong đuổi về trại giam và cho nghỉ luôn cả buổi chiều. Cuộc khám xét trại diễn ra nhanh chóng, qua loa cho phải phép, rồi thì ai về nhà nấy. Mọi chuyện diễn ra êm ả, gọn gàng. Ban Giám thị lên ban, lính coi tù về doanh trại.

Chúng tôi những người tù năm ấy, 25 tháng Mười Hai năm 1974, lại ngồi cùng nhau hưởng một ngày nghỉ yên lành thoải mái.

Trên đây là câu chuyện Giáng Sinh của trại tù Phong Quang, Lao Kay năm 1973, 1974, tôi xin chép lại để các quý vị rõ.

* Ghi chú của tác giả: Những tên người, tên đất, tên trại tù đều là thật, không có hư cấu gì. Vẫn còn đất ấy, song một số trại tù đã giải tán, tù thì có người đã chết, có người vẫn còn sống để kể lại câu chuyện này.

Phụ đính:

Biệt kích miền Nam: “Hình nổ”

“Tôi tên Hinh, được anh em ưu ái tặng cho biệt hiệu “Hinh Nổ” là vì hai lý do: Trước hết, tôi chuyên môn gài chất nổ để phá hoại.

Sau nữa, tôi đã dám . . . Nổ vào mặt bọn cán bộ tuyên truyền của Việt Cộng. Bọn chúng tuyên truyền nói dóc với chúng tôi, chúng nổ những chuyện không ai tin nổi, làm cho tôi nổi cơn, tôi . . . nói dóc lại cho chúng nghe, nổ lại chúng bằng chính những câu nói dóc mà chúng nói với chúng tôi, làm anh em Biệt Kích cười nôn ruột, từ đó, họ đặt cho tôi cái tên . . . Hình NỔ.”
(Viết theo lời kể của Biệt Kích Quân Nguyễn Văn Hình, Melbourne)

Năm 1959, Miền Nam Việt Nam đang ở vào thời kỳ cực thịnh của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp, chiến tranh là một điều còn xa xôi lắm.

Lúc đó, tôi đang học lớp Đệ Nhị, sửa soạn thi kỳ thi “Tú Tài I”. Chưa thi, tôi đã vẽ ra cái vinh quang của người học sinh thi đậu bằng “Baccalauréat Première Partie”, oai phong lẫm liệt bước lên học lớp Đệ Nhất, năm sau thi “Tú Tài II – Baccalauréat Deuxième Partie. Có bằng “Baccalauréat” rồi là cứ ung dung ghi tên vào thẳng Viện Đại Học Saigon, tự chọn phân khoa mình ưa thích: Y, Nha, Dược, Kiến Trúc, Kỹ thuật, Luật, Văn Khoa . . . mà không phải qua bất cứ kỳ thi nào cả.

Vì cái viễn ảnh tươi đẹp đó, tôi cứ nghĩ rằng tôi sẽ đậu kỳ thi cuối năm. Số mình đậu, chắc chắn sẽ đậu, không cần phải cố gắng chi cho nhiều. Rủi thay, tôi lại . . . thi rớt. Vào thời đó, chưa có lệnh . . . Tổng động viên, nên tôi cứ tàn tàn học lại chờ thi khoá 2. Số mạng của tôi là miệt mài khoa cử, nhưng lại khác mọi người: Khoa cử của tôi không về các nghề nghiệp dân sự, mà lại khoa cử về . . . binh nghiệp.

Một hôm, trong khi tôi đang ngồi chăm chỉ học bài thi, thì người anh họ (học cùng lớp) của tôi đến chơi. Đợi lúc không có ai, anh ghé tai tôi nói nhỏ:

“Tao . . . tình nguyện đi học khoá Hạ Sĩ Quan Đồng Đố, vừa thoả mãn đời trai tang bồng hồ thì, vừa có tí tiền xài”

Tôi thắc mắc:

“Anh không lo học để mà thi lại bằng Tú Tài Một à?”

“Đi lính trước đã, khi ra đơn vị rồi, nộp đơn xin về đi thi. Bộ Quốc Phòng và Bộ Giáo Dục đồng ý năng đỡ những quân nhân có tinh thần học hỏi, nên cho thêm điểm, dễ đậu lắm.”

Tôi nghe bùi tai, xin cha mẹ cho đi lính.

Học căn bản quân sự ở Trung Tâm Huấn Luyện “Quang Trung” ba tháng, đến khoảng tháng 9 năm 1959, chúng tôi khoác ba lô đi ra Nha Trang để học khoá “Trần Bình Trọng” ở Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đố (lâu quá rồi, tôi không nhớ rõ tên khoá học, nên tên này có thể đúng, và cũng có thể sai). Gần mãn khoá học, các binh chủng quân đội, như Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Thiết Giáp, Pháo Binh . . . đều cử phái đoàn đến để giới thiệu binh chủng của mình và cũng để tuyển mộ tân binh. Tôi đang đứng sớ rớ thì gặp thầy giáo đầu đời bậc Tiểu học của tôi là Thầy Khai Tâm. Thầy đã không còn tiếp tục dạy học nữa, mà mang lon Trung úy, mặc bộ quân phục Nhảy Dù, đội mũ bê rê đỏ chói, làm trưởng toán tuyển mộ của “Lữ Đoàn Nhảy Dù”. Thầy hỏi tôi: Em có muốn đi lính . . . Thiên Thần Mũ Đỏ hay không?”

Thôi thì thầy đi đâu trò theo tới đó, tôi đặt bút ký tình nguyện gia nhập Binh Chủng Nhảy Dù.

Học xong khoá huấn luyện nhảy dù, tôi được bổ xung cho Tiểu Đoàn 5 do Đại úy Phạm Xuân Soạn làm Tiểu Đoàn Trưởng. Sau vài tháng mưa nắng chiến trường, là tới kỳ thi Tú Tài I, do tôi đã nộp đơn từ trước, nên được cho một tuần lễ nghỉ phép để về Sài Gòn dự thi. May mắn đã

đến, tôi được chấm đậu.

Đại Úy Soạn ký giấy cho tôi đi học khoá 3 Sĩ Quan Đặc Biệt, cũng tại trung tâm huấn luyện Đồn Đế, Nha Trang.

Mãn khóa học, tôi được gán lon Chuẩn Úy, nhưng Sự Vụ Lệnh cấp cho tôi lại không trở về Nhảy dù, mà lại về phục vụ cho Lực Lượng Đặc Biệt, trực thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống. Tuần lễ đầu, tôi được đặc biệt cho hưởng nhân, đi tới đi lui trong doanh trại ở Đại Lộ Thống Nhất, gặp và làm quen với những Biệt kích quân khác, mà đa số là độc thân, trẻ tuổi và . . . theo đạo Công Giáo.

Suốt một năm trời sau đó, tôi được đưa đi học đủ thứ khóa học của Biệt Kích. Vì đã có bằng nhảy dù rồi, tôi chỉ học thêm những môn học sau đây: Tình Báo, Truyền Tinh, Khai Thác Mật Mã, Phá Hoại, Tác Chiến và Mưu Sinh Thoát Hiểm . . .

Đầu năm 1962, tôi mãn khóa học để chính thức trở thành một Biệt Kích Quân. Chuyển hành quân đầu tiên của tôi là:

Đổ bộ vào Hà Tĩnh, theo dõi tình hình và . . . bắt cóc một người lính Bắc Việt, đem về hậu cứ để khắc thác thêm.

Đêm tối đen còn hơn mực, tôi được một giang đĩnh của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa (cải trang thành một thuyền đánh cá của ngư dân vùng Hà Tĩnh) đưa vào gần bờ biển. Từ đó, tôi một mình một bóng bơi vào bờ, đem theo trong mình giấy tùy thân của một ngư dân Hà Tĩnh, một bức thư liên lạc, một máy truyền tin và khẩu súng lục Browning.

Vào bờ, tôi liên lạc với điệp viên gài sẵn của Biệt Kích, bằng cách đem bức thư liên lạc đến bỏ tại “Hộp Thờ Chết”. Đó là một địa điểm do điệp viên của chúng ta tại Hà Tĩnh chỉ định để nhận thư và tài liệu. Khi nhận được tài liệu, người điệp viên sẽ liên lạc trực tiếp với tổng đài để báo tin và cho địa điểm của “Hộp Thờ Chết” sắp tới. Đúng giờ đã ấn định, tôi liên lạc với Tổng đài để biết sẽ phải tới đâu để nhận tài liệu. Biết được đích xác nơi phải đến để dò thám, tôi cứ tự nhiên như là người bản xứ, từ rừng đi vào thành phố Vinh, nhập vào đoàn người mà đi tới đi lui trong giới hạn mà tôi có thể di chuyển. Trong thời gian này, tôi phải chọn đối tượng để bắt cóc. Đối tượng phải là một người lính chính quy của Bắc Việt, có mặc quân phục hẳn hoi. Tôi mon men lại gần một bệnh viện của đám bộ đội, bọn chúng đi tới bệnh viện xin khám bệnh vào sáng sớm và chiều tối. Tôi theo dõi, tìm được một con mồi, đợi lúc hấn ta đi về nhà một mình, ra tay nhanh như chớp chụp thuốc mê kéo anh ta về bãi biển đã định sẵn. Đêm đến, ghe đánh cá vào tận nơi, những anh em Biệt Kích khác phụ với tôi khiêng người tù binh lên thuyền, trực chỉ Đà Nẵng.

Sau này, tôi được biết, người tù binh đó là một Thượng Úy. Khi tỉnh dậy, anh ta như là lạc vào một . . . thế giới khác, với những người nói cùng một thứ tiếng với anh, nhưng không gian thì hoàn toàn khác hẳn với thành phố Vinh của anh. Anh đã . . . thực tình khai báo những gì mà anh biết về tình hình địa phương và đơn vị trực thuộc của anh.

Trở về Saigon, tôi được chỉ định ở tại một ngôi nhà gọi là “Nhà An Toàn” với một số anh em khác. Đó là một ngôi nhà rất bình thường trên con đường Trần Hưng Đạo cũng rất bình thường của thành phố Saigon, mà Lực Lượng Đặc Biệt sử dụng cho các toán viên có nơi trú ngụ và để tập trung. Gia đình tôi vẫn ở vùng Hòa Hưng, nên tôi về đó sống tiện hơn là ở Nhà An Toàn. Được thành thạo khoảng một tuần, tôi được lệnh lên máy bay trở lại Đà Nẵng, rồi từ đó bay

thăng qua Lào, vào khu rừng núi trùng điệp, căn cứ của Biệt Kích và CIA Mỹ, nằm trong khu vực của Tượng Lào Vàng Pao. Tôi nhớ rõ là được ký tên trên giấy tờ là làm việc với tư cách Địch Viên, không có tên tuổi, không có số quân, không đơn vị (mặc dầu về phía Việt Nam, tôi gốc lính Nhảy Dù, Biệt Kích, có số quân hẳn hoi). Sau đó, tôi được xếp toán 6 người, sẽ lên trực thăng nhảy xuống vùng biên giới Lào Việt để xâm nhập vào Nghệ An.

Tôi chưa hề gặp và quen biết những biệt kích quân cùng toán với tôi, những cái tên mà chúng tôi được giới thiệu để gọi nhau, đều là những tên . . . giả. Giấy tờ tùy thân, mặt dầu là là giấy . . . thật, có đóng dấu đỏ chói của “Khai Thác Địa Chất Miền Núi” nhưng lại do CIA cung cấp. Thời gian này, toán chúng tôi chỉ có nhiệm vụ thu thập tin tức, giữ liên lạc với những điệp viên đã được gài sẵn ở Miền Bắc mà thôi. Những tin tức này được gửi về Đà Nẵng để tìm hiểu thêm và từ đó đưa ra những kế hoạch hành quân. Ngoài những toán Biệt Kích Việt Nam, trung tâm hành quân này còn có những toán Biệt Kích của Đài Loan, họ đều lớn tuổi, khoảng từ 30 tới 45 tuổi, nhưng tinh thần chống cộng rất cao. Thời gian đầu chưa quen biết, họ nói tiếng Hoa, chúng tôi nói tiếng Việt, lúc sau, có nhiều người trong bọn họ học nói tiếng Việt, nên chúng tôi nói chuyện vui lắm.

Ở phần đầu, tôi có nhắc tới những “Địch Viên” của chúng ta gài lại ở miền Bắc. Làm cách nào mà phòng Phản Gián của chúng ta gài được những điệp viên này?

Theo tôi được biết, vào năm 1954, trước khi quân đội Pháp rút khỏi miền Bắc, họ có tuyển một số người tình nguyện, đưa đi học một khóa tình báo ở Osaka khoảng 15 ngày, sau đó đem họ trở về sống bình thường ở khắp nơi trên lãnh thổ miền Bắc. Con số điệp viên không biết là bao nhiêu, gồm cả những điệp viên của Tượng

Tượng Giới Thạch, Cộng Hòa Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Những lần ra Bắc, chúng tôi thường xuyên liên lạc với họ qua những “Hộp Thờ Chết” nhưng chưa bao giờ nhìn thấy mặt họ, và cũng không bao giờ được phép tìm hiểu họ là ai? Những điệp viên này, tùy theo nhu cầu, có thể xin phép tuyển thêm nhân viên. Họ được trả lương và cung cấp máy truyền tin mới rất đều đặn. Cho đến nay, những điệp viên này vẫn còn sống, có điều không còn ai liên lạc với họ nữa, và họ cũng chẳng còn ai để báo tin.

Thông thường, cứ khoảng ba bốn tuần, chúng tôi lại làm một chuyến công tác nhảy toán một lần, mỗi chuyến công tác kéo dài khoảng 7 ngày, có khi kéo dài cả tháng, tùy tình hình an ninh tại nơi thu thập tin tức, và nơi trực thăng bốc chúng tôi. Cuộc đời của người lính Tình Báo Biệt Kích, tuy nguy hiểm và đầy những cam go và thử thách (có đời lính nào mà không nguy hiểm và cam go hay không?), nhưng đa số những toán tình báo đều trở về đầy đủ và an toàn. Sau mỗi chuyến công tác ở miền Bắc trở về, chúng tôi được đi máy bay Hàng Không Việt Nam về Saigon hoặc Đà Nẵng nghỉ phép.

Chuyến công tác dài bao nhiêu ngày thì khi về sẽ được nghỉ phép bấy nhiêu ngày. Mỗi khi đi phép, chúng tôi đều mặc thường phục và sống tại những “Nhà An Toàn” đã định sẵn, chỉ những lần đi lĩnh lương thì mới mặc quân phục mà thôi. Chúng tôi mặc quân phục của lính Nhảy dù, đội mũ đen có gắn cánh dù tương tự như Binh Chủng Nhảy dù, nhưng kích thước lớn hơn (sau này mới đổi qua bê rê màu xanh lá cây, giống như Thủy Quân Lục Chiến). Mặc dù không có Thẻ Căn Cước Quân Nhân, nhưng chúng tôi có một Giấy Chứng Nhận với chữ ký của Đại Tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực Lượng Đặc Biệt, trên đó có in tiêu đề của binh chủng, tên

quân nhân, số thứ tự của giấy chứng nhận và huy hiệu cánh dù Biệt Kích. Tên trên giấy chứng nhận là tên thật của chúng tôi, và vì không có hình ảnh dán kèm, nên mỗi khi chúng tôi gặp rắc rối, Quân Cảnh chỉ còn một cách duy nhất là gọi điện thoại cho Bộ Chỉ Huy của chúng tôi để hỏi thêm chi tiết mà thôi. Tiền lương chúng tôi lãnh, là lương bình thường của người lính Việt Nam Cộng Hòa, kèm theo phụ cấp bằng Dù, Bằng Biệt Kích mà thôi. Ngoài tiền lương này, về phía Mỹ, mỗi khi nhảy toán trở về, chúng tôi lãnh thêm tiền phụ cấp của CIA, vì những tin tình báo do chúng tôi thu thập, CIA cũng đều sử dụng.

Tướng Dương Văn Minh đảo chánh Tổng Thống Ngô Đình Diệm hồi nào? Tôi hoàn toàn không biết, vì lúc đó, tôi và anh em còn ở tuốt ngoài Nghệ An lận.

Sau chuyến công tác, vào khoảng tháng cuối tháng 11 năm 1963, tôi nhận được sự vụ lệnh về trình diện Bộ chỉ huy gấp, do Đại Tá Lam Sơn, chỉ huy trưởng Lực Lượng Đặc Biệt, ký.

Được mời về một cách đặc biệt như vậy, anh em trong toán, và ngay cả tôi nữa, cũng đều cho rằng, tôi sẽ được . . . thăng chức, hoặc ít ra cũng được . . . gắn huy chương vì thành tích nhảy toán xuất sắc.

Vào phòng chỉ huy trưởng, tôi chẳng thấy huy chương, cũng chẳng thấy lon lá gì để sẵn cho tôi cả, trái lại, Đại Tá Lam Sơn hỏi tôi một câu mà tôi không hề dự định:

“Chú em là đảng viên của . . . Đảng Cần Lao Nhân vị, phải không?”

Tôi thất vọng, buồn bã trả lời ông:

–“Dạ đúng, thưa Đại Tá!”

–“Tại sao chú lại gia nhập đảng Cần Lao Nhân Vị?”

–“Tại vì đảng này có đường lối ôn hòa, tôn trọng sức cần lao và nhân vị con người.”

–“Chú em có biết rằng, Hội Đồng Tướng Lãnh Cách Mạng đã ra chỉ thị đình chỉ công tác, theo dõi, thẩm vấn và loại trừ những đảng viên của Đảng Cần Lao hay không?”

–“Thưa Đại Tá, có phải đây là lý do tôi được gọi về trình diện Đại tá?”

–“Đúng vậy.”

–“Nếu vậy thì tùy Đại Tá định liệu. Tôi là lính, lúc nào cũng chỉ là một người lính mà thôi. Lệnh đó áp dụng cho những vị chỉ huy cao cấp kia, chứ còn tôi, suốt ngày tôi ở rừng ở núi, không lẽ Đại Tá đình chỉ công tác của tôi, cho tôi về . . . hậu cứ?”

–“Chú mày ngon! Dám nói như vậy với chỉ huy trưởng?”

–“Tôi đâu có còn cách nào để mà nói nữa, thưa Đại Tá.”

Đại Tá Lam Sơn chống tay cạnh sườn đi tới đi lui trong phòng một hồi để suy nghĩ, cuối cùng, ông đập tay lên bàn một cái . . . Rầm, nói với tôi:

–“Được! Chú mày ngon, thì anh cũng . . . chơi ngon với chú mày. Anh cho chú mày . . . mười bốn ngày phép, sau đó về trình diện, làm việc tại đây với anh.”

Tôi đứng như trời trồng, không ngờ là mình lại được may mắn như thế. Đi phép hai tuần thì tôi ham, nhưng về làm việc ngay tại cái hang cộp này, thì tôi . . . ón lảm. Đờn trai, tôi đang còn thích bay nhảy, làm sao mà ngồi một chỗ được. Tôi làm gan, nói lớn với vị chỉ huy:

–“Thưa Đại Tá, tôi không dám xin đi phép, chỉ xin Đại Tá cho tôi được . . . trở về đơn vị cũ.”

Ông Đại Tá cười sang sảng:

–“Đúng như anh nghĩ. Chú mày . . . bảnh thiệt! Vậy thì anh cho chú mày mười bốn ngày phép, lãnh lương liền, sau đó về lại căn cứ Vàng Pao, nghe chưa?”

Tôi . . . bay liền lập tức ra khỏi bộ chỉ huy.

Hai tuần lễ nghỉ phép đặc biệt thật là hạnh phúc. Tôi về nhà thăm cha mẹ, anh chị em, đi phố

chơi với người yêu . . . đủ cả mọi thứ, tiền bạc xài rủng rỉnh.
Hết phép, tôi lại trở về vùng rừng núi đầy sương mù nơi đất Lào xa xôi cách trở.

Đầu năm 1964, toán tình báo của chúng tôi được lệnh đi Nghệ An một lần nữa. Lần này nhiệm vụ hơi nhiều: Chúng tôi phải tìm hiểu chung quanh tỉnh Nghệ An có cả thủy bao nhiêu bồn chứa xăng? Đã gấn bao nhiêu dàn rada? Lấy tin tức chính xác về “Đập nước Linh Cảm” những nơi có thể đặt bom để phá hủy đập nước này. . .

Tin tức được lấy đầy đủ, tôi báo cáo rõ ràng mọi chi tiết cho trung tâm và được lệnh trở về. Tôi cho anh em biết địa điểm tập trung, nói họ cứ đi trước, tôi còn một nhiệm vụ nữa phải làm, sẽ tới sau.

Địa điểm tới của tôi là đến nhà thờ Vinh, thăm cha sứ để làm quen và mời cha làm đầu cầu liên lạc mới, vì cha là người nổi tiếng chống cộng ở ngay tại miền Bắc Cộng Sản.

Tôi mua vé xe khách vào Vinh, rồi đi bộ tới nhà thờ. Vừa đi được khoảng vài bước, tôi có linh tính là đang bị theo dõi. Trước khi lên xe, tôi đã giấu máy truyền tin ở một nơi rất kín, chỉ mang theo người giấy tờ tùy thân (giấy giả) và khẩu súng phòng thân mà thôi. Hai tên công an mặc thường phục đã đến sát bên tôi rồi, tôi muốn rút súng ra bắn tụi này rồi chạy thoát thân. Nhưng súng chỉ dùng khi mình có cơ hội chạy thoát mà thôi, bây giờ tôi đang ở trong thành phố, có bắn chúng nó thì cũng không biết chạy đi đâu? Thôi thì tới đâu hay tới đó. Hai tên công an tới sát bên tôi, một tên chìa súng, tên kia hỏi giấy đi đường của tôi. Tôi bình tĩnh đưa tay vào trong áo, tính rút súng ra bắn thẳng cầm súng rồi áp đảo thằng kia, nhưng chúng nó không phải có hai tên, mà còn nhiều tên bên cạnh đó nữa, chúng nhào vô đẩy tôi ngã xuống đất rồi còng tay bịt mắt tôi ngay lập tức. Một tên mò trong người tôi, lấy được khẩu súng và giấy tờ, hắn kêu lên mừng rỡ:

“Biệt Kích Miền Nam! Bắt được rồi.”

Về đồn công an, thay vì đánh đập tra tấn, bọn chúng để tôi ngồi yên trong phòng giam, gọi điện thoại đi tứ tung. Sáng sớm, một đám công an mới tới, có vẻ là cấp lớn hơn, chúng dắt tôi ra bắt đầu thẩm vấn. Càng trẻ càng tốt, giờ này thì các toán viên của tôi đã an toàn lên trực thăng rời khỏi Nghệ An rồi. Một tên hỏi dần mặt tôi ngay lập tức:

“Tôi có danh sách sáu người Biệt Kích Miền Nam hoạt động trong vùng này. Chỉ có trưởng toán mới được quyền đi vào thành phố, anh tên là Nguyễn Văn Hình, phải không?”

Đây chắc là đám chống tình báo của Việt cộng. Tôi không ngờ là bọn chúng lại có đầy đủ tên họ của cả toán Biệt Kích, lại tên thật nữa. Chối cũng vô ích, tôi nhận là đúng tên tôi.

Bọn chúng hỏi ngay máy truyền tin của tôi. May mắn là tôi không mang theo, nên khai là bị thất lạc ở trong rừng rồi. Bọn chúng hỏi số mật mã liên lạc với trung ương? Tôi trả lời thật dễ dàng:

“Nhiều số lắm, tôi không nhớ hết được, nên đã ghi vào mảnh giấy, gấn vào máy truyền tin “

Bọn chúng hỏi rất nhiều, đa số là tôi khai “Không nhớ” “Không biết”. Cho dù là có biết, tôi cũng không khai, vì biết rằng, lời khai của tôi sẽ có ảnh hưởng rất lớn cho những toán đi về sau.

Thấy tôi không khai, bọn chúng đổi chiến thuật, mỗi ngày đưa tôi đến một địa điểm khác nhau, đa số là nhà dân ở, rồi nói với tôi:

“Chúng tôi không có nhà tù, nên không biết đem anh giam ở đâu cả, chỉ để anh ở chung với dân mà thôi.”

Nhưng tôi biết, đám dân này toàn là công an đội lốt cả, chúng nó cứ hỏi tôi những câu hỏi vớ vẩn, rồi xen kẽ vào những câu hỏi nghề nghiệp, làm cho tôi phải cố gắng lắm mới không tiết lộ bất cứ những điều gì cần phải giấu.

Cuối cùng, vào khoảng tháng 4 năm 1964, bọn chúng lôi tôi ra trước tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, kết án tôi là “Gián Điệp Biệt Kích Miền Nam” và cho tôi bản án:

Tù trung thân.

Xử xong chúng mới đem tôi ra mà làm thịt, chúng đánh tôi như tử. Không khai câu nào, đánh câu nấy, không nói tiếng nào, đánh tiếng đấy. Chúng đánh tôi mềm người rồi mới xách lên xe đưa đi giam tại trại “Cổng Trời”.

Trại tù Cổng Trời không biết được xây từ lúc nào, chắc là do thực dân Pháp xây để giam giữ những nhà ái quốc chống lại chúng. Đó là một trại tù rất kiên cố, xây bằng đá xanh, hàng rào phía bên ngoài cũng bằng đá tảng, cao, cao lắm, cao vút tận trời (khoảng 4m gì đó), bên trên lại chằng giây kẽm gai nữa, chỉ có một cổng duy nhất đi vào mà thôi. Bị nhốt ở đây thì không có cách chi mà vượt ngục, trừ khi vượt ngục bằng cửa chính. (Trại giam “Cổng Trời” nằm trong địa phận huyện Đồng Văn là một trong số 10 huyện của tỉnh Hà Giang.

Hà Giang là một tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang. Về phía Bắc, Hà Giang giáp tỉnh Vân Nam và tỉnh Quảng Tây nước Tàu. Trại Cổng Trời chỉ cách biên giới Việt Nam – Trung Cộng độ 10 km đường chim bay).

Tôi bị biệt giam ngay từ khi tới trại. Ban ngày tôi được tự do đi tới đi lui trong phòng, ban đêm, chúng cùm tôi lại cho tới sáng mới mở ra.

Thời gian đầu, mỗi khi đêm xuống, tôi không tài nào ngủ được, tôi có cảm giác như người bị hõng chân, không tin rằng mình đã bị bắt. Tôi nhớ lại từng hành vi, cử chỉ khi đang hoạt động ở Nghệ An. Tôi đã nhày xuống vùng này nhiều lần, đã quá quen thuộc với đường đi nước bước rồi, tại sao lại dễ bị bắt? có thể vì đã quá quen, nên tôi đã bị sơ hở?

Tôi hối tiếc, vì đáng lẽ ra, tôi không nên đi xe ca (xe đò) vào buổi sáng, mà nên đi vào buổi trưa hoặc chiều, vì lúc đó, bọn công an đã trở về trại rồi. Nhưng tôi lại tự trả lời: Nếu tôi vào thành phố trễ, sẽ khó gặp cha xứ, vì cha sẽ phải đi thăm các con chiên trong họ đạo.

Hối tiếc thứ hai của tôi là, cũng đáng lẽ ra, tôi không cần phải đi gặp cha xứ ngay trong lần này. Vì việc tới gặp cha xứ chỉ là tự nguyện, trong trường hợp có thể làm được mà thôi. Chỉ vì tôi đã quá tôn trọng nhiệm vụ, nên đã liều mạng dùng xe ca để di chuyển.

Nếu tôi không đi gặp cha xứ, chắc chắn tôi đã không bị bắt rồi.

Trong khi ngồi trên xe ca, tôi quan sát, thấy người dân Nghệ An trên xe đều mặc quần áo giống tôi (đồng phục công nhân màu xanh biển) nhưng chiều cao thì thấp hơn tôi. Có thể chính cái vóc dáng này (1.76m) đã làm cho tôi khác với mọi người trong xe, nên bọn công an mới để ý và bắt tôi?

Trong thời gian bị chúng hỏi cung, tôi cũng đã trốn thoát một lần, nhưng tại sao tôi lại bị chúng bắt trở lại?

Khoảng hai tuần lễ sau khi bị bắt, chúng giữ tôi tại những căn nhà, gọi là . . . nhà dân và không còng tay còng chân tôi gì cả. Một hôm, nhân lúc chúng vừa cho tôi ăn chiều, lo thu dọn đem đi, thì tôi tàn tàn đi theo chúng nó, thoát ra ngoài, đi thẳng luôn xuống cuối phố, tìm đường đi về miền núi. Tôi vừa trốn vừa đi, được ba ngày thì tới vùng núi non, coi như là thoát rồi, chỉ cần leo lên tới lưng chừng núi là tôi sẽ tìm cách liên lạc với máy bay trực thăng để họ đón tôi về. Nhưng mà tới lúc đó thì tôi mệt quá rồi, ba ngày không ăn, không ngủ, tôi kiệt lực, gục xuống

một gốc cây thiếp đi. Tới khi tôi tỉnh dậy thì đã thấy bọn công an đang chĩa súng vào đầu tôi, chân chúng đang đạp lên ngực tôi, thế là tôi lại vào tù. Trên đường bị giải đi, tôi thoáng thấy đám trẻ chăn trâu đang nhìn tôi mà chỉ chỗ. Thì ra đám con nít này đã thấy tôi, đi báo với công an.

Thôi thì. cũng là số mạng đã an bài, tiếc nuối làm chi.

Mình đã làm tròn nhiệm vụ của một người Biệt Kích. Mình không làm điều gì sai trái, không để phiên lụy gì tới người khác. Hãy hãnh diện vì công việc mình đã làm.

Suy nghĩ như vậy rồi, tôi chấp nhận với số mạng.

Ở một thời gian Trong trại giam, tôi đã có dịp quan sát trại tù. Phòng giam của tôi rất nhỏ, chiều dài khoảng 2.5m, chiều rộng khoảng 2.00 m gì đó (tôi chỉ phòng chừng, không nhớ rõ). Ba phía phòng giam là tường xây bằng đá tảng, đằng trước là cửa gỗ. Qua khe cửa, tôi nhìn thấy trại giam chia làm hai dãy phòng đối diện nhau, cách nhau bằng một lối đi khoảng 1m. Tôi đã tìm cách liên lạc với anh em tù bên cạnh tôi và đối diện với phòng giam của tôi.

Đối với người tù ở hai bên cạnh, tôi dùng muỗng bằng sắt, cạo lớp vôi giữa hai viên đá rồi gõ vào đá theo kiểu truyền tin (Morse). May mắn thay, người tù kế bên cũng là một Biệt kích, nên đã trả lời lại cho tôi. Anh này đã bị tù trước tôi, nên đã cho biết, có khoảng 40 Biệt kích bị giam ở đây, phần còn lại là những người dân miền Bắc bị bắt vì lý do chính trị, những tu sĩ Công giáo và Phật giáo bị bắt trong chính sách diệt trừ tôn giáo của Việt Cộng.

Một hôm, sau khi nhận phần cơm, bọn cai tù đóng cửa bỏ đi, tôi thoáng nghe một giọng nói thật nhẹ nhàng:

“Bị bắt lâu chưa?”

Tội gì mà vào đây?”

Lời nói như gió thoảng, tôi không nghe rõ cho lắm, và cũng không biết là ai nói với ai? Nên tôi giữ im lặng để cố nghe lại và tìm hiểu xem lời nói đó phát xuất từ đâu?

Giọng nói lại phát ra, lần này tôi nghe rõ, phát ra từ phòng giam đối diện với tôi:

–“Bị bắt lâu chưa?”

Tôi vội vàng đứng thẳng lên, kê miệng vào khe hở của cánh cửa phía trên, trả lời vừa đủ nghe:

–“Tôi bị giam ở đây khoảng sáu tháng rồi”.

–“Tội gì mà vào đây?”

–“Tôi là Biệt Kích Miền Nam, nhẩy ra Bắc, bị bắt.”

–“Còn tôi là Giám Mục Công Giáo.”

–“Thưa cha, con cũng là người theo đạo Công Giáo.”

Thế là chúng tôi quen nhau, và tiếp tục nói chuyện với nhau rất là tâm đầu ý hiệp. Tôi được biết, cha tên là Nguyễn Văn Vinh. Tôi và cha Vinh đã có đôi lần cầu nguyện chung với nhau (đương nhiên là vào ban đêm).

Vào một buổi sáng, khi bọn cai tù đi giao cơm, tôi nghe tiếng chúng mở cửa phòng của cha Vinh, và nghe những lời đối thoại sau đây giữa người tù giao cơm và tên cai tù:

“Sao không thấy nó cựa cựa? Vào xem nó ra sao?”

“Nó . . . Chết rồi!”

“Tới giờ này mới chịu chết. Thôi được rồi, đóng cửa lại, không cần giao cơm nữa.”

Khi bọn chúng đi rồi, tôi cố gọi cha Vinh:

“Cha ơi, Cha Vinh ơi . . . Cha . . . Còn sống không? Trả lời cho con đi.”

Tôi gọi cha Vinh nhiều lần nữa, nhưng cha Vinh không bao giờ trả lời tôi nữa. Tôi nhớ thời gian đó là khoảng cuối năm 1964.

GHI CHÚ: Ông Mặc Lâm, biên tập viên đài Á Châu Tự Do RFA 2010-12-24 / Phong Trào PNVN/HĐCN <http://www.rfa.org/> đã phỏng vấn quý ông Phùng Văn Tại và Kiều Duy Vinh, như sau:

Ông Phùng Văn Tại, một giáo sư dạy môn giáo sử văn chương trong chủng viện, ông kể rằng: “Ngày 24 tháng 12 năm 1959 tức là chiều hôm trước chuẩn bị trang trí nhà thờ chính tòa để đón Noel, thì Ủy ban Liên lạc Công giáo, tức là Ủy Ban Đoàn Kết Công giáo đến gây chuyện, tranh dành việc trang trí nhà thờ. Tranh giành như thế cha chính Vinh cho kéo chuông. Hai cái tháp nhà thờ Chính Tòa của Hà Nội có 6 quả chuông cha chính Vinh cho ca đoàn lên kéo cùng một lúc, cứ như thể một cuộc báo động lớn năm 1959 cho nên kinh khủng lắm, và họ hô nhau đến bắt cha chính Vinh.”

Có thể nói cha chính Vinh là nạn nhân đầu tiên trong chính sách xóa sổ thâm lạng đạo Công giáo mà chính quyền Hà Nội hướng tới. LM Nguyễn Văn Vinh do quá cương quyết và không chịu khuất phục đã âm thầm chịu chết sau đó trong trại giam Cống Trờì.

“Bắt cha chính Vinh xong họ bắt một số ca viên, có những người chỉ mới 16, 17 tuổi. Cha chính Vinh bị bắt và cuối cùng ngài bị đày lên Cống Trờì. Cống Trờì là một cái địa ngục nhốt cho đến chết thì thôi, cùng với cha Lương Huy Hân. Cái chết của cha chính Vinh là như thế.”

Đại Úy Kiều Duy Vinh, khóa 4 Đà Lạt, kể lại rằng:

“Tôi tên là Kiều Duy Vĩnh sinh năm 1931 tại Hà Nội. Tôi học trường Chu Văn An, thế rồi giữa năm 1950 và 1951 tôi học ở trường sĩ quan Đà Lạt khóa 4. Tôi ra trường và đến năm 1954 tôi là đại úy tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 74 D Việt Nam ở khu 9 Linh Trang thuộc địa phận Hải Phòng.

Vào năm 1954 tôi là con một, tôi không đi di cư và ở lại miền Bắc, tới năm 1959 tôi bị bắt đi tù. Tôi tình nguyện thứ nhất 10 năm từ năm 1959 tới 1969 tại trại Cống Trờì. Ở đó tôi gặp tất cả những người tử tù đặc biệt là 72 người đầu tiên. Tôi lên cùng anh Nguyễn Hữu Đăng (ông là người từng lãnh trọng trách tổ chức buổi lễ tuyên bố độc lập cho chính phủ Hồ Chí Minh. Ông cũng là con chim đầu đàn của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, bị bắt khi phong trào này đòi quyền tự do sáng tác.). Chỉ còn mỗi tôi và anh Đăng còn sống còn 70 người còn lại chết cả trên trại cống trờì. “Trại cống trờì là cái tên một địa danh mà dân gian đặt ra vì ở đây nó là một cái dốc cống trờì. Còn địa danh do Bộ Công an, Cục Lao cải thì tên chính thức của nó là C65 HE công trường 75A Hà Nội. Không ai biết địa điểm của nó ở đâu, người ta muốn hỏi trại Cống trờì ở đâu thì đến Hà Nội, hỏi Bộ Công an, và Bộ công an thì...đấy địa chỉ đấy...”

Trước năm 1959 tôi với anh Đăng lên thì hầu như không có đường. Người ta chở chúng tôi tới Hà Giang rồi đi một đoạn nữa, rồi đi một đoạn nữa...cứ thế. Lúc ấy tôi đã là một sĩ quan rất biết địa hình lắm mà vẫn không biết vị trí thật của nó ở chỗ nào! Tôi ở đây 10 năm từ 1959 cho tới 1969 thì tôi được thả về.’

Đến đầu năm 1966 thì bọn chúng đưa chúng tôi ra giam ở phòng tập thể, từ 6 người trở lên, và bắt đầu cho học tập chính trị.

Tôi nhớ, bài học đầu tiên là “Tiến bộ của Xã Hội Chủ Nghĩa Liên Xô”. Bọn chúng tập trung anh em tù, đủ mọi thành phần, từ Biệt kích cho tới tù chính trị, tôn giáo . . . khoảng cả trăm người, ngồi đầy chật cả hội trường. Tên cán bộ Phùng mang trợn mắt kể:

“Ở một nhà máy đóng hộp thịt bò, người nông dân dắt con bò vào để làm thịt bò đóng hộp. Từ lúc dắt con bò vào cho đến khi giết bò, cạo lông, mổ bò, chia ra từng bộ phận . . . rồi đóng hộp, chỉ chừng nửa tiếng đồng hồ mà thôi. Sau đó, người nông dân đem về cả một bao đầy những hộp thịt bò đã đóng hộp xong để phân phối cho các hợp tác xã của mình.”

Đến phần thảo luận, mà bọn chúng gọi là “Thu Hoạch” tất cả chúng tôi phải đưa ra những lời phát biểu để chứng tỏ rằng mình đã hiểu sự tiến bộ của “Xã Hội Chủ Nghĩa” mà đứng đầu là Liên Bang Xô Viết.

Đến phiên tôi lên phát biểu, trước mặt mọi người, tôi đã kể lại sự ưu việt của Xã Hội Chủ Nghĩa, như sau:

“Liên Bang Xô Viết rất là tiến bộ, nhất là trong lãnh vực máy móc cơ khí, đến nỗi các kỹ sư có thể làm sống lại một con bò đã được xẻ ra làm thịt hộp. Hồi ở miền Nam, tôi được đưa đi du học ở Tây Đức. Ở Tây Đức có rất ít bò, cho nên họ đã mua được một xưởng “Tái Tạo Thịt Bò” của Liên Xô. Người nông dân đi mua tất cả những hộp thịt bò do nhà máy đóng hộp thịt bò sản xuất ra, đem vào xưởng tái tạo.

Người công nhân bỏ tất cả các hộp thịt bò vào trong máy tái tạo, chờ chừng nửa tiếng sau, dắt ra một con bò nguyên vẹn, đang nhai cỏ, giao lại cho người nông dân.”

Tôi kể câu chuyện tiến bộ của Xã Hội Chủ Nghĩa này bằng một giọng rất là . . . khâm phục và kính nể, nên bọn cán bộ cứ đứng nghệt mặt ra mà nghe để khâm phục tiếp cho tôi. Những nhà tu hành, những tù nhân chính trị không quen với lối nói chuyện của tôi, nên họ cũng ngồi im lặng, bán tín bán nghi.

Nhưng những anh em Biệt kích của tôi thì phá lên cười, họ vừa vỗ tay tán thưởng ưu việt của Xã Hội Chủ Nghĩa vừa ôm bụng cười nghiêng cười ngửa, cười như chưa bao giờ được cười. Mãi một lúc sau, những người tù khác mới hiểu ra rằng, chẳng thể nào có cái chuyện dắt một con bò vào hăng, nửa tiếng sau đem về một rổ thịt bò hộp. Muốn làm ra thịt bò hộp, phải đi qua rất nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn ở một hăng khác nhau, và mỗi hăng làm một lượt cả trăm con bò, chứ không thể nào làm từng con bò một. Và cũng không thể nào lấy thịt bò đã đóng hộp để mà trộn nó lại để làm nó trở thành một con bò sống bình thường được. Tới lúc đó, họ mới rủ nhau cười lên ồ ồ.

Tên cán bộ kể câu chuyện “Tiến Bộ” tức điên người lên, nhưng hắn không làm gì tôi được, vì rõ ràng tôi khen kỹ thuật tiến bộ của Liên Xô, tới nỗi Tây Đức là một quốc gia tiến bộ mà còn phải đi mua máy “Tái Tạo Thịt Bò” của Liên Xô. Tên này nói thêm vài câu nữa rồi chấm dứt buổi học tập.

Ra đến ngoài, anh em Biệt kích ào tới, nói với tôi:

“Thằng Việt cộng đã nỏ, mày còn . . . Nỏ hơn thằng Việt Cộng nữa! Cái hay là chúng nó cứ ám ó, không dám làm gì mày cả, vì mày . . . khen chúng nó mà!”

Thế là từ đó, tôi có biệt danh “HINH NỔ”

Cứ thế, cuộc sống của chúng tôi ngày này qua ngày khác cứ thế mà trôi đi. Ban ngày thì đứng ngồi trong phòng giam, ban đêm thì cùm kẹp. Bọn chúng không dám đưa chúng tôi ra ngoài rừng làm việc vì sợ rừng núi là địa bàn hoạt động của chúng tôi, chúng tôi sẽ trốn đi ngay lập tức.

Đối với anh em Biệt kích chúng tôi, trong những ngày đầu tù tôi, đã có rất nhiều người nản chí, nhưng chúng tôi ráng tìm cách liên lạc với nhau, ráng khuyên nhủ nhau giữ vững tinh thần, vì mình vẫn còn đường sống, mong chờ một ngày mai . . . Đại Quân Miền Nam sẽ đánh ra Bắc, giải thoát cho đám Biệt Kích. Hơn nữa, đa số anh em chúng tôi đều là người Công Giáo, nên

không bao giờ có chuyện tự tử, vì chỉ có Chúa Trời mới có quyền ban cho mình lẽ sống và đưa mình trở về với Chúa Trời.

Đến năm 1966, Không Quân Mỹ đã bắt đầu ném bom ở miền Bắc.

Bọn quân giáo sợ điếng người, nhưng chúng tôi lại mừng ra mặt. Chắc chắn sau những cuộc dội bom này sẽ có cuộc đổ bộ của Đại Quân Miền Nam, mọi người chuyền cho nhau những tin tức thật là nóng hổi, những suy luận thật là hợp tình hợp lý. Trong thời gian này, bọn quân giáo không dám lên mặt chửi bới hoặc có hành động gì hăm dọa chúng tôi cả. Trái lại, chính bọn chúng tôi đã . . . hù lại bọn chúng:

“Thằng nào làm gì, chúng tao nhớ tên từng đứa. Khi Đại Quân Miền Nam ra đây rồi, đổ chúng mày chạy đâu cho thoát khỏi tay anh em Biệt kích chúng tao.”

Không thể ngồi không mà chờ đợi, anh em chúng tôi nảy ra ý định:

VƯỢT TRẠI.

Chúng tôi để ý, mỗi lần có máy bay Mỹ đến dội bom, bọn quân giáo, bọn công an lại cùm chân chúng tôi lại rồi sách súng chạy xuống hầm trú ẩn hết, tới khi hết báo động mới dám chường mặt lên. Anh em trong phòng giam của tôi đã bàn với nhau:

“Mỗi lần có còi báo động, từng nhóm hai tên công an đi với nhau, mỗi tên một khẩu AK và ba băng đạn. Đợi khi chúng tiến tới gần, xiết cổ chúng nó liền lập tức, rồi lột quần áo của chúng mặc vào, đi ra ngay cửa chính mà vào rừng. Lúc báo động, không ai để ý tới ai, ngay chính những tên công an gác ở đài kiểm soát cũng lo chạy xuống hầm, không lo khẩu thượng liên sẽ bắn mình. Vào tới rừng rồi, để gì chúng tìm ra được.”

Tin tưởng vào cách thức vượt trại này, chúng tôi xem xét, để ý từng cử chỉ, từng đường đi nước bước của bọn công an, tìm ra từng toán hai tên công an đi với nhau để chọn ra toán nào dễ thanh toán.

Rủi thay cho chúng tôi, một Biệt kích trong lúc ngủ mê đã tiết lộ kế hoạch vượt ngục:

“Ngày mai, chờ lúc có còi báo động, tôi và anh Hinh sẽ chờ sẵn, tới khi hai thằng Toán và Thế tới gần, sẽ quàng khăn xiết cổ tụi nó liền, những người khác sẽ cướp súng, lột quần áo của hai tên này thật nhanh, rồi cùng . . . áp giải nhau ra cửa chính mà chạy.”

Anh Biệt kích nói trong cơn ngủ mê như vậy, đúng vào lúc hai tên công an Toán và Thế đang đi tuần ở ngoài. Thế là chúng nhào vào tóm anh ngủ mơ ngay lập tức và đem chúng tôi lên phòng tra hỏi.

“Chúng mày muốn . . . trốn trại, phải không?”

Tôi trả lời ngay lập tức:

“Đúng!”

“Thằng nào bày mưu tổ chức?”

“Chẳng có ai bày mưu tính kế gì hết. Thằng Biệt kích nào bị nhốt tù ở đây cũng đều muốt trốn tù hết. Trong đầu óc bất cứ thằng Biệt kích nào cũng có mưu kế để trốn tù hết. Nếu không có ý định trốn tù, đâu phải là Biệt Kích!”

-“Chính mày là chủ chốt vượt ngục, phải không?”

-“Tôi đã trả lời cán bộ rồi, trong đầu óc bất cứ một người Biệt Kích nào cũng có ý tưởng vượt ngục, không cần phải có người nào đứng làm chủ chốt cả. Tuy nhiên, ý định là một chuyện, làm được hay không lại là một chuyện khác, các anh canh gác như thế này thì chúng tôi làm sao mà vượt ngục được!”

Hai tên công an nhìn nhau, thích thú vì câu nói của tôi đã . . . khen chúng canh gác kỹ (Trên

thực tế, ở trại tù Cổng Trời này, vì địa thế hiểm trở, nên bọn Công an chỉ canh gác cho có lệ. Tôi nói móc họng tụi nó chứ không phải là khen). Chúng im lặng một lúc rồi cùng bước ra ngoài to nhỏ với nhau.

Tôi đoán rằng, trong lúc này, đầu óc tụi nó đang hoang mang lo sợ máy may Mỹ có thể đến thả bom bất cứ lúc nào. Nếu giữ tôi lại để tra tấn, để hỏi cung, lỡ máy bay Mỹ đột ngột bay tới, làm sao mà kịp giờ để chạy xuống hầm? Chạy không kịp, lỡ bọn Biệt Kích nổi loạn, chúng nó dám . . . giết mình lắm!

Hơn nữa, chúng tôi cũng chưa hề có một hành động nào chứng tỏ là sẽ vượt ngục, tất cả chỉ là một lời nói trong giấc mơ mà thôi.

Cuối cùng, hai tên cai tù trở lại, chỉ đe dọa tôi:

-“Chúng mày liệu hồn. Ở trại Cổng Trời này, chưa bao giờ có chuyện vượt ngục, mà dù có vượt ngục cũng không thể trốn đi đâu cho thoát. Đã lên tới cổng trời rồi, thì chỉ còn có một con đường duy nhất để mà đi tới là “Đồi Bà Then” chứ không còn con đường nào khác để đi xuống.”

Ghi chú: Đồi Bà Then là nơi chôn tù nhân. Chỉ bó chiếu mà chôn chứ không có mộ bia gì cả. Sau đó, chúng lại cho tôi vào phòng biệt giam, cùm tôi suốt một tuần lễ rồi mới cho ra phòng giam chung.

Tù nhân ở trại Cổng Trời, với khí hậu khắc nghiệt, ăn uống thiếu thốn, lại không có thuốc men gì cả, rất khó mà kéo dài cuộc sống: Ban đêm, nhiệt độ có khi dưới 0 độ, anh em tù chỉ có trên người một bộ quần áo vải và cái chăn đơn. Lạnh không còn nơi nào lạnh hơn. Ăn uống thì chỉ có khoai sắn, luộc với muối, lâu lâu có ít cơm. Nếu có bệnh, ráng chống chọi để mà qua cơn bệnh, nếu không qua khỏi cơn bệnh, thì chỉ còn cách . . . đem chôn.

Anh em Biệt Kích chúng tôi còn sống được là nhờ vào niềm tin:

Niềm tin là một ngày nào đó, Đại Quân Miền Nam sẽ tấn công qua sông Bến Hải để Giải Phóng Miền Bắc, giải cứu anh em Biệt Kích.

Nếu ngày hôm nay Đại quân chưa ra, thì ngày mai, ngày mốt, một ngày nào đó . . . Cứ thế mà chúng tôi kéo dài cuộc sống tù đầy . . .

Vào một ngày của năm 1973, tất cả tù Biệt kích chúng tôi được dời về trại Phú Lu ở Lào Kay để học tập về Hiệp Định Giơ Neo và cách thức trao trả tù binh. Tôi đếm cả thầy có khoảng một trăm hai mươi Biệt Kích, bao gồm cả những anh em Biệt Kích nhảy toán ở Cam Pu Chia, đường mòn HCM và Hạ Lào. Vừa cho học tập, bọn Việt cộng vừa làm công tác tuyên truyền để cài người: Mỗi Biệt kích đều được chúng gọi riêng vào phòng để dọa nạt, dụ dỗ sẽ cho trao trả sớm nếu chịu làm điệp viên cho chúng, báo cáo cho chúng những tin tức cần thiết ở Miền Nam. Anh em chúng tôi về phòng bí mật họp nhau lại, tương kế tựu kế, chỉ nói rằng sẽ làm những gì có thể làm, sau đó báo cho nhau đầy đủ những gì bọn chúng đòi hỏi, coi đó như là một trò chơi đấu trí mà thôi. Một số anh em còn bàn bạc trao đổi với nhau về những kinh nghiệm nhảy toán, để nếu sau này còn nhảy ra Bắc nữa, sẽ không mắc phải những lỗi lầm này. Nếu không nhảy toán, sẽ làm huấn luyện viên, truyền lại những kinh nghiệm này cho đám Biệt Kích đàn em. Thời gian học tập này là thời gian thoải mái nhất trong cuộc đời tù tội của chúng tôi. Thời gian này cũng là thời gian duy nhất mà anh em Biệt Kích không có ý định vượt ngục: Đang chờ để trao đổi tù binh mà! Vượt ngục làm chi? Cũng trong thời gian này, đôi khi chúng cho chúng tôi được cho ăn thịt. Thông thường, khẩu phần tù được 9kg . . . “Chất Bột” bao gồm khoai, sắn, rau, muối và hiếm khi có một ít gạo. Thịt chỉ được ăn (vài miếng được gọi là thịt) vào hai ngày

trong năm: Ngày Tết và ngày mà chúng gọi là “Độc Lập”.

Hàng ngày, chúng tôi được cho nghe tin tức từ đài phát thanh, và được biết, một vài nhóm tù Quân nhân Cộng Hoà đã được trao trả, làm anh em chúng tôi càng nức lòng hơn nữa.

Chờ mãi, chờ mãi cho đến tháng 10 năm 1973 mà vẫn chưa được trao đổi, anh em chúng tôi hỏi thẳng đám cán bộ:

“Tại sao chúng tôi không được trao trả?”

Bọn cán bộ trả lời quanh co:

“ Có nhiều toán được trao trả, ráng chờ tới phiên.”

Chờ không nổi nữa rồi, anh em chúng tôi bàn nhau:

Có thể bọn Việt cộng đã dùng chúng tôi để mặc cả một điều gì đó, nên mới chần chờ như vậy.

Được trao trả theo Hiệp định Genève là một dịp may hiếm có, phải nắm lấy cơ hội này, phải làm một cái gì đó để đòi hỏi, nếu không, sẽ không bao giờ còn cơ hội nữa.

Anh em Biệt Kích ra quyết định:

“Tuyệt thực, cho đến khi nào được trao trả!”

Không biết vì lý do nào đó mà anh em Biệt Kích ở Trại Quảng Ninh cũng đã có quyết định tuyệt thực cùng một ngày với anh em Biệt Kích ở Phú Lu chúng tôi, làm cho bọn Việt cộng lo ngại đã có . . . gián điệp Miền Nam trà trộn vào trong đám cán bộ của chúng để cho hai trại biết tin nhau, chứ anh em Biệt Kích không thể nào thông tin với nhau được, vì hai trại ở rất xa nhau. Chúng tôi thấy bọn cai tù bối rối ra mặt, nên càng quyết định làm tới.

Tuyệt thực tới ngày thứ ba thì bọn quản giáo họp chúng tôi lại, tuyên bố dỗ ngọt:

“Sẽ đưa nguyện vọng của anh em lên Bộ Công An để cứu xét gấp.”

Sau vài tuần chờ đợi, bọn chúng lại họp anh em chúng tôi lại, chia thành từng toán 20 người đưa lên xe đi, giải thích rằng:

“Trao đổi ở nhiều nơi khác nhau, nên phải chia toán ra mà đi.”

Toán thứ nhất có tôi, được đưa ra khỏi trại để lên xe.

Anh em còn lại vui lòng chờ đợi tới phiên mình.

Bất chợt, những người tù hình sự chạy vào báo cáo:

“Anh em trong toán vừa rồi, bị đưa lên xe bít bùng, vừa mới lên xe là bị còng lại. Đưa đi đâu không biết!”

Anh em Biệt Kích còn lại họp khẩn với nhau:

Nếu đưa đi nơi khác làm thủ tục trao đổi, tại sao lại phải còng lại? Tại sao phải ngồi xe bít bùng?

Như vậy, có nghĩa là anh em bị đưa đi trại giam khác, chứ không phải được đưa đi trao đổi.

Tất cả Biệt Kích yêu cầu quản giáo giải thích rõ ràng, nếu không, yêu cầu trao trả đám anh em vừa mới được chuyển đi.

Bọn Công an từ chối giải thích và cũng từ chối trao trả đám tù vừa bị đưa đi. Không những thế, chúng còn chĩa súng ra lệnh cho anh em trở về khu nhà giam.

Nhịn không được nữa rồi, anh em Biệt Kích quyết định:

Đánh!

Toàn thể hơn một trăm Biệt Kích bắt chặp súng đạn, lưới lẽ, đã nhào lên tấn công bọn Công an. Anh em dùng dao búa, đồ nghề và bất cứ thứ gì có thể dùng làm vũ khí, kéo bàn ghế làm chướng ngại vật để giao chiến với bọn Công An.

Bọn Việt cộng không chịu trao đổi thì anh em Biệt Kích . . . Tự Trao đổi.

Phải thoát ra ngoài. Phải vượt trại. Phải vượt ngục.

Bọn Việt cộng cũng biết vậy, nên chúng kêu viện binh, thêm cả lính chính quy với đại liên và xe tăng trợ chiến. Kết cuộc, sau một ngày giao chiến, anh em Biệt Kích bị thúc thủ, lại bị bắt công tay giải đi từng trại khác nhau.

Toán đầu tiên của chúng tôi đã bị đưa trở lại trại Cổng Trời.

Vài ngày sau, đám Biệt Kích còn lại cũng lên nhập bọn và bị biệt giam ngay lập tức.

Khi được biết anh em vì tình đồng đội, vì chúng tôi mà đã bị bọn Công an đàn áp, chúng tôi chỉ còn cách nhìn nhau mà thương cảm, xót xa cho cuộc đời tù tội dưới chế độ Cộng sản.

Biệt Kích thương yêu nhau, dùm bọc lẫn nhau như thế đấy!

Tháng 6 năm 1975, đang nằm trong khu biệt giam, chúng tôi được bọn Công an cho nghe radio, phát tin:

“Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà đã đầu hàng Bộ đội Việt Cộng”

Anh em chúng tôi không ai tin cả, vì đã một lần vào năm 1968, bọn chúng cũng đã cho chúng tôi nghe tin “Bộ đội Bắc Việt đã chiếm toàn cõi Miền Nam” Nhưng sự thật không phải là như vậy, nên lần này, dù bọn chúng có cho chug tôi nghe thật nhiều lần cái tin đầu hàng đó, chúng tôi cũng vẫn không tin, không nghe.

Mãi tới tháng 10 1975, bọn Việt cộng tập họp chúng tôi lại, cho xem đoạn phim xe tăng Việt cộng húc đổ cổng sắt tiến chiếm Dinh Độc Lập, Tổng thống Dương Văn Minh đọc lời hiệu triệu quân dân chính, kêu gọi quân nhân các cấp của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà buông súng ngưng chiến đấu.

Lúc đó, mặt trời mới hoàn toàn đỏ xụp trên đầu chúng tôi.

Từ khi bị bắt tới bây giờ, anh em Biệt Kích chúng tôi sở dĩ còn sống đến ngày nay là nhờ vào lòng tin. Lòng tin một ngày nào đó Đại Quân Miền Nam sẽ tiến về giải phóng quê hương miền Bắc, tiêu diệt bọn Cộng sản dã man, mang lại hoà bình cho toàn cõi Việt Nam và giải cứu chúng tôi.

Những người lính Biệt Kích đã chứng kiến cuộc sống an lành phồn thịnh của dân chúng ở miền Nam.

Những người lính Biệt Kích như chúng tôi, đã được trui luyện qua nhiều quân trường của quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Đào tạo ra một người lính Việt Nam Cộng Hoà đòi hỏi rất nhiều công phu sự luyện tập, đòi hỏi vừa khả năng về quân sự lẫn trí óc và lòng tin. Lòng tin vào chính nghĩa Tự Do, Cộng Hoà sẽ toàn thắng chủ nghĩa Cộng sản vô thần, vô tổ quốc, dã man, vô nhân đạo.

Đến khi bị bắt, chúng tôi đã được tận mắt chứng kiến mức sống cơ cực của người dân miền Bắc, đã được nhìn thấy những đám lính Cộng sản thiếu huấn luyện, vũ khí thô sơ, không có khả năng chiến đấu, chúng tôi đều có sự suy nghĩ, so sánh và kết luận là:

Miền Nam hơn Miền Bắc rất nhiều, do đó, chắc chắn quân đội của Việt Nam Cộng Hoà sẽ tiến về giải phóng Miền Bắc.

Sự thật xảy ra đã quá trái ngược với niềm tin tưởng của chúng tôi.

Mặt đất dường như xụp đổ ngay dưới chân của tôi. Tôi đứng không vững, tưởng chừng như nếu bước tới một bước nữa, sẽ bị xụp xuống hố sâu.

Tôi mở mắt nhìn trời, mà tưởng chừng như bầu trời đã biến mất, không còn một tia sáng nào ở trước mặt.

Chúng tôi nhìn nhau, nói không nói lên lời, khóc không ra tiếng.

Niềm tin vào Miền Nam của chúng tôi đã xụp đổ!

Còn gì để cho chúng tôi vịn vào đó mà sống nữa!
Một số trong anh em chúng tôi đã quá tuyệt vọng, đã tự tử.
Đến lúc này, chúng tôi mới chợt bừng tỉnh.
Trong chiến tranh, thắng bại là chuyện bình thường.
Tại sao lại phải chết?
Bại hôm nay, đâu có nghĩa là hoàn toàn bại trận.
Thắng hôm nay, đâu có nghĩa là mãi mãi thắng.
Lịch sử đã cho thấy, thua ngày hôm nay, ngày mai, năm sau, mười năm sau thắng lại vẫn là chuyện thường xảy ra và có thể xảy ra với Miền Nam Việt Nam.
Chúng tôi khuyến khích nhau, hỗ trợ tinh thần cho nhau để cùng đứng vững, cùng tin tưởng vào một ngày mai tươi sáng hơn.

Năm 1976, Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ và một số anh em từ trong Nam bị đưa ra ở cùng trại với chúng tôi, đã cho chúng tôi thật nhiều tin tức. Tin quan trọng nhất mà chúng tôi thu thập được là: Một số Sĩ Quan cao cấp của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã thoát ra ngoại quốc và đang tổ chức những cuộc kháng chiến.

Thế là trong tâm khảm chúng tôi lại bừng lên một niềm hy vọng mới:

Sẽ lại có ngày ca khúc khải hoàn!

Đến năm 1977, bọn Việt cộng tập họp chúng tôi lại, loan tin:

Án chung thân cho tất cả các Biệt Kích được xoá bỏ. Kể từ nay, tất cả tù nhân sẽ được chuyển về các Nông trường để sản xuất.

Nghe thì thật là nhân đạo, nhưng thực sự thì là một phương cách chuyển trại tù mà thôi. Lý do là toàn thể nước Việt Nam bây giờ đều nằm trong tay bọn Việt cộng, chúng không còn sợ chúng tôi trốn trại nữa, nên thay vì để chúng tôi ở trong tù, phí phạm, chúng chuyển chúng tôi về các nông trường sản xuất, bắt làm việc tự nuôi thân.

Tôi và một số anh em được đưa về Nông trường Hồng Thắng, ở Phú Lu, thuộc tỉnh Lào cay, để cày đất trồng khoai, trồng mì. Gọi là Nông trường cho có vẻ hoa mỹ, chứ thực sự, nông trường này cũng nằm ở một góc rừng không có dân địa phương lai vãng. Trong nông trường nhốt đủ mọi thứ tù: Từ tù hình sự tới dân sự, từ cán bộ tới bộ đội mà chúng gọi là “Hủ hoá, Tham ô”. Từ ra đồng từ sáng sớm tới tối mịt mới trở về khu nhà ngủ.

Những bữa ăn sáng trưa và chiều tối đều tập trung vào những lán, gọi là nhà ăn. Tất cả các loại tù đều xếp hàng ăn chung với nhau. Việc nấu nướng ở nhà bếp và chia khẩu phần cơm canh được giao cho những tù hình sự, tức là những người ít ra còn được bọn Việt cộng tin tưởng, vì họ sinh ra và sống muôn đời ở ngoài Bắc. Những tù nhân lo việc nấu nướng thì an nhàn hơn và có thể dấu phần cơm thêm cho mình, nhưng những người tù lo việc phân chia cơm canh lại không được an nhàn như vậy, vì cơm canh là lẽ sống của tù, nên chỉ cần chia không đều một vài hột cơm, một nửa củ khoai hoặc sắn là các tù nhân có thể cãi vã hoặc đánh người chia cơm liền lập tức, đôi khi đưa tới đổ máu, giết lẫn nhau. Vì thế, dù là tù hình sự có dữ dằn tới đâu đi nữa, cũng không dám đứng chia phần cơm cho tù được quá một bữa. Các cai tù và tù chia cơm đành phải nhờ tới các Biệt Kích Miền Nam lo nhiệm vụ chia cơm. Lý do mà Biệt Kích Miền Nam dám làm và làm công việc chia cơm một cách hoàn hảo, không phải vì anh em Biệt Kích . . . dữ dằn hơn các loại tù khác, mà vì những lý do như sau:

- Anh em Biệt Kích là những chiến binh can đảm, có số đông, lại luôn luôn bênh vực lẫn nhau. Anh em có đủ bản lĩnh để đánh trả những ai đụng tới mình hoặc ức hiếp các tù nhân khác.

- Anh em Biệt Kích đều là những người trọng danh dự, không làm lợi riêng cho mình.
- Có đầu óc tính toán, biết cách làm việc, biết cách chia phần cho đồng đều. Đa số đều có trình độ học thức, nên đều biết cách thức chế ra cái cân thăng bằng một đầu có đĩa đựng đồ ăn, đầu kia là quả cân bằng đá.

Ví dụ: Nếu mỗi người tù được nhận 100gram chất bột, thì anh em cân thử trước mặt mọi người lần đầu: Đẽ đồ ăn lên đĩa, rồi dờn quả cân tới điểm thăng bằng và đánh dấu tại đó. Tới phiên lãnh cơm thì một anh xúc đồ ăn lên đĩa, anh kia dờn quả cân tới đúng điểm đã đánh dấu, thế là xong, ai cũng có phần đúng như cân lượng.

Trong một bữa ăn trưa, sau khi tôi chia cơm xong, lấy phần của mình ra một góc ngồi ăn, có một anh tù tới gần chỗ tôi ngồi ăn chung, tự giới thiệu anh ta tên Bưởi. Tôi hỏi anh thuộc loại tù gì? Anh thản nhiên trả lời:

“Tù . . . Tham ô”

Tham ô? Tôi hơi ngạc nhiên, vì xứ Bắc nghèo nàn vô tận, có gì đâu để mà tham ô?

Anh thuộc loại cán bộ tập kết, lấy vợ là con gái của Phó Giám Đốc Mỏ Than Hòn Gai. Vì tên Giám đốc ganh tị với bố vợ của anh, nên đã kết tội anh là tham ô, lãng phí. Anh bị kết án tù 10 năm, đưa lên làm lao động ở đây.

Sau vài lần ngồi ăn chung, một hôm, đột nhiên anh hỏi tôi:

“Hồi đó, tôi ở . . . căn nhà an toàn tại lầu 4 đường Trần Hưng Đạo, tôi có treo một bức hình Tổng Thống Diệm đang đứng hiệu triệu quốc dân. Không biết có còn không?”

Tôi giật mình, lạnh sương sống, củ khoai lang mắc nghẹn trong miệng tôi, vì tôi có thấy tấm hình Tổng Thống Diệm ở trên tường. Tôi im lặng quan sát anh Bưởi một lần nữa:

Anh Bưởi này là ai mà lại ở “Nhà An Toàn” của Biệt Kích?

Anh là ai mà lại treo tấm hình Tổng Thống Diệm lên trên tường?

Anh Bưởi vừa bóc vỏ khoai lang vừa nhìn quanh, khi đã quan sát để biết rõ không có ai nghe lén, anh mới tiếp tục nói:

“Tôi là Đại Úy Biệt Kích Lê Văn Bưởi, được đưa qua Thái Lan làm con nuôi một gia đình cách mạng, rồi sau đó đưa về Hà Nội với tư cách . . . tập kết. Tôi được sắp xếp làm tại mỏ than Hòn Gai. Nhiệm vụ của tôi là nhận đồ tiếp liệu từ Hà Nội đem về, nên lấy được nhiều tin tức lắm. Tên Thủ trưởng muốn tôi xuất kho những món hàng có thể đem bán được, tôi không chịu xuất, nên hắn tìm cách cáo buộc tôi là tham ô. Tôi bị tù nhưng vì có bố vợ can thiệp, nên chỉ phải đưa đi làm lao động mà thôi.”

Tôi ú ớ, không biết có nên tin anh ta hay không? Tôi hỏi lấy lệ:

“Tụi nó đã biết . . . anh là ai hay chưa?”

“Chúng nó cũng là người thôi, chứ đâu phải là thần thánh gì để mà biết anh em mình có mặt ở mọi nơi, và đang làm cái gì? Nếu chúng nó biết tôi là ai, thì giờ này tôi đâu có ngồi đây mà nói chuyện với anh. Thôi, chào anh mạnh giỏi, ráng giữ vững tinh thần.”

Rồi anh đứng dậy, vờn vai đi trở lại chỗ làm.

(Ghi chú: Vào năm 2007, tôi có qua Mỹ dự đại hội “Biệt Kích Nhảy Bắc” và có gặp lại Đại Úy Bưởi. Anh kể tiếp cho tôi nghe đoạn cuối của cuộc đời Biệt Kích của anh:

“Năm 1984, tôi được tha, đem vợ con vào Saigon sinh sống. Khi nghe tin có chương trình HO, tôi đi thẳng tới Tòa Lãnh Sự Mỹ trình diện. Họ coi lại sổ sách, có tên tôi là Biệt Kích Nhảy Bắc,

gài tại Hà Nội, thế là họ cho cả gia đình tôi qua Mỹ định cư.”
Anh Bưởi đã qua đời vào năm 2009.)

Năm 1978- 1979, chiến tranh biên giới giữa Trung cộng và Việt cộng bùng nổ, anh em Biệt kích còn bị nhốt ở trại Cống Trờì xôn xao bàn tán: Từ Cống Trờì tới biên giới Trung cộng rất gần, chỉ leo qua ngọn núi là tới. Hãy nhân dịp này mà vượt trại đi thôi. Ở đây thì chỉ là kiếp tù đầy cho đến chết. Đàng nào cũng chết, chết trên đường tìm Tự do còn hơn sống nhục. Thế là một số anh em đã cùng với những Biệt kích của Trung Hoa Dân Quốc (Trường Giới Thạch) đã vượt trại đi qua Trung cộng. Số phận của họ ra sao, không ai được biết.

(Ghi chú: Cũng trong dịp đi dự đại hội Biệt Kích Nhày Bắc vào năm 2007, tôi đã được biết tin: Số anh em Biệt Kích Trung Hoa Dân Quốc, trong đó có anh Vòng A Cầu và Lê Trung Chính, sau khi vượt trại Cống Trờì, đã qua được tới Trung cộng. Bằng cách nào đó, họ đã liên lạc với Tòa Đại Sứ Mỹ và cũng đã được bốc về Đài Loan và cuối cùng, họ đã chọn định cư ở Mỹ.)

Phần anh em chúng tôi (khoảng 18 người) ở Nông trường Hồng Thắng, bị bọn Công an chuyển về Hà Nội, trực thuộc Cục Quản Lý Trại Giãm, để sửa chữa nhà cửa. Bọn chúng phát quần áo công nhân màu xanh biển cho chúng tôi mặc, mỗi sáng đưa chúng tôi lên xe chở đi sửa chữa những trại giam bị hư hại. Sau một thời gian quen thuộc, chúng không đưa xe đi nữa mà bắt chúng tôi tự di chuyển bằng xe lửa. Mỗi buổi sáng, chúng tôi tới ga Hàng Cỏ đón xe lửa tới những trại giam được chỉ định để làm việc, tối lại đón xe lửa về Cục Quản Lý Trại Giãm trính diện.

Một hôm, khi chúng tôi vừa tới nhà ga thì thấy một số các bà các cô đang gồng gánh và khiêng những kiện hàng nặng chiu xuống xe lửa. Những người này mặc dù mang vác đồ đạc nhưng họ có dáng điệu và cách ăn mặc khác hẳn đám đàn bà buôn bán thường đi xe lửa tại đây. Chắc chắn họ là thân nhân của các Sĩ Quan Miền Nam đang mang đồ đạc thực phẩm tiếp tế cho chồng đang bị tù ở những trại tù ở miền Bắc. Tôi tới gần họ nghe ngóng, một cô trẻ tuổi nói với mẹ:

“Má à, cái đồ này nặng lắm, để cho con “gắn” cho, má mang cái giỏ này đi.”

Trời ơi! Giọng nói của người Miền Nam!

Một giọng nói mà tôi tưởng chừng như là không bao giờ con nghe lại được nữa!

Trong phút chốc, tôi quên mất tôi là người sinh đẻ ở miền Bắc, để nhận tôi là người Nam, và cái giọng nói miền Nam đó là giọng nói của Mẹ Việt Nam của tôi, của đất nước tôi.

Nước mắt tôi trào ra. Tôi đứng im nhìn những người đàn bà mà tưởng chừng như đã được về nhà, đang đứng trước cửa nhà của tôi, và trong số những người đàn bà này có mẹ tôi, có cô dì có chị em của tôi. Tôi mừng quá, chỉ muốn chạy ngay lại chỗ bọn họ để mà hỏi thăm, để được nói những câu nói, được nghe những giọng nói mà tôi đã không được nghe từ hơn mười lăm năm trời nay.

Nhưng tôi kịp ngưng lại để nhớ thân phận mình đang là tù, đang ở Hà Nội. Tôi đứng im để cố nhớ lại những tù ngữ miền Nam mà tôi đã học được suốt mười năm sinh sống ở Miền Nam của tôi, khi nhớ lại rồi, tôi chạy lại chỗ các bà các cô đang khiêng hàng, cười tươi tỉnh, ráng lấy giọng miền Nam mà nói câu nói đầu tiên:

“Chào mấy chị. Mấy chị mang đồ đi thăm nuôi chồng học cải tạo đó, phải hông?”

Tui cũng là người xứ Nam Kỳ như mấy chị đó, tui theo ba tui ra tập kết ngoài đây. Để tui phụ mấy chị khiêng đồ xuống nha.”

Những người đàn bà nghe tôi nói tiếng Nam pha giọng Bắc, mặc dù họ không biết tôi là cái thứ gì, nhưng trong xứ Bắc mà nghe được một giọng Nam thì cũng một phần nào có lòng tin, họ nhờ tôi kiêng những đồ nặng xuống để chung một chỗ. Tôi hỏi họ muốn đi thăm nuôi ở vùng nào? Trại nào? Rồi ra ngoài mặc cả xe thồ, xe kéo đưa họ đi. Trong khi sắp xếp phương tiện, tôi từ từ hỏi họ về tình hình ở trong Nam ra sao? Nhất là vùng Thủ Đức, nơi cha mẹ tôi ở. Chiều về, tôi lại đứng chờ ở ga xe lửa để đón những thân nhân đi thăm tù cải tạo. Tôi lại giúp họ mang vác và mượn xe để dò hỏi thêm tin tức trong Nam. Họ cho tôi biết, Việt cộng đã cho đổi tiền, đưa các sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đi tù cải tạo, đánh “Tư Sản Mại Bản”. Tôi cũng cho họ biết tôi theo cha đi tập kết, đã lâu không về miền Nam, nên muốn trở về thăm nhà, nhưng không biết làm cách nào để về, vì không có giấy tờ, cũng chẳng có tiền bạc gì cả. Họ khuyên tôi nếu muốn về Nam, cứ đi về đi, Việt cộng chưa đến nỗi kiểm soát quá kỹ đâu, nhưng nên đi theo các xe chở hàng đỡ bị kiểm soát hơn.

Tối hôm đó, tôi nằm trong trại vắt tay lên trán suy nghĩ. Tương lai của tôi hiện tại chỉ là chôn chặt cuộc đời ở miền Bắc rồi chết đi như một người tù mà thôi. Đảng nào cũng chết, tôi phải bằng mọi cách trốn về Nam. Nhưng nếu đi bằng xe lửa, tôi không có tiền mua vé, dù có tiền mua vé, thì cũng sẽ bị bắt ở các trạm kiểm soát. Do đó, tôi quyết định phải đi theo xe hàng như đã được thân nhân tù cải tạo chỉ dẫn.

Sáng hôm sau, tôi đi dò la bến xe chở hàng ở đâu? Đám xe thồ chỉ cho tôi lối đi tới bến xe Kim Liên. Tôi tới bến xe, vừa lúc một đoàn xe chở hàng ở miền Nam vừa mới tới. Những người tài xế đang túa ra quán ăn sáng, có một người tài xế không đi, đang lui cui mắc võng nằm nghỉ. Tôi bước tới làm quen.

Anh tài xế cho biết, anh chở hàng từ Saigon thẳng tới Hà Nội, nghỉ một đêm rồi lại quay về Nam. Tôi nhìn kỹ trên cổ anh ta có đeo một giây chuyền có hình thánh giá. Mừng quá! Tôi đã gặp . . . phe ta rồi! Tôi cố tình bẻ cổ áo để lộ rõ cái giây chuyền có hình thánh giá đã lên nước bóng loáng của tôi, hỏi anh mới từ trong Nam ra phải không? Đường xá có hư hại nhiều lắm không? Vợ con ra sao? Cuối cùng, tôi hỏi anh trước đây anh có làm nghề lái xe “Tải” hay không mà dám lái đường trường như vậy? Anh cho biết, anh nguyên là Trung sĩ Quân vận của “Lính Ngụy”, nên lái xe đường xa thường lắm. Tôi lấy bản cũ ra soạn lại, cũng tâm sự là dân miền Nam, tập kết ra Bắc, nhớ nhà quá, bây giờ muốn . . . quá giang xe của anh về Nam thăm gia đình. Tôi nói rất ngậm ngùi là, ở ngoài Bắc này, tôi chỉ được nuôi ăn thôi, chứ không có tiền lương như ở miền Nam, nên sẽ không có tiền trả cho anh, chỉ xin tặng anh cây Thánh Giá bằng gỗ Soan mà tôi đang đeo trên cổ.

Ngoài sự dự đoán của tôi, anh trung sĩ hỏi tôi một câu thật là . . . cắc cớ:

“Chú có Đạo, sao lại đi . . . tập kết?”

Tôi bí lối, ráng bình tĩnh trả lời:

“Hồi đó, tôi còn nhỏ . . . biểu đi thì đi, chứ đâu có biết là đi đâu!”

Rồi cũng ngoài sự tưởng tượng của tôi, anh Trung sĩ không hỏi gì thêm nữa, mà đồng ý ngay:

“Muốn . . . dzia nhà thì dzia. Tụi tui rời bến sáng sớm mai, muốn . . . quá giang thì bốn giờ sáng mai có mặt tại đây.”

Tôi mừng quá, bắt tay anh rồi rít hện sáng mai đúng bốn giờ sẽ có mặt.

Tôi hôm đó, tôi dặn tên công an gác cổng là ngày mai tôi phải đi làm sớm, sẽ rời trại lúc ba giờ sáng. Tên này đồng ý.

Đúng bốn giờ sáng, tôi có mặt tại bến xe Kim Liên gặp anh tài xế. Anh ta mời tôi một gói xôi rồi giới thiệu tôi với anh phụ xe. Xe nổ máy, anh cho tôi ngồi giữa.

Xe bắt đầu rời bến, tôi hỏi hộp y như là lúc tôi ngồi trên trục thẳng sửa soạn nhẩy xuống Nghệ An mười lăm năm trước đây.

Xe chạy ngang Huế, tôi thấy một vài cửa hàng có treo đèn trung thu, tôi mới biết là sắp tới rằm Tháng Chín.

Đoàn xe vào tới miền Nam mà không phải dừng lại ở bất cứ trạm kiểm soát nào. Cuộc đào thoát của tôi đã trót lọt một cách cực kỳ êm đẹp, không thể nào ngờ được. Trên đường đi, tôi đã nghĩ ra hàng ngàn khó khăn sẽ ập tới, và hàng ngàn câu trả lời mà tôi sẽ phải trả lời. Cuối cùng là nếu bị bắt, tôi sẽ . . . tự xử bằng cách nào để xứng đáng với một Biệt Kích Miền Nam và không làm liên lụy tới người tài xế Quân Vận.

Vậy mà không một khó khăn nào đến với tôi hết!

Xe vào tới địa phận Thủ Đức, tôi xin anh tài xế cho xuống, cảm ơn anh, bắt tay anh thật nồng nhiệt.

Cảm ơn Thượng Đế.

Cảm ơn Đức Chúa Trời.

Con đã thoát khỏi ngục tù Cộng Sản rồi.

Cảm ơn anh Trung sĩ Quân Vận của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Cầu xin Chúa phù hộ cho anh.

Lúc đó là bốn giờ sáng, trời còn tối lắm, tôi đi bộ tới cái quán cà phê đầu đường. Cái quán này có từ thời tôi nhập ngũ, nay vẫn còn đây. Tôi đứng lảng vảng chờ cha mẹ tôi đi lễ buổi sáng.

Theo thông lệ từ lâu đời, mỗi sáng, cứ vào khoảng năm giờ sáng là cha mẹ tôi dắt tay nhau đi lễ sớm. Khi chưa nhập ngũ, tôi cũng đã từng theo cha mẹ đi lễ sớm.

Đây rồi, mẹ tôi đang từ nhà bước ra, tôi hỏi hộp nhập theo đoàn người thưa thớt bước theo. Tới gần mẹ, tim tôi đập mạnh hơn bao giờ hết. Tôi muốn nói nhưng cổ tôi nghẹn lại. Tôi cố lên tiếng:

“Mẹ! . . . Mẹ ơi . . .”

Đến lần thứ ba tôi mới nói ra tiếng.

Nhưng tôi nói nhỏ quá, mẹ tôi không nghe rõ. Bà thấy có người đi gần thì lảng ra xa. Tôi bước theo cố gắng nói cho bà đủ nghe:

“Mẹ ơi . . . Con là Hình đây . . .”

Mẹ tôi quay lại nhìn tôi. Chắc bà nghe không rõ nên lại quay lại tiếp tục bước đi.

Tôi tiếp tục đi theo bà, nói tiếp:

“Mẹ ơi . . . Con là Hình con trai của mẹ đây.”

Lần này, mẹ tôi đã nghe rõ, bà quay lại nhìn tôi, nhìn từ đầu đến chân:

“Thằng Hình . . . đấy à.”

Rồi bà té xỉu xuống đất.

Tôi đã dự phòng trường hợp này rồi, nên tôi ôm chặt lấy mẹ, dìu mẹ tiếp tục bước đi. Một lúc sau, mẹ tôi tỉnh lại, bà nắm chặt lấy tôi như sợ tôi lại biến đi, bà vừa khóc vừa hỏi tôi:

“Con . . . ở đâu về vậy?”

Tôi cũng vừa khóc vừa trả lời mẹ:

“Con nhẩy dù ra Bắc lấy tin tức tình báo, bị bắt tù từ ngày đó tới giờ. Con . . . trốn trại về đây.”

Mẹ nghe tôi nói thì vội vàng đổi hướng quay trở lại:

“Về nhà! Về nhà ngay đi con.”

Hai mẹ con vội vã quay trở về nhà. Mẹ chờ tôi vào nhà, đóng cửa cài then chặt chẽ rồi mới hỏi tôi ngọn ngành.

Mẹ cho tôi biết, ba tôi đã mất cách đây ba năm. Anh em tôi một người đi Không Quân, lái trực thăng, đã chết trận, người kia là Đại úy Biệt Động Quân, đóng ở Long Bình, sau 30 tháng Tư 1975 không thấy về nhà.

Tôi ở trong nhà suốt mấy ngày trời, hai mẹ con cố gắng tìm cách nào để hợp thức hóa sự có mặt của tôi.

Cuối cùng, mẹ tôi đã nghĩ ra cách giải quyết:

Nhà tôi còn thân nhân ở lại ngoài Bắc. Tôi sẽ đóng vai chồng của đứa em họ ở Hà Nội vào Nam thăm gia đình. Mặc dù từ thửa nhỏ tôi chưa hề đóng kịch, nhưng đóng vai người ở ngoài Bắc vào Nam thì tôi rành đủ sáu câu.

Sau hơn mười lăm năm xa nhà, lại có thân hình gầy gò ốm yếu và cách phát âm đúng điệu Việt cộng, thêm bộ quần áo xanh công nhân mà ở trong Nam không thể có, nên ngay cả những người hàng xóm cũng không nhận ra tôi là ai?

Mọi chuyện được dàn xếp đâu vào đấy. Công an tổ dân phố cũng đã đến kiểm soát. Cái giọng Bắc chính cống Việt cộng, thêm bộ quần áo công nhân làm cho đám công an nể tôi lắm, không hỏi thêm bất cứ câu hỏi nào cả, cũng không thắc mắc tôi sẽ ở trong Nam bao lâu?

Nhưng không lẽ ông cháu rể cứ sống bám mãi ở trong Nam, không về Bắc? Tôi không thể nào đóng mãi vai này được, phải tìm cách khác giải quyết.

Sau nhiều lần bàn cãi, mẹ tôi quyết định tìm đường cho tôi . . . Vượt Biên Tìm Tự Do.

Tháng 11 năm 1979, người quen với mẹ tôi giới thiệu một mối ở Long Xuyên. Tôi xuống dưới đó, lên thuyền. Ghe chở đầy . . . muối, đi Rạch Giá.

Buổi tối, nghe chuyển hướng nhắm cửa biển xả máy chạy thẳng.

Đi bốn ngày đêm, tàu của chúng tôi được một tàu buôn vớt, kéo tới Singapore.

Vài tuần lễ sau, phái đoàn Mỹ tới phỏng vấn tôi:

-“Anh là Biệt Kích được thả ra Bắc?”

-Đúng.

Anh có muốn định cử ở Mỹ hay không?

“KHÔNG!”

-Tại sao anh là Biệt kích mà lại không muốn đi Mỹ?

-Tại vì chính quyền Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa, nên chúng tôi mới bị thua trận.

– Trong thời gian ở tù ở miền Bắc, anh có thấy bất cứ tù nhân Mỹ nào hay không?

– Có.

– Tôi đại diện cho chính phủ Mỹ, xin mời anh tới định cư ở Mỹ. Anh có thể cung cấp cho chúng tôi tin tức về những người tù binh Mỹ mà anh đã gặp, chúng tôi phải cứu dân của chúng tôi.

– Cám ơn ông đã mời, nhưng tôi không xin đi Mỹ đâu. Còn về tù binh Mỹ, ông cứ việc hỏi, tôi sẽ trả lời.

– Rất tiếc, tôi không phải là người làm nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo. Tôi sẽ báo cáo trường hợp của anh cho cấp trên để họ cử người xuống gặp anh.

– Vậy khi nào những người thu thập tin tức đó tới, tôi sẽ nói cho họ hay.“

Tôi được chính phủ Hòa Lan chấp thuận cho định cư ở nước họ. Đúng bốn tháng trời ở trại tỵ nạn, tôi lên máy bay tới Hòa Lan.

Bốn chục tuổi đời, tôi vẫn còn . . . Độc Thân Vui Tính.

Hai tháng sau khi tới Hòa Lan, tôi nhận được thư của Tòa Đại Sứ Mỹ . . . mời qua Mỹ gặp Đại Tướng Smith của Biệt Kích Mỹ. Vì tôi là người Biệt Kích Nhảy Bức đầu tiên vượt thoát được lao tù Việt cộng, nên họ muốn nhờ tôi cung cấp những chi tiết cần thiết cho họ, mọi chi phí di chuyển, ăn ở . . . trong thời gian 6 tuần lễ tại Mỹ đều do toán này lo liệu.

Tất cả những câu trả lời về các trại giam Biệt kích, tôi đều trả lời đầy đủ.

Toán đặc nhiệm về tù binh Mỹ hỏi tôi có gặp bất cứ tù nhân Mỹ nào bị giam ở Bắc Việt hay không?

Tôi cho biết, khi sửa chữa những nhà tù ở Hà Nội, tôi có thoáng thấy những tù binh Mỹ bị giam ở đó.

Có bao nhiêu tù binh Mỹ?

Tôi không biết, chỉ thoáng thấy mà thôi, không được đứng lâu ở đó.

Tên họ những người tù binh Mỹ?

Cái đó tôi lại càng không thể biết được. Tôi đâu phải là công an Việt cộng đâu mà biết tên họ của những tù binh này.

Cuối cùng, tôi đoán ra mục đích của chuyến đi của tôi: Mỹ chỉ muốn biết về số phận của những tù binh Mỹ bị giam ở Bắc Việt mà thôi. Rất tiếc, tù Biệt kích không có giam chung với tù binh Mỹ, tôi chỉ xác nhận là có thấy những tù binh này mà thôi, ngoài ra, tôi không giúp gì thêm cho họ được cả.

Tôi trở về Hòa Lan, lập gia đình và tiếp tục cuộc sống tỵ nạn.